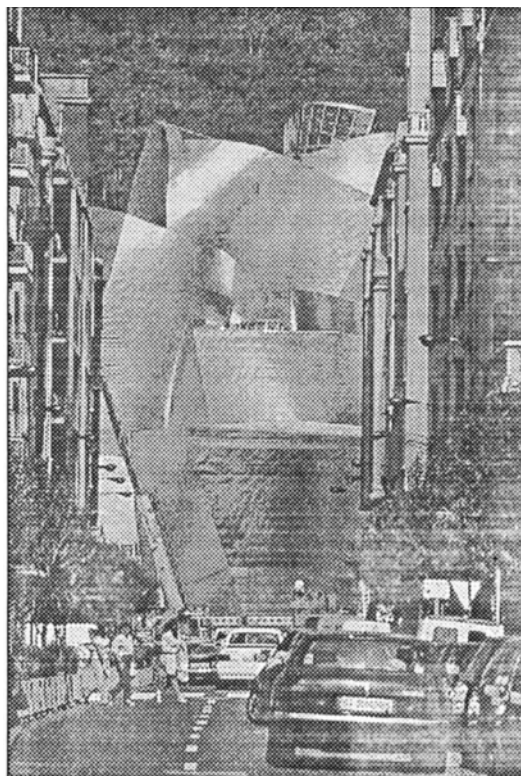


F O R U M



Bảo tàng nghệ thuật Guggenheim, Bilbao (R. Gaillarde)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|------------------------------|-----------------|
| 1 | Hiệp định thương mại Việt-Mỹ | Vũ Quang Việt |
| 3 | Tin / Thời sự | |
| 11 | Quyền được thông tin | Nguyễn Văn Phúc |
| 12 | Công khai ngân sách | Vũ Quang Việt |
| 13 | Vụ án Pinochet | Nguyễn Quang |
| 15 | Sổ tay | Kiến Văn |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|---|-----------------|
| 17 | Chủ nghĩa cá nhân “ văn hoá” | Hoàng Ngọc Hiến |
| 18 | Độc Phan Huy Đường | Hàn Thuỷ |
| 19 | Chữ Nôm và thời đại thông tin | (nhiều tác giả) |
| 20 | Độc <i>Chuyện cũ Hà Nội</i> của Tô Hoài | Đặng Tiến |
| 24 | Tết rằm trung thu (truyện ngắn) | Tô Hoài |
| 23 | Tìm về nguồn gốc hội hoạ | Văn Ngọc |
| 28 | Vô cùng xưa cũ (truyện ngắn) | Bảo Ninh |

Mỹ và Việt Nam đã tiến tới thoả thuận về Hiệp định thương mại

Vũ Quang Việt

Tin chữ lớn trên trang nhất tờ Thời báo Nữ Ước sáng nay (13/7/00) đưa ra là Mỹ và Việt Nam đã thoả thuận xong về Hiệp định thương mại Việt Mỹ. Chỉ một ngày sau đó, Tổng thống Clinton đã họp báo tuyên bố ký kết Hiệp định, đánh dấu việc bình thường hoá toàn diện quan hệ Mỹ Việt.

Hiệp định này đã trải qua gần năm năm thương thảo, suýt được ký kết trong cuộc họp cấp cao APEC tháng 11 năm ngoái ở New Zealand, nhưng phải đình lại vì Việt Nam muốn thương thảo thêm. Quá trình ký kết là sau khi hành pháp hai bên ký, quốc hội Mỹ và Việt Nam phải đồng thông qua thì hiệp định mới có giá trị. Mọi dấu hiệu cho thấy là hai viện của Quốc hội Mỹ sẽ thông qua nếu Tổng thống đệ trình. [Tin mới nhất cho biết Tổng thống vẫn chưa đệ trình. Một số quan chức Nhà Trắng cho rằng không nên đệ trình mà để Tổng thống mới giải quyết vì cho rằng quốc hội đã quá mệt mỏi trong cuộc đấu đá về Hiệp định Mỹ - Trung vừa qua. Ngoài ra, hoạt động chống đối của Liên hiệp Công đoàn Mỹ AFL-CIO có thể làm ảnh hưởng tới cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội vài tháng tới. Cần biết là nếu đệ trình theo đường ray nhanh chóng, Hiệp định phải nộp trước 45 ngày để ủy ban tài chính quốc hội thông qua, sau đó 15 ngày, quốc hội sẽ biểu quyết. Theo cách làm này, thành viên quốc hội không được quyền gắn vào đó bất cứ một dự án luật nào khác để đình hoãn.]

Theo nguồn tin nội bộ của Mỹ hé ra cho báo chí, đây là hiệp định giữa Mỹ và một nước đang phát triển toàn diện nhất từ trước tới nay, dày 150 trang và chứa đựng những chi tiết rất cụ thể về tiến trình thương mại, đầu tư, quá trình xoá kiểm soát định lượng và giảm thuế xuất nhập khẩu của Mỹ và Việt về từng loại ngành nghề và sản phẩm. Theo họ, nó sẽ không phải là những tờ giấy để tùy nghi Việt Nam lựa chọn đưa vào áp dụng mà nội dung gồm có những biện pháp trừng phạt thích đáng ngăn ngừa khi hai bên vi phạm.

(xem tiếp trang 10)

Vở múa mới
REQUIEM / NGUYỄN CẦU
của đoàn *Ea Sola*

(do Ea Sola sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hò Huế)
sẽ được trình diễn lần đầu tiên vào

ngày 15-17 tháng 9. 2000 tại Expo Theater
trong khuôn khổ *Triển lãm Quốc tế HANNOVER 2000*
trước khi lưu diễn ở nhiều nước (trong đó có *Théâtre de la Ville, PARIS, 9-12 tháng 5.2001*).

Những người thợ xé

phim truyện của **Vương Đức**
(nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp,

Hãng phim truyện Việt Nam sản xuất năm 1998, 100')
chuyển thể từ truyện ngắn cùng tên và một phần từ truyện
Con gái Thủy thần của Nguyễn Huy Thiệp
dự thi *Festival des 3 Continents* (Nantes tháng 11.1999)
sẽ ra mắt công chúng Paris kể từ
ngày **thứ tư 11 tháng 10.2000**

tại một số rạp ở Paris (trong đó có **Espace St Michel,**
place St-Michel, Paris 5è)

Diễn viên : Quốc Trị (vai *Buồng*), Lê Vũ Long (*Ngọc*), Thu Hà (*Phượng*), Minh Tâm (*Quy*), Vũ Đình Thân (*Thuyết*), Ngọc Bích (*Thục*). Kịch bản : Sơn Trang. Quay phim : Vũ Quốc Tuấn.

chương trình lưu diễn của

Nguyễn Lê

Tháng 9.2000 :

Từ ngày 13 đến 18, cùng ban tứ tấu *Paolo Fresu Angel 4tet* trình diễn tại Bogota (*Colombia*).

Tiếp đó, cùng Renaud Garcia Fons và Karim Ziad, Nguyễn Lê thực hiện một cuộc lưu diễn **Bakida tour** theo lịch trình sau đây :

26 tại Leverkusen (*Forum*) ; 27 Eberbach (*Gemeindehaus*) ; 28 Luxembourg (*Melusina*) ; 29 Schaffhausen (*Kammgarn*) ; 30 Freidrichshafen (*Bahnhof Fischbach*)

Tháng 10.2000 :

1 tại Dornbirn (*Spielboden*) ; 2 tại Karlsruhe (*Jubez*) ; 4 tại Freiburg (*Jazzhaus*) ; 5 Darmstadt (*Centralstation*) ; 6 Braunschweig (*Museum*) ; 7 Bielefeld (*Bunker Ulmenwall*) ; 8 Magdeburg (*Diagonale*) ; 10 Kiel (*Kulturforum*) ; 12 Lillehammer, Norway ; 13 Stavanger ; 14 Trondheim ;

Ngày 24.10, tại Domodossola (Italia), với Paolo Fresu Angel 4tet. Ngày 27 : tại Chambéry, Pháp (cùng với những nhạc sĩ địa phương).

Bạn đọc và Diễn Đàn

Từ Paradigme đến Clone

Cách đây mấy số, ĐĐ có đăng lại cuộc trao đổi trên mạng internet chung quanh từ *paradigme*, hơi kĩ thuật (nghĩa là khó hiểu đối với người ngoại đạo như tôi) nhưng cũng rất thú vị. Tuần qua, tôi được anh bạn cho mượn cuốn **Kinh Dịch và cấu hình tư tưởng Trung Quốc** của Dương Ngọc Dũng và Lê Anh Minh, nxb Khoa học Xã hội, 1999, thấy chữ “ cấu hình ” hơi lạ, tôi đọc phần dẫn nhập, được biết hai tác giả đã tạo ra từ ngữ mới này chính là để “dịch” khái niệm *paradigme* của Thomas S. Kuhn trong cuốn *The Structure of Scientific Revolution*. Các bạn nghĩ sao ?

Nhân tiện, tôi cũng muốn hỏi : chữ *clone, clonage humain...* tiếng Việt ta gọi là gì ?

Nguyễn V.T. (*Paris, Pháp*)

 Chúng tôi đánh giá cao việc hai tác giả Dương Ngọc Dũng và Lê Anh Minh cho biết rõ nguyên uỷ hai tiếng cấu hình và xin ghi nhận đề nghị đó. Về bản thân từ cấu hình, cũng như tựa đề cuốn sách, chúng tôi có chút phân vân : nếu các tác giả đặt tên sách là Kinh Dịch và cấu trúc tư tưởng Trung Quốc thì có lẽ phù hợp với nội dung cuốn sách và dễ hiểu hơn (chữ cấu trúc đã được dùng phổ biến ở trong nước). Như đã nêu rõ trong bài báo ĐĐ, từ *paradigme* được Kuhn vay mượn của ngôn ngữ học hiện đại. Trong ngôn ngữ học, chúng tôi đề nghị gọi *paradigme* là từ biểu (đối lập với *syntagme* tiếng Việt gọi là từ đoạn). Kuhn cho *paradigme* một nghĩa mới là hệ thống những khái niệm sử dụng trong một lý thuyết khoa học nên chúng tôi đề nghị : hoặc giữ nguyên từ biểu hoặc tạo một từ ngữ mới : hệ khái niệm.

Chữ clone sách báo trong nước gọi là nhân bản, *clonage humain* là nhân bản người. Vì nhân bản (*humanisme*) là một từ kép đã khá thông dụng, nên gọi clone là nhân bản dễ gây hiểu lầm, lại thiếu chính xác vì clone là một cách “ nhân ” đặc biệt, nguyên y bản chính. Vì vậy chúng tôi thử đề nghị : clone = bản sao y, cloner = sao y hoặc, cũng như người Nhật phiên âm clone là koronu, ta có thể phiên âm là clon, cloner (động từ) = nhân clon, sao clon (chúng tôi cảm ơn giáo sư Vĩnh Sính, Trường đại học Alberta, đã cung cấp thông tin về cách tạo từ của Nhật Bản).

DIỄN ĐÀN FORUM

—
Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

TIN TỨC

Lũ sớm

Mùa lũ lụt năm nay về sớm, đặc biệt ở đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 15.7, mực nước trên sông Tiền tại Tân Châu (An Giang) đã lên đến 3,20m, cao hơn cùng kỳ năm trước 1,01m. Tại các huyện đầu nguồn tỉnh Đồng Tháp, trong những ngày này nước lên bình quân 90cm/ngày khiến gần 67 000 ha lúa bị ngập úng. Ngày 14.7, một đoạn đê bao ở xã Tân Công Chí bị vỡ, được gia cố lại ngay nhưng sáng 15.7 lại tiếp tục vỡ. Cũng trong 2 ngày 13, 14 có 3 đoạn đê ở các xã Thường Thới Hậu A, Thường Phước 1 (huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp) bị vỡ. Tối cuối tháng 7, đỉnh lũ tại Tân Hiệp (Kiên Giang) lên đến 1,40m — 1,50m, mức cao nhất từ 24 năm qua, và đầu tháng 8 mực nước sông Tiền tại Tân Châu đã lên đến 4,2 - 4,3 mét, ở mức báo động 3, mực nước sông Hậu tại Châu Đốc tới 3,8m, cũng ở mức báo động 3. Theo ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão trung ương, đến ngày 30.7, lũ đã làm trên 250 nghìn hecta lúa hè thu bị ngập, trong đó trên 28 nghìn hecta bị mất trắng tập trung tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ.

Tuy nhiên, giữa tháng 8 nước đã bắt đầu rút, và theo VNA, tới ngày 13.8, năm tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ và Kiên Giang đã gặt được 766 300 ha lúa hè thu, trên tổng số 985 080 ha. Thiệt hại ước tính cho cả 5 tỉnh là khoảng 237 tỷ đồng (17 triệu USD).

Theo Reuters, tối ngày 1.8, có 3 người chết vì lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, trong khi đó mưa lũ ở các tỉnh phía bắc đã làm thiệt mạng 33 người, trong đó có 20 người bị đất lở cuốn đi ở Lào Cai. Nước sông Hồng dâng cao trong tháng 7 cũng đã rút xuống dưới mức báo động số 1 vào ngày 11.8.

Ngược lại, từ ngày 22.8, cơn bão số 2 đổ bộ vào miền Trung gây mưa rất to trên địa bàn các tỉnh Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị... Do mưa to nên nước ở thượng nguồn đang đổ về các sông tại Quảng Ngãi rất mạnh. Nước sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) đã lên cao 4,02m xấp xỉ báo động 2 và vẫn tiếp tục lên khi chúng tôi soạn tin cho số báo này tuy cơn bão đã tan. Nước sông Hương lên tới 3,23m, vượt báo động 3... (Tin tổng hợp theo Lao Động, Nhân Dân, AFP, Reuters)

Bom nổ ở Lào

Theo nhiều nguồn tin của các hãng thông tấn, có ít ra 6 lần bom đã nổ trong hai tháng qua ở các nơi công cộng ở thủ đô Lào, như chợ, quán cơm (của người Việt), xe buýt v.v. Gần đây nhất là một trái bom chưa kịp nổ được khám phá ở cổng toà đại sứ Việt Nam ngày 1.8. Cộng thêm vào đó là cuộc đụng độ ngày 3.7 ở biên giới Lào - Thái giữa quân đội Lào và một

nhóm vũ trang khoảng vài chục người, làm 5 người chết và 27 người trong số những người chạy sang Thái đã bị quân đội Thái bắt giữ. Nhóm người vũ trang đó là thuộc những lực lượng người dân tộc Hmong chống chính phủ Lào, hay chỉ là những “nhóm buôn nha phiến” như một nguồn tin đưa ra? Trong điều kiện bùng phát thông tin của cả hai chính phủ Viên-Chăn và Hà Nội, khó ai biết chuyện gì đang xảy ra ở nước láng giềng và hiện là đồng minh gần gũi nhất của Việt Nam. Ngay cả tin chính xác về số nạn nhân (hơn một chục người bị thương?) của các quả bom cũng không có tin chính thức xác nhận hay phủ nhận. Thậm chí khi đài truyền hình Thái quay được hiện trường sau khi một quả bom nổ ở trước nhà bưu điện chính ở Viên-Chăn, người dân Viên-Chăn xem được nhưng trên các kênh thông tin của Lào thì vẫn không có gì. Những nhóm người Hmong được CIA huấn luyện trong thời chiến đang ngóc đầu dậy, và cũng chính họ là kẻ đã gài bom nổ hè qua? Giả thuyết được nhiều người đưa ra này, theo nhà báo Grant Evans viết trên tờ The Nation ở Băng-Cốc ngày 18.8, chẳng có được một cơ sở chứng cứ nào. Tờ Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER) đề ngày 27.7 đưa ra một giả thuyết khác: chính những phe phái thân Trung Quốc trong đảng và chính phủ Lào, chứ không ai khác, là tác giả của những cuộc đánh bom, hầu làm lung lay phe thân Việt Nam. Tờ báo đưa ra cả tên ngoại trưởng Lào Somsavat, “một người gốc Hoa”, như một người lãnh đạo phe thân Trung Quốc đang tìm cách lật đổ các lãnh tụ già nua (hầu hết ở tuổi 80), thân Việt Nam, ở bộ chính trị đảng. Nhưng, cũng đúng như Grant Evans nhận xét trong bài báo đã dẫn, giả thuyết này cũng chẳng có được một cơ sở chứng cứ nào. Tuy rằng, tình hình hỗn loạn mấy tháng nay ở Lào hiển nhiên không làm cho Hà Nội được yên tâm. Giữa tháng 7, tướng Lê Văn Dũng, tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam đã sang thăm và làm việc với các đồng sự Lào trong suốt một tuần lễ. (AFP 4, 9, 17.7, AP 1.8, Reuters 3.8.2000)

Thị trường chứng khoán: có chợ nhưng không có hàng...

Đặt ở Bến Chương Dương, quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm giao dịch chứng khoán đã mở phiên chợ đầu tiên ngày 28.7 vừa qua, hàng hoá chỉ có hai loại cổ phiếu là Ree (cơ điện lạnh) và Sacom (cáp và vật liệu viễn thông), khối lượng bán ra là 4200 cổ phiếu trong khi khối lượng đặt mua là 335 500 cổ phiếu, tỷ lệ chứng khoán mua bán là 1,25 % so với tổng số đặt mua. Đến phiên chợ thứ mười, ngày 18.8, cũng chỉ mới có ba loại cổ phiếu được mua bán (thêm Hapaco - giấy) và lượng giao dịch cũng chỉ ở mức 3,5 % số cổ phiếu đặt mua.

Thật ra, hiện có đến khoảng 60 công ty hội đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu để giao dịch ở thị trường chứng khoán, nhưng hầu hết đều chọn thái độ ‘chờ và xem’: chờ xem diễn biến của chợ chứng khoán ra sao mới tính tới việc tham gia. Phải nói rằng những qui định mua bán của Trung tâm giao dịch chứng khoán không mấy gì khuyến khích việc tham gia đó. Trước hết, qui chế thị trường chứng khoán giới hạn biên độ dao động của giá mua bán chứng khoán không quá 5% so với giá đóng cửa phiên chợ kỳ trước, tức người mua hay bán bị hạn chế về giá cả. Qui chế thị trường chứng khoán còn buộc

người bán phải nộp đủ số chứng khoán cho công ty môi giới trước khi ra lệnh bán và người mua thì nộp đủ tiền trước khi đặt lệnh mua, tức là không cho phép mua bán khống.

Mặt khác, ngay những phiên chợ đầu tiên, Trung tâm giao dịch chứng khoán đã thay đổi đột ngột luật chơi. Trái với qui định ban đầu là để thả nổi giá chứng khoán trong ngày đầu tiên, Trung tâm giao dịch đã ấn định giá trần cho các loại cổ phiếu giao dịch. Ngày thứ hai, Trung tâm giao dịch lại thu hẹp biên độ dao động về giá từ mức qui định 5% xuống còn 2%. Theo nhận định của một nhà báo, “ *những biện pháp nóng vội này chính là những đòn chí tử giáng vào niềm tin của công chúng mà hậu quả về lâu về dài khó lòng lường hết ngay bây giờ* ”.

Những qui định và biện pháp trên đây đều nhân danh mục đích chống đầu cơ và ổn định thị trường, bảo vệ lợi ích của người đầu tư. Ngay sau phiên chợ thứ hai, Trung tâm giao dịch đã lên tiếng tố cáo “ *các nhà đầu cơ chứng khoán đưa ra một lượng lớn lệnh mua với giá đội trần đang làm cho thị trường rất nóng* ”, và khuyến cáo “ *các nhà đầu tư không nên mua theo tin đồn và không nên cùng một lúc đổ xô để mua chứng khoán, tạo nên tâm lý không tốt cho thị trường* ”.

Vấn đề là thị trường chứng khoán huy động nguồn vốn cho đầu tư dựa trên một hoạt động thuần túy đầu cơ : bản chất của thị trường chứng khoán là đầu cơ, là mua bán cổ phiếu và trái phiếu để kiếm lời trên chênh lệch giá - chứ không phải để hưởng cổ tức hay lợi tức ; cho nên, giá chứng khoán vừa có tính qui ước, vừa bất ổn định, và có thể tách rời hoàn toàn giá trị thật của nó khi thành hình những bong bóng đầu cơ. Chủ trương một thị trường chứng khoán không đầu cơ và ổn định là dựng một cái chợ sẽ không có người mua bán hàng...

(Thời báo Kinh tế Việt Nam 21.8 ; Tuổi Trẻ 13, 15, và 1.8 ; Tuổi Trẻ chủ nhật 9.7 và 6.8 ; Sài Gòn Tiếp thị 5.8.2000)

Huy Hoàng : được để yên làm ăn mà trả nợ !

Sau Tamexco, Minh Phụng, Epcó, một ‘ tù kính ’ khác của Thành phố Hồ Chí Minh, công ty Huy Hoàng, đã vỡ tung. Từ tháng tư vừa qua, công ty đã mất khả năng thanh toán, dù chỉ để trả nợ lãi hàng tháng là 3 tỉ đồng, trong khi đó dư nợ lên đến 416 tỉ đồng và 10 triệu USD (tổng cộng khoảng 40 triệu USD). Giám đốc công ty, ông Lê Văn Kiêm, đã bị phong tỏa hộ chiếu xuất cảnh. Cơ quan tư pháp tiến hành tố tụng của thành phố đánh giá ‘ Huy Hoàng đã chết ’.

Thành lập năm 1990 nhằm hoạt động may thuê xuất khẩu, công ty Huy Hoàng từ năm 1995 đã nhảy vào lĩnh vực đầu cơ địa ốc với những công trình xây dựng lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Lâm Đồng... Tạp chí Kinh tế Viễn đông (FEER, xuất bản ở Hồng Kông), trong số báo ngày 29.2.1996, đã ca ngợi không tiếc lời ‘ ông cán bộ tư bản ’ - ông Lê Văn Kiêm là đảng viên cộng sản và là cán bộ trước đây của bộ giao thông và vận tải - đứng đầu một doanh nghiệp tư nhân với tài sản trị giá 50 triệu USD và vốn lưu động 40 triệu USD (tờ báo còn vẽ lên chân dung của ‘ nhà tư bản đồ ’ mang đồng hồ Rolex nam kim cương trị giá 60 000 USD và chủ sở hữu đầu tiên ở Việt Nam của một chiếc xe Rolls Royce).

Năm 1996 quả thật là năm huy hoàng của Huy Hoàng, sau đó thị trường bất động sản giảm xuống, đưa nhiều nhà đầu cơ

địa ốc trong đó có công ty của ông Kiêm đến bờ vực thẳm. Để giải quyết nợ đáo hạn, Huy Hoàng, cũng như Minh Phụng hay Epcó, đã lao vào con đường vay ồ ạt tín dụng ngân hàng bằng cách nhập hàng trả chậm và chấp nhận bán lỗ. Nợ chồng nợ, lãi chồng lãi, đến cuối năm 1999, ông Lê Văn Kiêm gửi tờ trình đến ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin ‘ cứu giúp ’. Thật ra, từ năm 1997, một báo cáo của bộ công an cũng như báo chí trong nước đã cảnh báo chính quyền về nguy cơ phá sản của Huy Hoàng.

Đổ bể hiện nay của Huy Hoàng do đó không có gì lạ, theo một nhà báo nhận xét : “ *Điều đáng ngạc nhiên, nếu có, là vì sao cái u ung thư trong cơ thể Huy Hoàng đã được đánh động khá sớm, từ nhiều cơ quan chức năng khác nhau, cho tới nay vẫn chỉ được gỡ ra rồi... đây lại chờ cho căn bệnh đại phát ?* ”. Như để trả lời thắc mắc này của công luận, chính quyền vừa ra chỉ thị cho tất cả báo chí trong nước ngưng đăng bài về Huy Hoàng, để yên cho công ty của ông Kiêm tiếp tục làm ăn mà trả nợ... (Lao Động 10.8 ; Tuổi Trẻ 12.8 ; Công Thương 16.8)

Quan hệ thương mại Việt - Mỹ

Quan hệ thương mại Việt - Mỹ được đánh dấu trong mùa hè qua bằng việc ký kết hiệp định thương mại song phương (viết tắt theo tiếng Anh : BTA) ngày 13.7 ở Washington giữa bà Charlene Barshefsky, người đại diện bộ thương mại Mỹ, và ông Vũ Khoan, bộ trưởng thương mại Việt Nam. Buổi chiều cùng ngày, tại buổi lễ mừng trong vườn Nhà Trắng, tổng thống Clinton đã coi đó là “ *một bước đi lịch sử nữa trong quá trình bình thường hoá, hoà giải và hàn gắn những vết thương giữa hai dân tộc chúng ta* ”. “ *Từ một quá khứ đắng cay, chúng ta đang gieo hạt cho một tương lai tốt đẹp hơn* ”, ông nói tiếp.

BTA còn phải đợi quốc hội hai nước thông qua trước khi có hiệu lực. Về phía Mỹ, sau nhiều tuyên bố của các quan chức trong chính phủ là sẽ cố gắng hết sức để đưa việc thông qua hiệp định vào chương trình quốc hội trước tháng 9, thứ trưởng thương mại Robert Mallett đã phải thừa nhận là thì giờ quá eo hẹp để có thể thực hiện việc này trước tháng 2 tới. Cuộc tuyển cử tổng thống và một phần quốc hội Mỹ vào tháng 11 dĩ nhiên làm cho chương trình những ngày còn lại của quốc hội khoá này rất căng thẳng. Theo ông Mallett, đó là lý do duy nhất của sự chậm trễ chứ cả hai ứng cử viên thay thế ông Clinton đều ủng hộ hiệp định, và chẳng có lý do gì để lo ngại rằng chính quyền mới của Mỹ sẽ gặp khó khăn cho việc thông qua đó. Ông Mallett đã khẳng định như vậy trước báo chí và trong những buổi hội đàm với phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và các quan chức cao cấp khác của Việt Nam trong chuyến đi Việt Nam từ 22 đến 24.8. Ngay cả đối với sự chống đối của tổng công đoàn AFL-CIO, sợ rằng BTA sẽ gây khó khăn cho nhiều ngành kinh tế cần nhân công của Mỹ, thứ trưởng Mỹ cũng bảo đảm rằng họ sẽ được thuyết phục về các mặt tích cực của hiệp định. Về phần mình, người phát ngôn của bộ ngoại giao Việt Nam, bà Phan Thuý Thanh, cho biết Việt Nam tin rằng mọi việc được tiến hành như cả hai bên mong muốn và tỏ ý không lo ngại gì về quá trình thông qua của phía Mỹ.

Ông Mallett cũng cho rằng việc chậm thông qua hiệp định về phía Mỹ không ngăn cản Việt Nam tiến hành thủ tục thông

qua của mình, và càng không ngăn cản Việt Nam chuẩn bị những biện pháp cần thiết để việc áp dụng hiệp định được suông sẻ nhất. Đáp lại, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng hoan nghênh việc Mỹ sẵn sàng giúp đỡ kỹ thuật cho Việt Nam (về các vấn đề đặt ra khi áp dụng hiệp định) và sự hỗ trợ của Mỹ cho việc Việt Nam xin gia nhập Tổ chức thương mại thế giới.

Về một số nội dung của hiệp định, xin mời bạn đọc xem bài viết của Vũ Quang Việt. Và về sự chuẩn bị của Hà Nội cho việc đưa hiệp định vào thực tế, xin đọc bài “ Quyền được thông tin đầy đủ ” của nhà báo Nguyễn Vạn Phú (Tuổi Trẻ) mà ĐĐ đăng lại trong số này (trang 11).

Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên thăm Hàn Quốc

Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên đã thăm chính thức Hàn Quốc từ ngày 16 đến 20-8. Trong các cuộc hội đàm với bạn đồng sự Ly Châng Bin (Lee Joung Binn) hay tiếp xúc với tổng thống Kim Tê Chung và thủ tướng Ly Han Đông, hai bên đã tập trung bàn các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện các thỏa thuận cấp cao ở kỳ họp thứ 6 ủy ban Liên Chính phủ về hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc tại Seoul tháng 7 vừa qua, và thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế, thương mại, đầu tư... trong thời gian tới. Ngoại trưởng Việt Nam cũng đã hoan nghênh kết quả cuộc gặp thượng đỉnh hai miền Triều Tiên tháng 6 vừa qua.

Ngoài các vấn đề quan hệ song phương, ông Nguyễn Dy Niên đã nhân danh ASEAN, mà Việt Nam hiện đang là chủ tịch ủy ban thường trực, đề bàn việc phối hợp nhằm góp phần vào thành công của Hội nghị cấp cao Âu - Á (ASEM III) vào tháng 10 năm nay tại Seoul (Hàn Quốc).

Trước đó vài ngày, ngoại trưởng VN cũng đã đi thăm chính thức CHDCND Triều Tiên từ 5-8.8. Đây là chuyến thăm đầu tiên của ông Niên tại CHDCND Triều Tiên trên cương vị bộ

trưởng ngoại giao, và cũng là chuyến đi đầu tiên tới Bình Nhưỡng của một ngoại trưởng Việt Nam kể từ năm 1997. Chuyến thăm này được tiến hành trong thời điểm Việt Nam vừa đảm nhận vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (ASC) và Chủ tịch Diễn đàn an ninh khu vực (ARF), song theo người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, mục tiêu chính của chuyến đi của ông Niên là “ tìm hiểu những cơ hội phát triển các quan hệ kinh tế và thương mại giữa hai nước ”. (Nhân Dân 22.8, Reuters 3.8).

Tuyến đường sắt xuyên Á

Việc xem xét báo cáo nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt xuyên Á Singapore - Côn Minh (Trung Quốc) đã là chủ đề chính của Hội nghị bộ trưởng hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Kông - ASEAN lần thứ 2 họp tại Hà Nội ngày 4.7.

Sáu lộ trình cụ thể đã được xem xét tại Hội nghị, trong đó có 4 lộ trình bao gồm một đoạn đường đi qua Việt Nam. Ưu tiên số 1 đã được dành cho lộ trình từ Bangkok đi Phnompenh - Lộc Ninh - TP Hồ Chí Minh - Hà Nội - Lào Cai - Hekou - Côn Minh (đài 5 513km, với hơn 2000 km trên VN). Hội nghị đã đưa ra kế hoạch gồm 4 giai đoạn :

- Giai đoạn 1, tiến hành trong năm 2000 : hoàn tất các sơ đồ của dự án.
- Giai đoạn 2, trong năm 2001 : thông qua kế hoạch xây dựng các đoạn đường còn thiếu.
- Giai đoạn 3, cho tới năm 2010 : phục hồi và nâng cấp các đoạn đường hiện có theo tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường sắt xuyên Á Singapore - Côn Minh.
- Giai đoạn 4, sau 2020 : hoàn thành và nâng cấp tất cả tuyến đường.

Các bộ trưởng giao thông vận tải của ASEAN sẽ thảo luận về dự án này vào tháng 9 tới tại Hà Nội. (VNA 9.7.2000)

Câu chuyện quản lý

Nước đến chân...

Đến ngày 2.8.2000, khi tình hình thời tiết đã có chiều hướng xấu đi thì tỉnh Thừa Thiên-Huế - cái rốn lũ của miền Trung - mới bắt đầu rục rịch chuẩn bị cho một mùa mưa bão đã cận kề. Điều không an tâm chút nào là việc xây dựng các khu định cư để sơ tán dân từ các vùng nguy hiểm đến nơi an toàn; xây dựng các điểm neo đậu tàu thuyền cố định, an toàn cho gần 2.000 hộ dân đầm phá; gia cố, xây dựng các đập, kè chống xói lở, kiểm tra các di tích trên địa bàn để có biện pháp phục hồi, sửa chữa kịp thời; chuẩn bị lương thực, thuốc men, các phương tiện cứu hộ... Cho đến nay, tất cả mới chỉ là...bắt đầu thi công và chưa lập xong dự án! Đơn cử một vài ví dụ: Sau đợt lũ năm 1999, UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế đã quyết định đầu tư xây dựng và quy hoạch các khu tái định cư ở các huyện để di dời dân ra khu vực an toàn. Sau hơn 7 tháng tiến hành, chưa có khu định cư nào hoàn thành, do các dự án quy hoạch được phê duyệt quá chậm ở các hạng mục: Giải phóng mặt bằng làm đường giao thông, điện, nước.... Và điều đó có nghĩa là hàng trăm sinh mạng người rất có thể phải thêm một lần nữa ở trong tình cảnh “trời kêu, ai nấy dạ”. Điện Hòn Chén-một di tích bị xói lở nặng nề trong đợt

lũ vừa qua - đã gần như bị lãng quên vì đến bây giờ vẫn chưa có một phương án hay dự thảo khả thi nào được đưa ra bàn bạc để tìm cách phục hồi. Chưa hết, trong đợt kiểm tra công tác phòng chống lụt bão theo kế hoạch kiểm tra số 1541/UB-NN ngày 11.7.2000 của UBND tỉnh vừa qua, duy nhất chỉ có Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế là “ bất khả xâm phạm ”. Lý do thật đơn giản, Trung tâm quá bận nên không có lịch để tiếp đoàn!

Đi tìm nguyên nhân của sự chậm trễ, UBND tỉnh hỏi các sở, sở bảo vương mắc ở chỗ các “ông” huyện, xã... May mà trong cuộc họp ngày 2.8 không có mặt các “ông” đó, nếu không, chẳng biết các “ông” huyện, xã sẽ đổ lỗi cho các ông nào?

Rõ ràng là nước đã đến chân rồi mới lo. Sự mất mát, thiệt hại do đợt lũ 1999 gây ra vẫn còn là một bài học chưa khô nước mắt. Chỉ bày tỏ sự lo lắng không thôi thì chưa đủ. Nếu tình hình này vẫn tiếp tục kéo dài mà UBND tỉnh không có những biện pháp mạnh, dứt khoát để đốc thúc thì hậu quả thật là khó lường.

Hoàng Văn Minh

Lao Động Thứ năm 10.8.2000

Cải tổ kinh tế quốc doanh và vấn đề thất nghiệp

Theo Ủy ban cải tổ các xí nghiệp quốc doanh, chương trình cổ phần hoá hiện nay sẽ giảm số công ty quốc doanh từ 5740 xuống còn 2756. Hậu quả là 200 ngàn nhân công sẽ bị sa thải. Ủy ban chỉ đạo cải tổ cho biết cần một ngân quỹ khoảng 2000 tỷ đồng (143 triệu mỹ kim) trong đó nhà nước cấp một nửa, để tạo công ăn việc làm cho công nhân bị sa thải.

Hiện nay kinh tế quốc doanh sử dụng 1,78 triệu lao động, trong số đó khoảng 10% không có đủ việc làm. Tổng nợ của các công ty quốc doanh lên đến khoảng 200 000 tỷ đồng (14,3 tỷ mỹ kim) và đa số không đủ sức trả, do đó không thể đáp ứng các yêu cầu trợ cấp xã hội cho những công nhân viên dôi ra. Mặc dù vậy, quá trình cổ phần hoá vẫn được tiến hành rất chậm. Năm 2000 này chỉ có khoảng 800 công ty được đưa ra cổ phần hoá. Số lao động sẽ bị sa thải ước tính khoảng 50 000 người.

Nếu tính chung cả hành chính sự nghiệp thì Việt Nam có tới 5 triệu người ăn lương từ ngân sách nhà nước. Theo kế hoạch của chính phủ, từ nay đến cuối năm tới, 15 % trong số này sẽ phải thôi việc, hoặc về hưu, hưu non, hoặc bị sa thải. Người ta chưa biết các chính sách nào sẽ được ban hành để trợ giúp những người này. Con số 1,35 triệu công việc sẽ được tạo ra hàng năm trong suốt thời gian 2001-2010, mà bộ Lao động, thương binh và xã hội vừa công bố trong bản dự thảo chiến lược nhân công cho 10 năm tới, là một trả lời cho câu hỏi nêu trên. Câu hỏi đặt ra là : những chính sách kinh tế cụ thể nào phải được thực hiện để bảo đảm có được số việc làm đó ? Theo thống kê, khoảng 550 000 công việc đã được tạo ra trong 6 tháng đầu năm nay, 85 000 là ở TP HCM và 26 000 ở Hà Nội. Bên cạnh đó, trong cùng thời kỳ, 14 546 người đã đi lao động ở nước ngoài, chủ yếu là đi các nước Nhật, Hàn, Đài Loan, Libye và Lào. (Reuters 16.7, VNA 07.8, Việt Nam News 15 và 21.8)

Tai nạn giao thông tăng đáng sợ

Ít nhất 30 người đã bị chết thảm vì cháy, 20 người khác bị thương nặng trong một tai nạn xe ca ở tỉnh Quảng Nam ngày 16.7. Ngoài hành khách, xe ca còn chở thêm một hoá chất (chưa được xác định) đã bùng cháy rất nhanh ngay sau khi xe đổ. Ngọn lửa chỉ được dập tắt sau hơn 80 phút chiến đấu của các lực lượng cứu hoả được huy động tới nơi.

Tai nạn này một lần nữa nói lên những nguy hiểm trên đường sá Việt Nam. Chỉ với khoảng nửa triệu xe hơi các loại, kể cả xe tải, và gần 6 triệu xe gắn máy, 11 900 tai nạn giao thông đã xảy ra trong sáu tháng đầu năm nay (trong đó 97 % là tai nạn đường bộ, còn lại là tai nạn đường sắt hoặc đường thủy), làm 3920 người đã thiệt mạng, 13 159 người bị thương. Số tai nạn tăng 6,9 % so với cùng thời kỳ năm ngoái, trong khi số người tử nạn tăng đến 9 %.

Tình hình này đã buộc chính phủ phải triệu tập một Hội nghị bàn về các biện pháp khắc phục tai nạn giao thông 6 tháng cuối năm 2000 ngày 16.8 tại Hà Nội. Tại hội nghị, phó thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã công bố chính phủ sẽ cấp ngay nguồn kinh phí 17 tỉ đồng để cải thiện tình

trạng lưu thông tại 61 “điểm đen” về giao thông trên cả nước. Phó Thủ tướng nêu rõ: “ *Vấn đề đặt ra với các cơ quan chức năng là phải xác định rằng chúng ta có khả năng giải quyết tình trạng tai nạn giao thông gia tăng, trước mắt cần tập trung vào nhiệm vụ đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cho đội ngũ lái xe khách* ”.

Ngoài ra, ngày 18-8, cục Đường bộ Việt Nam đã công bố một số quyết định trong kế hoạch thực hiện các biện pháp cấp bách bảo đảm an toàn giao thông đường bộ :

- Kể từ ngày 1-9-2000, trên 18 đoạn, tuyến quốc lộ mới được nâng cấp, cải tạo và trên các đường đi vào thủ đô Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, sẽ thực hiện chế độ bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người ngồi trên mô-tô, xe máy đi đường trường.

- Người lái xe ô-tô chở người từ mười chỗ trở lên phải từ 25 tuổi trở lên, có thâm niên hành nghề từ một đến hai năm trở lên và đã chạy 30 đến 50 nghìn km an toàn. Tổng số giờ điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ không quá 6 giờ trong một ca, người lái xe khách không được điều khiển liên tục quá 3 giờ.

- Chuẩn bị để đầu năm 2001 thực hiện quy định tuổi xe, cấm các xe quá cũ chạy tuyến liên tỉnh...

Cục ĐBVN cũng đã quyết định tạm ngừng cho ra đời các cơ sở đào tạo lái xe, trong tháng 8 và 9 tổ chức ba đoàn ở ba miền bắc, trung, nam kiểm tra 152 cơ sở đào tạo lái xe cả nước, cho ngừng ngay những đơn vị cắt xén chương trình giảng dạy hoặc trình độ giáo viên, cơ sở vật chất không bảo đảm quy định. (AFP 9 và 17.7, Lao Động 17.8, Nhân Dân 22.8.2000)

Tranh chấp đất sản xuất tại Đắc Lắc

Hơn 150 người tham gia đốt nhà, đánh người, 10 ngôi nhà và 2 ha cây cà phê đã bị đốt trụi, 4 người bị thương trong đó có một trưởng công an xã và một công an huyện. Sự việc đã xảy ra vào sáng ngày 8.8 tại thôn 8, xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo (cách TP. Buôn Ma Thuột khoảng 120km về phía bắc).

Nguyên nhân : cuộc tranh chấp đất đai kéo dài từ năm 1997 tới nay giữa đồng bào Ê Đê ở buôn Sếch, xã Đlei Yang và đồng bào di cư tự do ở phía bắc vào định cư ở thôn 8. Mặc dù đồng bào buôn Sếch hiện đang ở buôn mới, cách thôn 8 tới 12 km, nhưng họ vẫn cho rằng đất đồng bào thôn 8 đang ở là đất của ông bà họ. Còn đồng bào thôn 8 cho rằng đó là đất rừng, họ tự khai phá mà có.

Một quan chức địa phương cho biết chính quyền đang cho rà soát lại các chi tiết về quyền sở hữu đất đai để xử lý cho tận nguồn cơn cuộc tranh chấp. Trong khi chờ đợi cuộc điều tra, chưa có khởi tố ai. (Lao Động 11.8, Reuters 17.8.2000)

Hà Nội: 45 công trình đang có nguy cơ sập đổ

Kết quả khảo sát của đoàn kiểm tra liên ngành mới đây cho biết Hà Nội hiện có 45 công trình (chung cư cao tầng, nhà tập thể, trụ sở) được liệt vào loại nguy hiểm (lún, nứt) cần xử lý gấp vì đang có nguy cơ sập đổ, trong đó có 15 nhà cao tầng (có nhà lún tới 1,8m). Ông Đào Văn Bầu, phó giám đốc Sở Địa chính - nhà đất Hà Nội, cho biết số nhà xuống cấp và đang trong tình trạng hư hỏng nặng chiếm tới 67% quỹ nhà hiện có

của Hà Nội, trong đó 5% không thể cải tạo, sửa chữa được nữa và chỉ còn cách duy nhất là dỡ bỏ. Riêng căn nhà hai tầng 61 phố Tràng Tiền đang nghiêng sắp đổ phải dùng đến giải pháp tình thế chống đỡ bằng một dây trụ sắt bên trái toà nhà. Ông Bầu cho biết đang chuẩn bị di dời 12 hộ dân sống ở đây để phá dỡ toà nhà này trong vài ngày tới.

Cũng theo ông Bầu, nhà xuống cấp do đã xây cất quá lâu (hết niên hạn sử dụng), nền đất yếu, chất lượng xây dựng kém, sử dụng không đúng công năng... Đặc biệt có nhiều nhà làm móng gạch rất đơn sơ, sử dụng vật liệu rất tồi. Sở Địa chính - nhà đất Hà Nội đặt ra mục tiêu đến năm 2005 sẽ sửa chữa hoặc phá dỡ toàn bộ nhà “nguy hiểm” này với kinh phí dự kiến gần 600 tỉ đồng. Nhưng sở cho biết hiện đang gặp phải khó khăn vì những hộ cư trú ở đây chống đối không muốn di dời, do đó nguy cơ sập đổ rất khó tránh khỏi. (Tuổi Trẻ 29.7)

Bài thuốc từ thảo dược chống HIV

Một bài thuốc từ thảo dược có thể điều trị cho bệnh nhân HIV vừa được công bố ở VN và được các báo chí trong nước đăng tải rộng rãi.

Tác giả bài thuốc là giáo sư Đái Duy Ban (Viện Công nghệ sinh học - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia). Từ năm 1985, GS. Ban cùng các đồng nghiệp đã nghiên cứu chiết tách được một số hoạt tính kháng virus HIV và một số chất có tác dụng tăng cường hệ miễn dịch của cơ thể từ các thảo dược ở Việt Nam, đồng thời xây dựng được một mô hình động vật của bệnh suy giảm miễn dịch mắc phải do virus HIV để thử các chế phẩm. 10 năm sau, trên cơ sở nghiên cứu đó, một loại vacxin chống suy giảm miễn dịch ở gia cầm đã ra đời và được chuyển nhượng cho Công ty thuốc thú y trung ương 2 - TP. Hồ Chí Minh. Từ thành công này, năm 1995 chế phẩm DAIS-85 đã ra đời gồm 30 hoạt chất tự nhiên như các Saponin gắn với đa đường, các ergosterol polysaccharide, phenolic, carotenoic,... từ các loại thảo dược khác nhau và đã được thử độc tính trước khi đưa thử nghiệm lâm sàng.

Từ tháng 8.1997 đến tháng 3.1999, bài thuốc thảo dược này đã được đưa vào điều trị cho 26 bệnh nhân lao có HIV (+), ở Trung tâm Lao-Phổi Phạm Ngọc Thạch (TP HCM). Thời gian theo dõi từ 6 - 10 tháng, với phương pháp điều trị phối hợp hoá trị liệu lao ngăn ngừa cộng với một phương pháp làm tăng sức đề kháng cơ thể của bệnh nhân AIDS. Kết quả sau 8 tháng điều trị rất khả quan. Cùng thời gian này, chế phẩm DAIS-85 tiếp tục được thử nghiệm trên 30 bệnh nhân tại Trung tâm cai nghiện Bình Triệu - TP. Hồ Chí Minh đã chứng minh thêm tác dụng tốt của thuốc. Hầu hết bệnh nhân dùng thuốc đều tăng cân từ 1-5kg, cá biệt có bệnh nhân tăng 10-18 kg, số tế bào lympho TCD4 và tổng số lympho tăng từ 2 đến 5 lần. Theo tác giả của bài thuốc, nếu thời gian điều trị tiếp tục kéo dài, chắc chắn tình trạng bệnh nhân còn được cải thiện tốt hơn nhiều, nhất là bệnh nhân được điều trị sớm ngay từ khi tế bào lympho TCD4 của bệnh nhân mới xuống ở mức từ 500-300 tế bào/ml máu. Đặc biệt chế phẩm này dùng dài ngày chưa phát hiện có tai biến. Bài thuốc đã được công bố tại Hội nghị Khoa học toàn quốc về HIV/AIDS lần thứ 2 tổ chức vào cuối năm 1999. (theo Nhân Dân điện tử 18.8, Lao Động 21.8)

Ký hợp đồng xây dựng hầm Hải Vân

Ngày 17-8, tại Hà Nội, Ban quản lý Dự án 85 (bộ Giao thông vận tải) đã ký hợp đồng xây dựng với hai liên danh trúng gói thầu 1A và 1B của dự án hầm đường bộ xuyên đèo Hải Vân là Công ty xây dựng Hazama (Nhật Bản) - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 6 (Việt Nam) và Công ty xây dựng Dong Ah (Hàn Quốc) - Tổng công ty xây dựng Sông Đà (Việt Nam).

Dự án hầm đường bộ qua đèo Hải Vân (giữa Thừa Thiên - Huế và TP Đà Nẵng) có tổng mức đầu tư hơn 251 triệu USD, chia làm chín gói thầu xây lắp và thiết bị. Trong đó hạng mục hai gói thầu 1A, 1B là xây dựng các đường hầm (hầm chính, hầm lánh nạn, hầm thông gió...) có giá trị gần 73,6 triệu USD, thời gian hoàn thành 48 tháng.

Gần 3 triệu thuê bao điện thoại

Theo tin từ Tổng cục bưu điện, tổng số người thuê bao (subscriber) điện thoại được Tổng công ty bưu chính viễn thông (VNPT) phát triển từ đầu năm đến cuối tháng 7 là 319 257 và đưa tổng số thuê bao điện thoại hiện có trên mạng là 2 778 401. Trong đó điện thoại cố định là 2 279 156 ; điện thoại di động trả trước là 259 146 và trả sau là 240 099.

Tính đến nay, tổng số thuê bao Internet hiện có trên mạng là 70 953, trong đó VNPT có 43 886 ; FPT có 21 495 ; Netnam có 2 444 và SPT có 3 168. Trong cả năm 1999 phát triển được 460 420 máy điện thoại, nâng tổng số máy có trên mạng là 2 459 144 máy, đạt mật độ 3,2 máy/100 dân. Theo kế hoạch của ngành bưu điện, đến năm 2010 đạt mật độ 12 - 15 máy/100 dân, 50 % tổng số hộ gia đình có máy điện thoại.

Mặt khác, VNPT đã thông báo hồi đầu tháng 7 là tổng công ty sẽ cổ phần hoá 11 công ty con của mình trong năm 2000. VNPT hiện có tất cả hơn 90 công ty con và hiện giữ độc quyền về bưu chính và viễn thông tại Việt Nam.

Nhà máy xi măng lớn nhất Việt Nam

Nhà máy xi măng Nghi Sơn, với công suất 2,4 triệu tấn năm, là nhà máy lớn nhất Việt Nam, đã được đưa vào hoạt động hôm 10 tháng 8, sau 2 năm xây dựng. Nhà máy là kết quả của hợp doanh giữa Công ty xi măng Việt Nam (Viet Nam Cement Corporation) và hai hãng Nhật, Taikeiyo và Mitsubishi Material.

Nhà máy trị giá 350 triệu mỹ kim và được xây dựng trên một miếng đất rộng 10 héc ta tại xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá. Nhà máy có một lò có thể sản xuất 5 800 tấn xi măng ngày và 11 cây số đường tải chạy qua một đường hầm dài 2,2 cây số để tải đá vôi từ huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An).

Mười ba trên hai mươi tám ngàn tấn thiết bị cho nhà máy là do Công ty thiết bị Việt Nam sản xuất và lắp đặt. Nhà máy đã được cho chạy thử vào tháng tư vừa qua, và đã cho ra lò 7 000 tấn xi măng nhiều loại. (VNA 10/08/00).

Phim Mùa ổi tranh giải ở Locarno

Sau bảy năm vắng mặt, Việt Nam đã trở lại tham dự Liên hoan phim lớn nhất của Thụy Sĩ tại Locarno, một thành phố giáp giới với Ý trên bờ hồ Maggiore. Với phim “ Mùa ổi “ của

Đặng Nhật Minh, Việt Nam là một trong bốn nước Châu Á tham gia Liên hoan này.

“ Mùa ổi ” kể chuyện ông Hoà, một người đàn ông ngoài năm mươi tuổi, mất trí vì ngã từ cây ổi lúc còn nhỏ. Trí nhớ của ông dừng lại trong thời gian thơ ấu, và ông bị ám ảnh bởi ý muốn trở về ngôi nhà của gia đình đã bị tịch thu khi quân Pháp rút và hiện nay do một cán bộ cao cấp ở.

Cuốn phim chuyển giữa đời sống hiện tại của ông Hoà và kỷ niệm của quá khứ, mô tả một con người ngây thơ muốn trở lại thời thơ ấu, và qua đó một vài khía cạnh của lịch sử Việt Nam từ ngày giành lại được độc lập. Phim được khán giả hoan nghênh, song không được giải. (AFP 11/08/00)

Bán đấu giá đồ gốm cổ Việt Nam

Một cuộc bán đấu giá chưa từng có rất nhiều đồ gốm cổ Việt Nam sẽ được tiến hành vào tháng 10 tới ở San Fransisco và trên Internet. Đây là những đĩa, bình bồng gốm hai màu xanh và trắng, nhiều khi có vẽ rồng, phượng hoặc phong cảnh, được các chuyên gia đánh giá là đồ gốm Việt Nam thế kỷ 15. Những hàng này được tìm thấy trong một chiếc tàu bị chìm ở cửa biển Hội An và được khám phá cách đây mấy năm. Cuối năm ngoái, một ê-kíp thợ lặn Việt Nam và Malaysia (thuộc công ty Saga Horizon) phối hợp với các chuyên gia của Trung tâm khảo cổ dưới nước, thuộc viện đại học Oxford (Anh), và các chuyên gia khảo cổ Việt Nam, sau 70 ngày làm việc khẩn trương, đã mang lên được từ tàu khoảng 150 000 di vật còn nguyên vẹn. Theo ông John Guy, chuyên gia về đồ gốm Á Đông của viện bảo tàng Victoria và Albert, Luân Đôn, và là tác giả của một cuốn sách về đồ gốm Việt Nam, phát hiện mới này “ làm đảo lộn những hiểu biết hiện nay về đồ gốm VN ”. Theo ông Dessa Goddard, giám đốc phòng Nghệ thuật châu Á của công ty bán đấu giá Butterfields (San Fransisco) từ 19 năm nay, những di vật trong chiếc tàu này trả lời cho nhiều giả thuyết mà các học giả đã đặt ra đối với đồ gốm Việt Nam của thế kỷ 15, là những mảnh thiếu của một tấm tranh nổi (puzzle). Một số mặt hàng có những nét đặc thù Việt Nam và hoàn toàn không có tiền lệ ở đồ gốm Trung Quốc. Nghiên cứu di vật bằng các phương pháp khoa học cho thấy đây là đồ gốm sản xuất ở một vùng gần Hà Nội ngày nay. Các chuyên gia chưa biết được ai là chủ chiếc tàu bị chìm, nhưng cho rằng có lẽ chiếc tàu mang hàng đi bán ở Indonesia.

Công ty Butterfields và công ty đấu giá trên mạng eBay sẽ phụ trách toàn bộ cuộc đấu giá này, theo một hợp đồng với chính phủ Việt Nam. Khoảng 10 % những di vật đã được gửi cho hơn 100 viện bảo tàng ở Việt Nam. Công ty không cho biết tiền bán được sẽ phân chia theo tỷ lệ nào giữa Việt Nam và các đối tác khác trong cuộc. (T.T. Nhu, San Jose Mercury News 10.7.2000)

Tin Ngắn

* Theo Thông tư số 79 ngày 28.7 của Bộ Tài chính, đối tượng được giảm tối đa đến 80% thuế sử dụng đất nông nghiệp gồm: Hộ sản xuất nông nghiệp (cả doanh nghiệp) trong vùng lũ bị thiệt hại về tài sản gồm: Nhà cửa đổ nát, hư hỏng dưới 40%, một số tư liệu sản xuất chủ yếu bị hư hỏng, bị mất phải

đầu tư mua sắm lại. Hộ sản xuất nông nghiệp trong vùng lũ có diện tích lúa, hoa màu, cây cối, thủy sản nuôi bị hư hại, bị lên mầm, hư hỏng thì tùy theo mức độ thiệt hại của từng loại để xét giảm thuế. Hộ sản xuất nông nghiệp khó khăn thuộc diện phải cứu đói sẽ được miễn thuế. Việc xét miễn - giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được thực hiện ngay trong vụ hoặc năm bị lũ lụt. Số thuế miễn-giảm không vượt quá số thuế ghi trên sổ bộ thuế của năm xét miễn-giảm. B.H

* Việt Nam sẽ gửi khoảng 10 vận động viên đi dự Thế Vận Sydney 2000. Tối đầu tháng 8 đã có 6 người chắc chắn. Đó là Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Thị Hương (môn bơi lội) Lương Tích Thiên và Vũ Bích Hương (diễn kinh), Trần Hiếu Ngân và Nguyễn Xuân Mai (taekwondo). Bốn vận động viên khác, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Mạnh Tường và Đặng Thị Đông (diễn kinh) và Nguyễn Thị Kim Vui (judo), đang chờ Ủy ban thế vận quốc tế duyệt.

* Công ty viễn thông liên tỉnh và quốc tế sau khi được giấy phép đã đưa vào hoạt động một dịch vụ mới tên là Datapost. Dịch vụ này được xếp vào loại kỹ thuật tân tiến nhất hiện nay. Khách hàng có thể gửi một bức thư cho hàng ngàn người nhận mà chỉ đưa cho công ty một thư mẫu. Phần in, bỏ phong bì, cước phí và chuyển giao sẽ do công ty dùng một hệ thống máy tính thực hiện một cách chắc chắn và cẩn mật. Loại dịch vụ này nhắm vào những công ty làm ăn cần quảng cáo hoặc những văn phòng chính phủ cần gửi công văn cho các nơi.

* Con lũ trước mùa ở đồng bằng sông Cửu Long vừa đi qua, một cơn gió lốc xoáy ngày 24.8 đã gây thiệt hại khá lớn cho các tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang, Cà Mau : gần 100 người bị thương tích, 1126 ngôi nhà bị đổ, 11 chiếc tàu đánh cá bị chìm.

* Trước đó một ngày, cơn bão Kaemi đổ vào vịnh Bắc bộ làm đắm hai chiếc tàu du khách ở Hạ Long, và làm 5 người thiệt mạng. Cơn bão Kaemi cũng làm cho một giàn khoan dầu ngoài khơi Trường Sa bị trôi đi trước khi được hai chiếc tàu chở dầu cứu thoát.

* Trong chuyến đi thăm Cam Bốt 4 ngày của phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kể từ chủ nhật 27.8, hai bên dự trù ký kết một hiệp định về việc tìm kiếm các quân nhân Việt Nam mất tích hoặc hy sinh trên chiến trường Cam Bốt và một hiệp định khác về hợp tác khoa học kỹ thuật trong nông- ngư nghiệp.

* Chính phủ Việt Nam đã thông báo ngày 25.8 là nhân ngày quốc khánh 2.9, hơn 10 000 tù nhân sẽ được trả tự do, trong đó có khoảng 50 người nước ngoài. Người ta chưa được biết trong số người được ân xá này có những nhân vật nào được biết đến như tù nhân chính trị. Trong dịp kỷ niệm lần thứ 25 ngày 30.4, hơn 12 000 tù nhân đã được trả tự do, trong đó có nhà báo Nguyễn Ngọc Tân.

* Zuellig Pharma Vietnam, công ty dược phẩm đầu tiên có vốn 100 % nước ngoài, hoạt động từ tháng 5.1999, bị đe dọa phải đóng cửa vì thiếu giấy phép của bộ y tế. Một người phát ngôn bộ này nói rằng trong lĩnh vực y dược, các công ty nước ngoài phải có phép hoạt động của cả bộ đầu tư và bộ y tế. Theo các nhà quan sát, thực chất của vấn đề là Việt Nam muốn bảo vệ ngành sản xuất dược phẩm của mình. Mặt khác, đã có hơn 200 công ty dược phẩm hợp doanh với nước ngoài.

Tắc nghẽn trong nhận và gửi e-mail quốc tế

LTS. Từ đầu năm, giữa những người có liên hệ thư tín điện tử thường xuyên với trong nước, bắt đầu thấy có câu hỏi : tại sao e-mail gửi về Việt Nam lúc này trục trặc nhiều quá, có gì xảy ra vậy ?... Đối với một nước bình thường, chắc hẳn mọi người sẽ tìm câu trả lời trong các khó khăn kỹ thuật, đường dây quá tải, phần mềm bị hỏng, v.v. Nhưng trong trường hợp một nước công an trị như Việt Nam, một giả thuyết trở đi trở lại nhiều qua các trao đổi : “ tường lửa ”. Chẳng ai biết đúng sai ra sao. Chẳng ai biết nguyên do của những trục trặc, vì những cơ quan đầu mối không cho ai biết. Mãi tới ngày 4.8, một bài báo Việt Nam mới lần đầu tiên công khai nêu sự cố...

Ngày 19 tháng 5, ông Nicolas Rosellini, Phó Trưởng đại diện văn phòng Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc UNDP tại Việt Nam đã gửi một công văn chính thức tới Cty điện toán và truyền số liệu VDC thuộc Tổng Cty Bưu chính Viễn thông, khuyến nghị về tình trạng gián đoạn hệ thống e-mail tại Việt Nam trong bốn tháng qua và ngỏ ý sẵn sàng hợp tác với VDC để giải quyết. Trong thư có đoạn : “ Văn phòng UNDP đã gặp những vấn đề nghiêm trọng trong dịch vụ e-mail. Chúng tôi đã tìm hiểu các nhà sử dụng e-mail khác ngoài hệ thống của chúng tôi và nhận được các phản ánh tương tự. Vì vậy, chúng tôi chắc chắn rằng có một sự cố chung trong việc chuyển e-mail ra và vào Việt Nam. Chúng tôi nhấn mạnh rằng đây không phải là sự cố đối với riêng máy chủ của chúng tôi mà là đối với tất cả các nhà sử dụng e-mail ở Việt Nam, bao gồm cả các cơ quan Chính phủ ”.

Tên miền .vn không tồn tại? E-mail từ bên ngoài không tìm thấy máy chủ ở Việt Nam. Đôi khi thông báo bị từ chối không được chuyển về người gửi nên không biết liệu e-mail có gửi được hay không. **List server** (vùng danh sách địa chỉ e-mail của nhà cung cấp dịch vụ Internet tạo cho từng nhóm khách hàng chuyên biệt) ngoài Việt Nam có thể xoá tên miền .vn vì dịch vụ e-mail tới các trường mục của Việt Nam từ chối khiến list server cho rằng người sử dụng hay tên chủ không tồn tại. Một list server có tên miền .vn nhận thấy khoảng 10% e-mail gửi ra ngoài Việt Nam không thành công vì máy chủ không nhận tên miền [1]. Một máy chủ có tên miền .vn khác đặt ở Australia cũng gặp tình trạng tương tự. Sự cố này, theo Giám đốc Cty Netnam - ông Trần Bá Thái - xảy ra không thường xuyên và không mang tính hệ thống. Đầu tiên chỉ xảy ra với domain name (tên miền) org.vn chủ yếu là của Netnam và UNDP rồi lan đến cả các nhà cung cấp dịch vụ Internet khác như FPT và VNN. Các vùng bị ảnh hưởng nặng nhất là Mỹ, Pháp và Đức (...) Ông Trương Đình Anh, Giám đốc ISP của FPT, đưa ra một lý do nữa là có thể tổng dung lượng đường truyền của Việt Nam quá ít dẫn đến tình trạng tắc nghẽn do quá tải [2]. Sau 3 phút e-mail không chuyển được sẽ tự động trả lại. (...) Ông Trần Bá Thái (Giám đốc Netnam) không giấu được vẻ lo lắng. Cty Netnam bị ảnh hưởng nặng nhất. Ông liên tục nhận được yêu cầu của khách hàng đề nghị giải thích tình trạng

tắc nghẽn e-mail. Cho đến giữa tháng 7.2000 có khoảng 70 khách hàng ngừng dùng dịch vụ của Netnam nhưng sau đó nhiều người quay lại vì các nhà cung cấp dịch vụ khác cũng gặp tình trạng tương tự. “Đây là sự cố nặng nề nhất từ khi chúng tôi mở dịch vụ (năm 1997) tới nay” - ông Thái nói.

(...) Nhiều chuyên gia nghi ngờ khả năng VDC nâng cấp hệ thống e-mail không qua thử nghiệm mà tiến hành ngay trên hệ thống đang hoạt động nên đã dẫn đến trục trặc [3]. VDC dường như chỉ nâng cấp hệ thống của họ khi phải giải quyết một vấn đề tức thời thay vì lập ra theo một kế hoạch lâu dài. Một quan chức VDC nói không nhận được bất cứ khiếu nại nào từ phía khách hàng (...)

Đáng lưu ý là sự cố này càng để lâu càng trầm trọng vì các máy chủ nước ngoài tiếp tục xoá tên miền .vn ra khỏi danh sách của mình. Nhưng tới nay các giải pháp vẫn chưa được tiến hành vì còn phải qua nhiều “tầng nấc xét duyệt”. Ai cũng biết Tổng Cty Bưu chính Viễn thông có những khoản đầu tư rất lớn vào cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc nên sự cố này chắc chắn không phải do thiếu kinh phí. Mong rằng, các cơ quan chức năng mà trực tiếp là VDC, Tổng Cty Bưu chính Viễn thông nhanh chóng khắc phục sự cố kỹ thuật này trước khi nó kịp lan thành “sự cố” về kinh tế và ngoại giao đối với nước ta.

Trần Công, Lao Động, 4.8.2000

LTS (tiếp theo) ... chúng tôi đã cắt bỏ những đoạn giải thích lúng túng và bí hiểm không thuyết phục được ai cả trong bài báo này, gạch dưới và đánh số ba lý do gần và hiển nhiên nhất ; cũng như cuối cùng gạch dưới lời nói dối bất chấp sự thật hiển nhiên của công ty VDC. Trong tình trạng công an trị của VN mà nêu lên được tình hình bề ngoài và kết luận như bài báo này là dũng cảm rồi. Chúng ta khó có thể chờ đợi nhiều hơn. Tuy nhiên, theo những tìm hiểu của chúng tôi, lý do chính của sự tắc nghẽn là tắc nghẽn ở khâu kiểm duyệt. Tất cả các thư điện tử về Việt Nam đều được đọc trước và lưu trữ, còn đến tay người nhận hay không là tùy hỉ của vị bạn dân mặt sắt đó.

Mà theo chính sách “ chẳng tha giết nhầm còn hơn tha sai ” thì khi người ta đọc không hết người ta sẽ vứt đi, do đó vứt hết cả thư từ thăm hỏi thân nhân bình thường cũng như thư từ kinh doanh của người ngoại quốc và những thông thư (message) của hệ thống bảo trì mạng, do đó các trạm dịch vụ ngoại quốc xoá tên miền của Việt Nam vì cho rằng máy hỏng (lý do [1]). Từ đó lúng túng sửa chữa và vì do thiếu khả năng nên làm mãi không xong và ngày càng tàn tệ [lý do [3]]. Lý do [2] theo chúng tôi không đúng, vì nếu đúng thì đã biết ngay và sửa chữa quá dễ. Hay là kẹt đường tại vì có đến 100.000 người đọc báo Nhân Dân điện tử mỗi ngày theo như báo cáo của tổng cục Bưu chính viễn thông ?

Qua việc này người ta có thể đặt hai câu hỏi sau : 1) VN mới có trên 70 000 người đăng ký vài Internet mà đã thế, thì khi lên đến hàng triệu người sẽ ra sao ? và 2) Các công ty ngoại quốc nghĩ sao về việc thư từ kinh doanh bị ai đó vô danh đọc trước, có bảo đảm cạnh tranh sòng phẳng được không ?

Hiệp định... (tiếp theo trang 1)

Có một số điểm làm việc ký kết hiệp định bị hoãn lại năm ngoái. Đó là việc Mỹ giữ quyền gia hạn hiệp định hàng năm và một số điểm trong hiệp định khó hơn cả hiệp định dành cho các nước đang phát triển trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO).

Quyền gia hạn hiệp định hàng năm là dựa trên tu án có tên là Jackson-Vanek của Quốc hội Mỹ. Tu án này được tạo ra nhằm áp lực Liên Xô trước đây mở cửa cho người Do Thái di dân ra khỏi nước, nhưng sau đó trở thành con bài áp lực các nước cộng sản về vấn đề nhân quyền và các vấn đề khác. Tu án dành cho Quốc hội Mỹ quyền gia hạn hiệp định hàng năm (nhưng không xét lại nội dung). Và trước khi gia hạn là những đòi hỏi, bắt bớ về chính trị. Tu án này sẽ mất hiệu lực khi Hiệp định Việt Mỹ trở nên thường trực trong trường hợp Việt Nam trở thành thành viên của WTO. [Thường trực chỉ có nghĩa là nếu một bên vi phạm, hoặc rút lại hiệp định thì bên kia vẫn là thành viên WTO nhưng có quyền phân biệt đối xử đối với nước rút lại hiệp định đã ký.] Mỹ không thay đổi quyền gia hạn hiệp định hàng năm, nhưng trong hiệp định mới, Mỹ cam kết ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên của WTO. Như vậy Mỹ đã nhượng bộ không đòi hỏi thêm điều kiện khi hiệp định sắp ký trở thành hiệp định thường trực. Để thoát ra khỏi các bắt bớ của Mỹ về chính trị, Việt Nam cần nhanh chóng xúc tiến tham gia vào WTO. Việc trở thành thành viên có thể cần 4 năm để đáp ứng các đòi hỏi cơ bản của WTO về minh bạch hoá thể chế thương mại và pháp luật Việt Nam hiện nay và lộ trình thay đổi. Hiệp định thương mại Việt Mỹ dù sao cũng chỉ hiệu lực trong 3 năm, sau đó có thể sẽ xét lại nếu có một bên yêu cầu.

Hiệp định thương mại bảo đảm quyền của công ty Mỹ hoạt động kinh tế và đầu tư vào hầu hết mọi ngành kinh tế, kể cả một số ngành quan trọng như ngân hàng, tiếp thị, viễn thông mà Việt Nam cho đến nay hoặc độc quyền hoặc kiểm soát chặt chẽ. Mỹ có quyền có cổ phần tuyệt đối 100 % trong các dịch vụ tư vấn như luật, kế toán, kiến trúc, kỹ sư, tin học, xây dựng, du lịch, nghiên cứu thị trường, bán buôn, giáo dục, tài chính không phải ngân hàng, bảo hiểm. Lộ trình để Việt Nam bắt đầu thi hành là từ 2 đến 7 năm tùy từng ngành nghề. Riêng ngân hàng, lộ trình cho phép Mỹ có cổ phần 100 % là 9 năm. Về viễn thông, ngành có tính nhạy cảm chính trị cao, cổ phần Mỹ bị giới hạn ở mức cao nhất là 50 %. Phim ảnh và sản phẩm nghe nhìn khác cổ phần Mỹ sẽ bị hạn chế ở mức 51%. Các điều khoản của WTO về bảo vệ sở hữu trí tuệ sẽ phải thi hành trong vòng 12 đến 18 tháng sau khi ký.

Đối xử với các công ty nước ngoài như tác nhân pháp lý trong nước (national treatment) cũng được ghi chú kỹ lưỡng trong hiệp định. Trong vòng 3 năm, các công ty hợp doanh với nước ngoài sẽ phải xoá bỏ điều khoản đòi hỏi bổ nhiệm người Việt Nam vào ban quản trị doanh nghiệp (board of directors), hạn chế các quyết định theo nguyên tắc nhất trí, xoá bỏ phân biệt đối xử giữa công ty trong nước và công ty nước ngoài về

chi phí như điện nước, điện thoại, tiền thuê nhà trong vòng 2-4 năm tùy theo từng loại.

Minh bạch hoá tất cả các luật lệ, nghị quyết, quyết định, qui định kiểm soát và hành chính trên tờ công báo chính thức. Các thay đổi đều phải thông báo trước và cho thời gian chuyển tiếp. Các qui chế không được phân biệt đối xử và có toà phân xử khiếu nại.

Hiệp định thương mại không phải chỉ có lợi cho Mỹ. Nó sẽ tạo cơ sở cho một nền kinh tế lành mạnh có cạnh tranh, do đòi hỏi của hiệp định là xoá bỏ các phân biệt đối xử có lợi cho quốc doanh và do đó tạo sân chơi bình đẳng giữa công ty tư nhân dù nước ngoài hay trong nước. Việc Mỹ và nước ngoài đầu tư vào các ngành kinh tế trong nước sẽ tạo cạnh tranh, giảm giá do xoá bỏ độc quyền có lợi cho người tiêu dùng và giúp Việt Nam có cơ hội phát triển, nắm thông tin, mở rộng thị trường ra nước ngoài nhờ đi vào công nghệ thông tin nhanh chóng hơn do giá giảm, cầu tăng. Nó cũng sẽ giúp làm trong sạch thị trường tài chính, tín dụng. Hiệp định không bàn đến việc nhà nước quản lý thị trường ngoại hối và luồng chảy tư bản tài chính ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào, như vậy nhà nước vẫn nắm quyết định quan trọng nhằm quản lý thị trường tài chính quốc tế ở Việt Nam. Có lẽ Mỹ đã học bài học đòi đáp ứng của cho tư bản tài chính Mỹ ở Thái Lan, Nam Hàn và Indonesia đưa đến thảm trạng ở các nước này.

Hơn thế, hiệp định Việt Mỹ sẽ mở ra cho Việt Nam một thị trường rộng lớn do thuế nhập khẩu hàng Việt Nam vào Mỹ giảm xuống mức của các nước đang phát triển khác. Thuế nhập nói chung từ 40 % xuống 3 %. Ngay lập tức giảm thuế có lợi cho ngành sản xuất quần áo và giấy dép. Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành này sẽ tăng lên đáng kể trong thời gian sắp tới vì các nước có vốn muốn lợi dụng lợi thế nhân công rẻ ở Việt Nam. Hy vọng sắp tới chiều hướng giảm đầu tư nước ngoài từ 8 tỷ đô đăng ký năm 1996 xuống 2 tỷ đô năm ngoài sẽ đổi chiều.

Quan trọng nhất cho Việt Nam trong thời gian sắp tới là đẩy mạnh làm ăn thẳng với Mỹ thay vì qua trung gian của một nước thứ ba. Có như thế mới tăng được giá trị gia tăng trong hàng hoá xuất khẩu sang Mỹ. Dĩ nhiên các công ty trong nước sẽ phải đối phó với sức cạnh tranh của hàng Mỹ. Đó là do thuế nhập khẩu vào Việt Nam cũng phải giảm và hơn nữa các công ty quốc doanh khó nấp sau các ưu tiên do nhà nước ban cho vì rất nhiều ưu đãi hiện nay vi phạm hiệp định thương mại Việt Mỹ. Mặc dù có thể có khó khăn ngắn hạn, điều này sẽ giúp Việt Nam cải tổ nền kinh tế nhanh chóng hơn. Cải tổ năm 1989, gặp sự chống đối còn kịch liệt hơn hiện nay, nhưng các công ty quốc doanh và nền kinh tế ta sau đó lại trở nên vững mạnh hơn nhiều. Với tính linh hoạt của người Việt, tôi nghĩ ta có thừa khả năng đối mặt với cạnh tranh, đẩy nền kinh tế phát triển ở một mức chất lượng cao hơn.

Vũ Quang Việt

New York

13-24/07/2000

Quyền được thông tin đầy đủ

LTS : Năm tuần sau khi được ký kết tại Washington - ngày 13.7.2000 -, bản Hiệp định thương mại Việt - Mỹ vẫn chưa được công bố tại Hà Nội. Hơn thế nữa, tổng biên tập các báo đài trong nước được lệnh “ không phổ biến ”, “ không tuyên truyền ” và - ngoài bốn tờ **Nhân dân, Đại đoàn kết, Hà Nội Mới, Sài Gòn Giải phóng** - “ không được bình luận ” về văn kiện nói trên. Theo lời giải thích chính thức, bản hiệp định song phương còn phải đợi quốc hội hai nước chuẩn y, cho nên còn phải thận trọng, nhất là quá trình phê chuẩn ở Hoa Kỳ sẽ không đơn giản. Thật ra, sau khi từ chối ký văn bản mà hai bên đã thoả thuận nguyên tắc vào tháng 7.1999, ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã không ngừng tuyên truyền cho đến tận cấp phường, xã rằng hiệp định thương mại Việt - Mỹ đe dọa độc lập, tự chủ và lợi ích của đất nước. Cho nên, theo một số nhà phân tích, những nhân nhượng gần đây của chính quyền Clinton đã tạo sự bất ngờ và đặt những nhà lãnh đạo Việt Nam vào thế không thể không ký kết, trong khi họ chưa chuẩn bị nội bộ cho sự quay ngoặt này. Thái độ lúng túng đó biểu lộ ngay từ buổi họp báo ngày 14.7 tại Hà Nội của bộ thương mại nhằm chính thức thông báo việc ký kết hiệp định : báo chí trong nước được triệu tập trước để nghe thứ trưởng thương mại Mai Văn Dâu truyền chỉ thị “ không được đặt câu hỏi ” về việc chính quyền đã từ chối không ký kết một năm trước đây !

Song, bất luận giải thích nào đi nữa thì quyết định không công bố văn bản hiệp định tiếng Việt đã tạo ra một tình trạng siêu thực suốt năm tuần lễ trong đó quan chức và chuyên viên Việt Nam nói về hiệp định thương mại Việt - Mỹ phải căn cứ trên một bản dịch tiếng Việt của văn bản hiệp định tiếng Anh do chính quyền Mỹ phổ biến trên Internet. Trong bối cảnh đó, bài “ Quyền được thông tin đầy đủ ” của Nguyễn Văn Phú trên báo **Tuổi Trẻ Chủ nhật** ngày 23.7 - mà Diễn Đàn đăng lại nguyên văn dưới đây - đã mạnh dạn chất vấn chính quyền về những nghịch lý của chế độ hạn chế thông tin và về quyền được thông tin của người dân. Từ đó mà trong công luận, và trước tiên trong giới doanh nhân đã nổi lên những đòi hỏi được thông tin về hiệp định Việt - Mỹ, “ một thông tin chính thức, chính xác và có trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp ” cũng như yêu cầu đối với bộ thương mại xây dựng một trang web để doanh nghiệp tự do truy cập thông tin, kể cả văn bản các hiệp định thương mại. Trả lời của thứ trưởng thương mại Lương Văn Tự : “ Có những hiệp định không thể thông tin công khai được ” ! (Thời báo kinh tế Sài Gòn 10.8.2000)

Hiệp định thương mại Việt - Mỹ ký rồi, thế nhưng trong những ngày qua, doanh nghiệp - người chịu tác động trực tiếp của bản hiệp định này - đó con mắt cũng không biết tìm đâu ra để đọc. Có người đoán chắc phải đợi quốc hội thông qua mới công bố. Có người mách lên Internet, vào trang web của cơ quan đại diện thương mại Mỹ, trên đó nguyên văn bản hiệp định cùng các phụ lục đã được đưa lên ngay sau khi ký. Khổ nỗi trang web tiếng Anh nên chỉ đăng bản hiệp định tiếng Anh.

Đại biểu quốc hội muốn thông qua cũng phải biết nội dung. Ý kiến của họ cũng phải là đại diện ý kiến cử tri mà người dân không biết nội dung làm sao có ý kiến. Đợi đến khi

hiệp định có hiệu lực thì biết bao nhiêu cơ hội chuẩn bị sẽ phải bỏ lỡ.

Trong tình trạng thiếu vắng thông tin như thế, các hãng thông tấn phương Tây lại đưa tin về hiệp định rất phiến diện. Vì xuất phát từ lợi ích các công ty Mỹ hay các công ty nước ngoài nên họ chỉ đưa những gì mà các công ty này sẽ hưởng lợi từ hiệp định. Nếu chỉ từ thông tin này, người đọc sẽ hiểu sai về tinh thần của văn bản quan trọng này.

Bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân, cựu chủ nhiệm uỷ ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, có lần nói những nhà thương thảo nước ta lấy làm ngạc nhiên vì phía Mỹ xem ra hiểu rất rõ tình hình kinh tế Việt Nam, cận kề đến từng chi tiết về môi trường kinh doanh và đầu tư tại đây. Hoá ra phía Mỹ trước khi ngồi vào bàn đàm phán đã tổ chức không biết bao nhiêu cuộc gặp mặt với doanh nghiệp Mỹ từng buôn bán hay đầu tư vào Việt Nam. Xuất phát từ những vướng mắc rất cụ thể các doanh nghiệp này phản ánh, phía Mỹ đã đưa ra những điều kiện có tác động trực tiếp đến việc hỗ trợ doanh nghiệp họ làm ăn.

Doanh nghiệp Việt Nam thì trong suốt bốn năm đàm phán hầu như không có thông tin gì về những vấn đề được hai bên thương thảo, ngoại trừ những nét chính của bản hiệp định như các chương thương mại hàng hoá, dịch vụ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quan hệ đầu tư. Ngay cả khi hai bên tuyên bố đã thoả thuận về nguyên tắc bản hiệp định vào tháng bảy năm ngoái, người dân và doanh nhân Việt Nam gần như mù tịt về bản hiệp định quan trọng này.

Mà đâu phải doanh nghiệp ta chưa xuất hàng qua Mỹ, chưa gặp khó khăn bên cạnh thuế cao. Chuyện góp ý xem như bây giờ không nói nữa, nhưng biết nội dung để chuẩn bị cho cơ hội làm ăn hay đón đầu thử thách cạnh tranh vẫn còn rất thời sự, mang tính sống còn đối với nhiều doanh nghiệp.

Ngay trong bản hiệp định vừa ký kết, có nguyên chương 6 nói về chuyện minh bạch trong thông tin. Hai bên cam kết sẽ nhanh chóng và đều đặn xuất bản những luật lệ liên quan đến hoạt động doanh nghiệp và việc công bố thông tin phải làm trước khi văn bản pháp luật có hiệu lực để các doanh nghiệp biết mà thi hành. Hai bên cũng cam kết cung cấp thông tin về nền kinh tế và các khu vực kinh tế như ngoại thương để doanh nghiệp biết mà tham khảo.

Công việc cung cấp thông tin cho người dân trong thời đại tin học này nằm trong khả năng của chúng ta. Nếu in ấn tốn kém, mất thì giờ, tại sao không đưa bản hiệp định tiếng Việt lên trang web của chúng ta ? Và trong tương lai gần, vì sao không xây dựng một trang web riêng những văn bản pháp qui để mọi người dễ dàng cập nhật thông tin ?

Một nghịch lý khác là dường như các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như Ngân hàng thế giới, Chương trình phát triển Liên hiệp quốc... tiếp cận thông tin kinh tế đầy đủ và dễ dàng hơn nhà nghiên cứu hay doanh nghiệp trong nước. Dựa vào những thông tin này, họ soạn ra những bản báo cáo mà, đến lượt mình, các nhà kinh tế trong nước phải nghiên cứu để lấy lại thông tin.

Có lẽ bây giờ những công ty nước ngoài, kể cả các công ty Mỹ, đang ráo riết nghiên cứu bản hiệp định để xác minh cơ hội hay lộ trình làm ăn với nước ta, trong khi doanh nghiệp Việt Nam còn loay hoay chờ...

Nguyễn Văn Phú

Công khai hoá ngân sách nhà nước : một dấu hỏi

Vũ Quang Việt

Khi nghe nhà nước công báo về việc công khai hoá ngân sách nhà nước (quyết định 225/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng), tôi thấy mừng vì đây là bước tiến quan trọng cần có như việc xoá bỏ cơ chế xin cho hiện nay trong chính sách đối mới hiện nay.

Ngân sách nhà nước, nếu công khai hoá, sẽ mở ra ba việc lớn : Một là, cho phép nghiên cứu các vấn đề vĩ mô của nền kinh tế liên quan đến chính sách nhà nước. Hai là, cho phép quốc hội kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu ngân sách nhằm thực hiện các chính sách mà quốc hội đề ra, và chống biến thủ công quỹ. Ba là cho phép dân chúng khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến mục đích chi tiêu của nhà nước, mà số tiền để chi tiêu này là do chính họ trực tiếp hoặc gián tiếp đóng góp.

Thực hiện quyết định của Thủ tướng qua ngân sách được công bố rất tiếc chỉ hoàn thành được một phần ba mục tiêu bàn đến ở trên, và có lẽ không hoàn thành ý định của Thủ tướng. Kết luận này là dựa vào tài liệu “Số liệu thu chi ngân sách Nhà nước và dự toán NSNN” do Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Tài chính ấn hành (20 trang). Tôi hy vọng là Quốc hội nhận được tài liệu chi tiết hơn. Nếu không thì đây là chuyện đáng buồn. Buồn như chuyện chính phủ đã ra lệnh xoá bỏ cơ chế

xin cho mà các bộ, các ngành, các địa phương vẫn tiếp tục nín thở kéo thời đã qua.

Bảng bên trên là phân tích ngân sách quyết toán và dự toán của ngân sách 1997-2000.

Số liệu ngân sách gồm có 4 phần: phần 1, quyết toán; phần 2, dự toán ngân sách; phần 3 chi ngân sách cho các cơ quan trung ương; phần 4 chi ngân sách cho địa phương. Mỗi cơ quan ghi một con số chi, mỗi tỉnh ghi một con số chi và một con số thu; Thế thôi.

Phần 1 và 2 được trình bày ở bảng trên, mặc dù ít chi tiết hơn một chút ít. Chúng ta thấy gì ? Không biết chi đầu tư vào đâu. Không biết chi thường xuyên vào đâu. Cộng phần chi đầu tư và chi thường xuyên lại cho thấy là phần trăm ngân sách chi vào đâu không được giải thích tăng từ 12% năm 1997 lên 21% năm 2000. Trong phần chi thường xuyên thì phần không giải thích chi vào đâu chiếm trên dưới 70%, tức là không giải thích gì cả. Đó là chưa kể phần chi thường xuyên không phân biệt ra đâu là trả lương, đâu là chi phí cho hàng hoá và dịch vụ, chưa nói gì đến hàng hoá dịch vụ gì.

Chi tiết chi phí về chi tiêu mới là điều quan trọng cần công khai hoá. Ta chỉ biết chi cho Bộ giáo dục (chắc là chi thường xuyên và đầu tư) năm 1997 là 862 tỷ bằng 10% tổng chi thường xuyên cho giáo dục. Chi vào đâu thì ta không biết. Họ có thể chi đãi khách, hội nghị, có thể chi mua xe hơi, chi xây trụ sở, chi bồi dưỡng cho nhau, v.v. (ở đây tôi phải xin lỗi lấy Bộ giáo dục làm thí dụ vì số liệu chỉ ghi chi thường xuyên cho giáo dục, y tế, văn hoá thông tin và thể dục thể thao mà thôi nên không chọn giáo dục thì phải chọn y tế hay văn hoá.) Giả dụ nếu như chi cho mua xe hơi (ngân sách và số lượng) được ghi ra thì kiểm toán của quốc hội sẽ thấy ngay vấn đề nếu như chính sách của nhà nước ở thời điểm đó là hạn chế mua xe hơi. Giá mua từng chiếc xe hơi cũng sẽ rõ.

Ngân sách ta lại không có thu, cứ như tiền từ trên trời rơi xuống. Nói đúng ra là có một con số tròn tổng thu. Thu của ai, về việc gì thì không rõ. Giả dụ biết được thu nộp các loại phí từ các trường học do chính trường bắt nộp không phải là có ích lợi hay sao ? Có người sẽ cho điều này là phí thời giờ, tốn giấy, vì các trường sẽ cho con số láo, nhưng cần phải thấy là trên giấy trắng mực đen, không lẽ phụ huynh không biết đọc và kiểm tra hay sao ? Đối với các loại thu trong cơ quan cũng sẽ có giá trị như vậy.

Quốc hội các nước thông qua và kiểm toán ngân sách là trên cơ sở kiểm soát ngân sách rất chi tiết này. Có như thế mới chống được việc biến thủ công quỹ, và xoá bỏ chi phí không đúng mục tiêu. Và cũng chính vì vậy mà ta thấy ngân sách các nước gồm vài trăm trang hoặc vài ngàn trang khổ lớn thay vì 20 khổ nhỏ (1/4 khổ lớn) như ở Việt Nam ta. In một tập tài liệu vài ngàn trang cho quốc hội, không quá năm trăm người, cũng không tốn kém là bao so với tốn kém về biến thủ và chi không đúng mục tiêu như hiện nay. Tôi nghĩ khó kiếm ra một nước mà ngân sách chỉ có 20 trang khổ nhỏ. Dĩ nhiên đây là bước tiến đáng mừng sau 10 năm đổi mới ở Việt Nam. Nhưng thật tiếc đó là bước tiến con rùa trong thời đại phát triển như vũ bão về tin học và thông tin của thế giới.

	Quyết toán		Dự toán
	1997	1998	2000
I/ Tổng chi	78157	81994	96535
A/ Chi đầu tư	19482	20514	25700
B/ Chi thường xuyên	49270	49998	50739
C=A+B (*)	68752	70512	76439
I - C (**)	9405	11483	20096
(% tổng chi)	12%	14%	21%
B/Chi thường xuyên	49270	49998	50739
1. Giáo dục	8719	9723	11240
2. Y tế	3033	3064	3340
3. Văn hóa	625	697	690
4. Thể thao	256	296	300
5=1+2+3+4 (*)	12633	13780	15570
B-5 (**)	36637	36218	35169
(% chi thường xuyên)	74%	72%	69%
Chú thích : (*) là phần chi có giải thích, (**) phần không giải thích. Hai dòng có % là tỷ lệ của phần không giải thích			

Vụ án Pinochet kết thúc nạn “bắt thụ trừng phạt”

Cách đây gần 2 năm ⁽¹⁾ trên cột báo này, khi bình luận về việc Pinochet bị bắt giữ ở London, một mặt chúng tôi hoan nghênh sự kiện tên độc tài khát máu và gian hùng cuối cùng đã phải trả lời công lí, mặt khác chúng tôi tỏ ý dè dặt vì công lí đó là của một nước ngoài (Anh, Espanha...) chứ không phải công lí của chính nước Chilê. Lúc đó, chúng tôi viết : giải pháp lí tưởng là Pinochet bị truy tố và xét xử tại Chilê, bởi Chilê, để lịch sử đất nước này khép lại trang sử của chế độ độc tài ; song ngay tiếp theo đó, chúng tôi cũng viết : *“ phải thấy một thực tế là trong tương quan lực lượng hiện nay ở Chilê, công lý không đủ sức đương đầu với quân đội và công an ”*. Thật là... bé cái lắm ! Không những công lí Chilê đã đương đầu với quân đội và công an, mà khi Tòa án Tối cao Chilê treo quyền bất khả xâm phạm của thượng nghị sĩ Pinochet, nó đã khẳng định rằng pháp lí (nghĩa là các nguyên tắc) cao hơn “ thực tế ” và quan niệm “ realpolitik ”.

Từ Thượng viện Anh đến Tòa án Tối cao Chilê

Hãy nhắc lại những sự kiện chính. Sau nhiều bước tiến thoái của hành pháp và tư pháp Anh, 5 thẩm phán thuộc Thượng viện đã phán định rằng một phần những khiêu tố của thẩm phán Espanha, ông Garzón, là có căn cứ (đó là những khiêu tố qui tội “ tra tấn ”, “ tội ác chống nhân loại ”, “ diệt chủng ”), nhưng nhờ quyết định của chính phủ Anh (dưới danh nghĩa “ lý do nhân đạo ”, thực chất là những tính toán chính trị trần trụi), Pinochet không bị dẫn độ sang Espanha. Việc Pinochet bình an trở về Chilê, được phái hữu và giới tướng lãnh Chilê tiếp rước linh đình, quy chế miễn trừ mà Pinochet được hưởng với tư cách là thượng nghị sĩ “ chung thân ”..., tất cả những điều ấy làm cho người ta nghĩ rằng các lực lượng dân chủ chủ trương phải “ gìn giữ kỷ ức lịch sử ” đã dứt khoát thất bại. Chẳng mấy ai kỳ vọng vào lá đơn khiêu tố tướng Pinochet mà vài ba gia đình của những người mất tích đã gửi cho tòa án Chilê... Tháng 6.2000, Tòa phúc thẩm Santiago, rồi ngày 8.8.2000, Tòa án Tối cao đã phán định những đơn khiêu tố ấy là khả chấp (recevable) và quyết định bãi quyền miễn trừ của nghị sĩ Pinochet. Với đa số tuyệt đối (14-6), Tối cao Pháp viện cho rằng 158 đơn kiện Pinochet chứa đựng những “ nghi vấn có căn cứ ” cho phép truy tố y về một số tội trạng liên quan tới cái chết của 3000 nạn nhân (con số chính thức) của chế độ độc tài trong thời kì 1973-1990, đặc biệt là những tội ác liên quan tới “ Đoàn xe Tử thần ” – tên gọi của một đơn vị quân đội đã hoành hành khắp nước Chilê vào tháng 10.1973, và đã bắt cóc hoặc tàn sát ít nhất 74 người đối lập chính trị. Trong bản luận chứng khoảng 100 trang, Tòa án Tối cao nêu ra trách nhiệm

của tướng tổng tư lệnh lúc đó, vì quân đội được tổ chức theo nguyên tắc “ mệnh lệnh hàng dọc ” – điều mĩa mai là trong tác phẩm *Chính trị, chính chế và mị dân* (1983), Pinochet cũng đề cao nguyên tắc này ⁽²⁾. Để đi tới phán quyết bãi miễn, Tòa án Tối cao đã tán đồng luận điểm của thẩm phán Guzman (người khởi xướng vụ truy tố). Ông Guzman lập luận rằng có 19 tử thi bị mất tích hoàn toàn, đó là những tội ác “ bắt dịch ”, nên không nằm trong diện những tội ác (gây ra trong thời gian 1973-78) được hưởng đạo luật ân xá mà Pinochet đã áp đặt năm 1978. Đúng là gây ông lại đập lưng ông : cũng như các “ đội tử thần ” ở các nước Nam Mỹ khác (Argentina, Brasil...), các toán hung thủ ở Chilê đã tưởng rằng làm phi tang (chẳng hạn như ném từ máy bay trực thăng xuống biển) ⁽³⁾ là thượng sách (không có xác chết, nghĩa là không có *habeas corpus*, là hết chuyện, trắng tội) ; nào ngờ chính vì sự phi tang đó mà cái chết của các nạn nhân không bị đạo luật ân xá “ khoá sổ ”, sự mất tích của họ trở thành một sự phạm pháp “ bắt dịch ”, “ thường trực ” (permanent) và nay đang quật lại hung thủ.

Cố nhiên, chưa chắc gì Pinochet sẽ bị đưa ra xử trước tòa vì theo luật pháp Chilê, bị can có thể được miễn tố nếu ở trong trạng thái “ lão suy ” (*sénilité*) ⁽⁴⁾. Đó là không kể những kế hoãn binh mà các trạng sư có thể tung ra để trì hoãn ngày khai mạc phiên tòa, tranh thủ thời gian để tên *caudillo* 84 tuổi có thể nhả nha chết già trên giường, như Franco cách đây một phần tư thế kỉ. Nhưng với những thất bại mà công lí quốc tế và công lí Chilê đã giáng cho Pinochet trong hai năm qua, có thể nói phiên xử Pinochet trước Tòa án của Lịch sử đã thực sự bắt đầu rồi.

Đi tìm chân lí

“ Lịch sử ”, “ không thể tưởng tượng ”, “ phán quyết đánh dấu thế kỉ ”... đó là câu chữ của những người bảo vệ nhân quyền ở Châu Mỹ Latinh. Sở dĩ quyết định của Tòa án Tối cao Chilê có tiếng vang sâu rộng như vậy là vì nó vượt xa trường hợp cá nhân Pinochet : tự nó là một bước tiến lớn của nền dân chủ ở vùng nón Nam Mỹ, thậm chí trên toàn thế giới (“ *một tin mừng cho mọi người dân chủ* ”, như Đảng Xã hội Espanha đã chính thức lên tiếng). Ông Joan Garcès, luật sư Chilê lưu vong, một trong những người chủ chốt trong vụ khởi tố Pinochet đã nêu ra 3 bài học từ bản phán quyết của Tòa án Tối cao : “ *đã buộc mọi người phải công nhận những tội phạm mà cho đến nay ở Chilê vẫn chưa được công khai thừa nhận ; đã thúc đẩy toàn thể xã hội ý thức rằng trong luật chơi dân chủ, không có chỗ đứng cho khái niệm “ bắt thụ trừng phạt ” (impunité) ; và sau cùng, đã chứng thực rằng sự hợp tác quốc tế về mặt tư pháp, cho đến nay chỉ là lí thuyết, đã trở thành hiện thực, điều đó chứng tỏ rằng, mặc dầu còn nhiều trở lực, công lý là độc lập* ”.

Cũng cần nhắc lại : trước khi xảy ra vụ án Pinochet, chế độ dân chủ Chilê phải sống trong một tình trạng leo lét như ngọn bấc trước mỗi cái hắt hơi của bọn tướng lãnh quân đội ⁽⁵⁾. Bao nhiêu tội ác do chế độ quân phiệt gây ra bị dồn nén dưới đáy sâu của kỷ ức tập thể, ngăn cản mọi sự hoá giải. Các định chế, nhất là định chế tư pháp (chỉ ít đã phạm tội đồng lõa trong im lặng với chế độ Pinochet), đã vận hành như những hồn ma đã

ăn phải chao lú. Nếu không có một sự thanh tẩy tinh thần (catharsis), thì “ giai đoạn chuyển tiếp dân chủ ” có nguy cơ trở thành một giấc Nam Kha ngắn ngủi... Những đơn khiếu tố đã được trình toà ngay từ năm 1998, nhưng chính việc Pinochet bị bắt giữ ở London đã đóng vai trò ngòi nổ : sự truy tố tên độc tài đã xé rách tấm màn “ chính đáng ” (*légitimité*) che phủ lên các hành vi của Pinochet trong quá khứ. Cái tabu “ *không thể đụng tới Pinochet* ” bị công lí châu Âu phá vỡ đã tác động mạnh mẽ tới các định chế nhà nước Chilê cũng như toàn bộ xã hội Chilê. Bằng chứng là cách đây 9 tháng, một “ Bàn đối thoại ” đã được thành lập giữa giới quân đội và giới luật sư Nhân quyền. Đây là một hình thức “ uỷ ban chân lí và hoà giải ”, trong đó quân đội cam kết sẽ cung cấp những thông tin (nhưng được miễn khai tên tuổi các “ nguồn tin ”) khả dĩ soi sáng số phận của “ những người mất tích ”. Một điều khó tưởng tượng nếu ta nhớ rằng, cách đây không lâu, chỉ nói tới những nạn nhân cũng bị quy thành “ âm mưu cộng sản quốc tế ”. Thế rồi xe tăng của quân đội cũng không thấy xuất hiện trên đường phố khi quan toà thẩm vấn hàng trăm quân nhân, thậm chí kết án 3 quân nhân về cái chết năm 1983 của một công nhân, và cuối cùng là quyết định bãi bỏ quyền miễn trừ của Pinochet. Các tướng lãnh tư lệnh liên quân đã đến tận nhà lão độc tài để công khai lên tiếng ủng hộ, nhưng tuyệt nhiên không đá động gì tới quyết định của Toà án Tối cao. Trong một ý nghĩa nào đó, có thể nói vụ Pinochet kéo dài nhiều tháng đã giúp ích cho xã hội Chilê, làm cho các thành phần xã hội có đủ khoảng cách thời gian để nhận thức được quá trình diễn tiến của chính mình. Chỉ mong rằng bây giờ đã tới lúc thực sự bắt đầu công cuộc tìm tòi chân lí, điều kiện tiên quyết của sự hoà giải dân tộc. Như thẩm phán Guzman đã nói : “ *Công cuộc tìm kiếm chân lí là hết sức quan trọng cho nền hoà bình ở Chilê. Đó là điều thiết yếu có tính chất xã hội và lịch sử. Chân lí từng bước xuất hiện sẽ từng bước hoá giải những mối hận thù* ”.

Chấm dứt nạn “ bắt thụ trừng phạt ”

Bản phán quyết của Toà án Tối cao rõ ràng đã củng cố các định chế dân chủ của Chilê, nhưng phạm vi tác động của nó vượt khỏi biên giới quốc gia. Nó xác định một xu thế mới đã hiện ra rõ nét trong công pháp quốc tế nhằm chấm dứt tình trạng “ bắt thụ trừng phạt ” khiến cho những tội phạm Nhà nước vẫn sống nhón nhơ mà không hề bị xét xử. Cổ nhiên, các Công ước Genève năm 1949 về các tội ác chiến tranh, năm 1984 về tra tấn đã kiến lập những công cụ pháp lí quốc tế có hiệu lực, bắt buộc các Quốc gia đã kí kết phải truy tố trên lãnh thổ của mình mọi cá nhân phạm “ tội xúc phạm nhân loại ” (crimes de lèse-humanité, từ ngữ rất đạt của châu Mỹ Latinh). Song các công ước ấy chỉ phát huy tác dụng trừng giới của chúng chừng nào và khi nào các quốc gia có quyết tâm chính trị thực thi. Đường như các dấu hiệu quyết tâm chỉ biểu lộ sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, khi cái thế đương đầu lưỡng cực đã nhường chỗ cho cái thế đương đầu đa cực, nếu không nói là đương đầu có tính chất bộ lạc (ở Bosnia, Rwanda, Sierra Leone...) mà những tác hại đã thúc đẩy cộng đồng quốc tế phải lập ra những toà án đặc biệt (Toà hình sự quốc tế về Rwanda, về Bosnia), rồi Toà án Hình sự Quốc tế Roma (đến nay vẫn

chưa vận hành). Vụ án Pinochet đã nổ ra trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống các tội ác xúc phạm nhân loại, và bản quyết án của Thượng viện Anh cuối năm 1998 đã giáng một đòn trí mạng vào sự bất thụ trừng phạt của những phạm nhân mang tội Nhà nước. Quyết định của Toà án Tối cao Chilê cũng nằm trong cái động lực chung của xu thế công lí có “ quyền hạn phổ quát ”, không hạn chế trong những ranh giới quốc gia. Một số cá nhân và tổ chức bảo vệ nhân quyền muốn nhân đà này kêu gọi cộng đồng các quốc gia (và thân quyền các nạn nhân) hãy truy tố những tội nhân Nhà nước mà họ đã lập ra một danh sách dài (chưa đầy đủ) : Amin Dada và Milton Obote ở Uganda, Mengistu ở Ethiopia, Alfred Stroessner ở Paraguay ; Raoul Cedras và Philippe Biamby ở Haiti... Phải chăng cũng nên thêm Henry Kissinger mà những hồ sơ lưu trữ vừa được công bố đã vạch rõ sự đồng lõa ít nhiều tích cực với những chế độ độc tài tệ hại nhất trên thế giới trong thập niên 1970 (Chilê, Argentina, Nam Hàn, Philippin...)

Trước khi kết thúc bài này, không thể không biểu dương (xem (1)) những cơ chế dân chủ một lần nữa đã chứng tỏ hiệu quả, trong đó trước tiên là cơ chế vẫn được gọi là sự phân quyền. Bất luận các vị hoài nghi có thể nghĩ thế nào đi nữa, chính là nhờ sự phân quyền mà, độc lập với tính toán của hành pháp (chính phủ), các huân tước nghị sĩ Anh đã quyết định có thể dẫn độ Pinochet ; và cũng nhờ sự phân quyền này mà chính phủ Anh, độc lập với tư pháp, đã cho Pinochet trở về Chilê (chính quyền Anh đã quyết định vì những tính toán chính trị “ thực tế ”, song đó là một quyết định hợp pháp) ; và cũng chính cơ chế phân quyền này đã cho phép Toà án Tối cao Chilê, trong một bối cảnh chính trị không lấy gì lành mạnh, đi tới một phán quyết lịch sử, mang lại thắng lợi cho những người dân chủ, chống lại những phần tử cực đoan mọi phía ⁽⁶⁾, khi những người dân chủ kiên trì quan điểm là chế độ dân chủ được xây dựng trên những nguyên tắc, những giá trị, và người ta có thể chỉ dùng lợi khí của pháp luật mà thực hiện công lí.

Nguyễn Quang

- (1) Xem bài *Công lí hay Chao lú* (Diễn Đàn số 80, tháng 12.1998).
- (2) Còn ở Argentina, nguyên tắc “ hàng dọc ” (tức là trách nhiệm phải quy vào cấp chỉ huy) lại được chính phủ Alfonsín vận dụng để ân xá cho những sĩ quan cấp dưới đã phạm tội dưới thời độc tài quân phiệt.
- (3) Đây là một phương pháp “ cổ điển ” của CIA ở Việt Nam, đồng thời là một phương pháp tra tấn : ném một người để buộc người khác khai báo (xem *Decent Interval*, Random House, New York, 1977, của Frank Snepp, sĩ quan CIA ở Sài Gòn trước 1975).
- (4) Gia đình Pinochet lớn tiếng nói rằng họ sẽ không “ thêm ” dùng tới phương pháp “ ô nhục ” này. Nhưng cách đây 2 năm, trước các toà án Anh, họ đã chẳng từng “ thêm ” lên “ thêm ” xuống đó sao ?
- (5) Một thí dụ điển hình : vụ “ Boinazo ”. Tháng 5.1993, ngay khi có tin mở cuộc điều tra hình sự về một vụ biến thủ ngân quỹ trong đó con trai cả của Pinochet bị liên can, khoảng 60 lính nhảy dù vũ trang đã đứng dân chào trước dinh Moneda (phủ tổng thống).
- (6) Xin phép kể lại đây một giai thoại cho thấy bệnh bè phái (trong trường hợp này là bệnh bè phái khuynh tả) có thể dẫn tới những điều thậm phi lí : trong những ngày Pinochet bị giam giữ ở London, kiều dân Chilê ở Pháp tổ chức những cuộc biểu tình đòi dẫn độ Pinochet sang Espanha. Người ta để ý thấy vắng mặt một số tổ chức cực tả vốn đi hàng đầu trong mọi cuộc đấu tranh vì châu Mỹ Latinh. Lý do (nội bộ, không công bố, tất nhiên) : “ *Chẳng lẽ lại tạo ra một tiền lệ, nhờ sau này Fidel...* ”.

Sổ tay Hè 2000

Quận Cam Cali, tháng 6

Tôi trở lại Quận Cam (Orange County, California) một năm sau. Chuyến đi bất ngờ, ngắn ngày. Chỉ đủ thời giờ ghé thăm vài ba bạn quen và lược ghi một vài thay đổi hiển hiện.

Thoạt trông, phố xá khu Tiểu Sài Gòn năm nay khác hẳn năm trước. Năm ngoái một ông Trần Trường, với tấm ảnh Cụ Hồ treo trong cửa tiệm Hi-Tek, đã làm nên kì công là huy động “cộng đồng” – sao lại *cộng đồng* nhỉ, *chống cộng đồng* mới *đúng lập trường*, mới *politically correct* chứ – biểu tình, hò hét cũng được hai ba mùa, cờ xí rợp trời, trong nhà ngoài ngõ đâu đâu cũng vàng khè, cũng sọc dưa ba vạch đỏ... Năm nay mỗi mắt mới tìm ra một mảnh cờ... 19-6, Ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, có một thời là dịp để các diễn viên may sắm trang phục một thời xa vắng, huy chương đầy ngực, diễu hành từ thương xá Phúc Lộc Thọ đến chợ cá Vancò, đằng đằng khí thế giải phóng quê hương. Năm nay, ỉu xìu hai cuộc họp tí xít. Lái xe, tôi tình cờ nghe một đài phát thanh Việt ngữ phỏng vấn một ông tướng. Người hùng Xuân Lộc giải thích tại sao “địch thắng ta thua” : tất cả là vấn đề vũ khí, địch thừa vũ khí, ta thiếu vũ khí. Ra thế.

Rảo qua mấy tiệm sách. Tú Quỳnh vắng hoe. Nghe đâu tiệm này bán băng nhạc là chính, không màng tới sách nữa. Nhà xuất bản Văn Nghệ vừa mở tiệm sách, khang trang, khách hàng có thể tìm đầy đủ những tựa sách mà ông Võ Thắng Tiết phát hành trong những năm qua. Bắt đầu có những tựa sách xuất bản ở trong nước. Còn ít, ông giám đốc giải thích, vì tôi mới về có một chuyến, bên Tự Lực nhiều hơn, ông chủ Tự Lực về bốn chuyến rồi. Đúng như vậy, có lẽ một phần tư, một phần ba các tựa sách bấy bán ở Tự Lực là sách xuất bản ở Việt Nam – tất nhiên, cũng như chợ sách quốc nội, đủ hết, thương vàng hạ cám, và tất nhiên, vàng ít cám nhiều. Sách vở dường như cũng theo xu hướng băng video, CD và băng nhạc. Đi đâu cũng nghe giọng ca tuyệt vời Mỹ Linh, cũng thấy hai đôi răng khểnh duyên dáng Hồng Nhung... Theo một bài báo, doanh số của tổng cộng 10 nhà sản xuất băng đĩa Việt Nam ở Mỹ, từ năm 1995 đến năm 1999, đã sụt đi 70 %. CD quốc nội tràn lan, không phải chỉ vì rẻ (2 đô < 8 đô, một bất phương trình nặng cân), mà còn vì sự mới lạ (nghe mãi những cái đĩa rè cũng ớn), chất lượng phối âm, dàn nhạc làm tăng thêm giá trị của những giọng ca thiên phú được đào tạo đúng bài bản.

Song cái thay đổi lớn, khó thấy, lại không diễn ra ở Quận Cam, không diễn ra ở San Jose, hay Houston... là những nơi người Việt ở tập trung. Đó là hiện tượng những tiểu chủ bắt

đầu ra khỏi khu Việt Nam để kinh doanh ở các *downtown*, các thành phố. New York, Chicago, Los Angeles... đều bắt đầu có quán ăn Việt Nam, khách hàng là người Mỹ. Nhưng bất ngờ lớn không nằm trong khu vực ẩm thực, mà nằm trong nghề *neo ke* (nail care), tức là nghề sửa móng tay. Một nhà kinh doanh cho biết, căn cứ vào số liệu của các phòng thương mại Hoa Kỳ, số doanh nghiệp (mang tên) Việt Nam tại 50 bang hiện nay ước tính khoảng 20 000, trong đó, số tiệm *neo ke* chiếm 80 %, nghĩa là khoảng 16 000 cửa tiệm. Một anh bạn nói đùa, mà thật : tại Mỹ người Ấn Độ đang chiếm ngành công nghệ tin học thì người Việt Nam chiếm nghề sửa móng tay.

Tại sao có hiện tượng rất lạ này ? Câu trả lời bao gồm một số nhân tố, khách quan có, chủ quan có, tất yếu có, ngẫu nhiên có. Trước tiên là nhu cầu khách quan của xã hội Mỹ : sửa móng tay không còn là nhu cầu của riêng phụ nữ thượng lưu, mà từ khoảng hai chục năm nay, nó trở thành cái mốt trong mọi thành phần xã hội, nữ cũng như nam, đặc biệt trong giới phụ nữ da đen bình dân (chi phí sửa móng tay trở thành một hạng mục quan trọng trong ngân sách của phụ nữ da đen, theo một cuộc điều tra xã hội học). Nửa giờ ngồi thư dãn, có người nâng tay sửa móng, dường như đã trở thành một nhu cầu tinh thần của hàng chục triệu người Mỹ. Đó là phần khách quan, độc lập với cộng đồng Việt Nam. Còn nhân tố chủ quan : sửa móng tay là một nghề dễ học và học nhanh (3 tháng), vừa tầm những người không có tay nghề, chưa thạo tiếng Mỹ ; mở tiệm *neo ke* không cần một số vốn lớn (ba chục ngàn đô là đủ). Sự ngẫu nhiên là yếu tố thời gian : mốt sửa móng tay bùng nổ trong xã hội Mỹ vào đúng thời điểm mà thị trường kinh doanh cũng như thị trường nhân dụng ở các khu Việt Nam trở thành bão hoà, *cung vượt quá cầu*.

Nhìn vào bề sâu, sự hội nhập vào xã hội Mỹ (trước mắt và ít nhất) về mặt kinh tế cũng là một sự tất yếu, nằm trong logic của *melting pot* kiểu Mỹ : thể hệ nhập cư thứ nhất sống trong một thứ *ghetto*, thể hệ thứ nhì bắt đầu toả ra, sinh sống phân tán. Trong giai đoạn đầu, quay vào nhau mà sống, cộng đồng Việt Nam đã biểu lộ một nghị lực mạnh mẽ. Giai đoạn mới sẽ là một thử thách lớn, qua đó người ta sẽ thực sự đánh giá được bản lĩnh của nó.

Cheb, một ngày tháng 7

Từ Đức, chúng tôi vào đất Tiệp (*Cộng hoà Séc*) qua ngã Cheb (đọc là *Khép*). Nếu không có trạm biên giới, công an biên phòng Đức và Tiệp đứng chung một chòi, thì thoạt trông, cảnh quan vùng này ở hai bên biên giới cũng chẳng khác gì nhau. Khó tưởng tượng rằng hơn mười năm trước đây, khu vực đồng bằng này bị xẻ đôi bằng những hàng rào kẽm gai, dọc hai bên là vùng đất trắng, và đằng sau là hai đạo quân hùng hậu mặt đối mặt hơn 40 năm trời. Quan sát kỹ thì vẫn còn dấu tích. Ngay ở bên Đức, dọc theo các quốc lộ và tỉnh lộ, ngoài những bảng chỉ dẫn giao thông ta gặp ở khắp nơi trên thế giới, cứ vài trăm mét, lại có những tấm bảng vuông, mang số đen trên nền vàng : đó là những ký hiệu dành riêng cho chiến xa và quân xa của khối NATO.

Nhà cửa bên Séc có vẻ nghèo nàn hơn bên Đức (nhất là bên Đức lại là Bayern, bang giàu nhất và đông dân nhất liên bang).

Nhưng dấu hiệu hiển nhiên nhất cho ta thấy đã vượt qua biên giới, là những cô gái đứng dọc đường, sẵn sàng phục vụ những ông khách trước hay sau một chuyến du hành *sun, sand and sex* (mặt trời, cát biển, và tính dục) ở Thái Lan, Philippin hay Việt Nam... Các cô chỉ là những toán hậu vệ của đoàn quân 300 000 phụ nữ Đông Âu, Đông Nam châu Âu đang hành nghề mại dâm ở các nước Tây Âu từ sau ngày sụp đổ của Liên bang Xô viết (con số ước tính của các cơ quan quốc tế).

Cả ngày ở Cheb, chúng tôi la cà ở chợ Việt Nam. Ba trăm quầy hàng dọc theo mấy con đường chạy trong một khu nhà khá rộng, kiến trúc hơi đơn điệu : hồi ra, mới biết 10 năm về trước, đây là trại lính của Hồng quân Liên Xô. Phòng ốc nay trở thành kho chứa hàng, những bãi đậu xe tăng, cam nhông... sau con biển dẫu, nay biến thành những dãy áo phông, áo gió, va li, túi thể thao, đồng hồ, tượng người lùn trang trí vườn tược... Nike, Adidas, Longines, Seiko... tất cả đều là hàng dỏm (ngoại trừ những hàng pha lê của vùng Bohemia), sản xuất ở Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Việt Nam và Đông Nam Á. Khách hàng phần lớn (có lẽ hầu hết) là người Đức. Người Đức chạy xe nhà qua biên giới đồ xăng, mua hàng cho rẻ. Cuối tuần, cả trăm xe ca sau một ngày du ngoạn Praha hay Karlovy Vary cũng đổ khách xuống đây mua sắm trước khi về nước.

Chủ quán cũng như người bán hàng (khoảng 1000 người ở riêng chợ Rong này của Cheb) đều là “ Cộng mình ” ⁽¹⁾, là “ Xù ” ⁽²⁾. Phần lớn là người sang “ hợp tác lao động ” trong những năm 80. Không những ở Tiệp, mà còn từ các nước Đông Âu khác (Nga, Ba Lan), thậm chí Đông Đức (có tiếng Đức là một lợi thế vì khách hàng chủ yếu là người Đức, trả tiền bằng *Đê Mác*, không cần đổi ra *Cu* ⁽³⁾). Đó là trường hợp của anh B. và anh S., hai tiến sĩ được đào tạo ở Cộng hoà Dân chủ Đức. B. tốt nghiệp khoa học thể dục (*học trường Karl Marx Stadt thời, người ta không nhận vào Humboldt, ở Humboldt mới có những bí mật quốc gia*, anh B. mỉm cười nói, ám chỉ việc Đông Đức dùng những hoá chất cường tố, biến những cô thi bơi mới lớn trở thành vai u thịt bắp). S. tốt nghiệp vật lý, đã từng làm việc ở Viện Max Planck nổi tiếng. Sau ngày thống nhất, ông thầy của anh cũng phải chật vật tìm việc, anh S. đã chọn về đất này. Anh Trần, thổ công nước Đức, người cầm lái vĩ đại trong chuyến đi Tiệp của chúng tôi, hỏi anh S. : “ *Bây giờ Đức sẵn sàng cấp thẻ xanh cho các nhà khoa học kỹ thuật nước ngoài rồi đó, anh có tính trở lại không ?* ”. “ *Bán quần áo thế này kiếm nhiều tiền hơn mà lại ít mệt* ”, anh S. trả lời. *Ít mệt* chắc cũng là một cách nói của anh. Cửa hàng ở đây mở liên tục từ sáng tới tối, 7 ngày trên 7, mùa hè còn thoải mái, chứ mùa đông phải đi đứng trong bùn tuyết gió sương, làm sao mà *ít mệt* cho được.

“ Cộng mình ” còn là những cô gái, chàng trai mới ở trong nước qua. Em H., 21 tuổi, vừa tới Cheb vài tháng, vừa đứng bán hàng vừa học tiếng Séc và tiếng Đức. Giấy tờ hợp lệ, em nói thế (tôi tin em nói thật, vì giấy tờ xuất cảnh nhập cảnh từ

Việt Nam qua Tiệp là vấn đề giá cả thỏa thuận), nhưng cũng không đơn giản : 5 tháng ăn chực nằm chờ ở Moskva, rồi 2 tuần ở ga biên giới Nga - Ba Lan.

Một ngàn người làm việc cả ngày ở đây, ăn uống tại chỗ. Trong và chung quanh khu chợ này, có khoảng 4, 5 quán ăn Việt Nam. Bún ngan, miến lươn, tiết canh, cháo lòng, phở bắc... đủ cả. Trừ món... cây tơ, *hôm nay không có*. Chưa có thời giờ làm quen, nên chúng tôi không dám hỏi cận kề xem *không có là không có*, hay là *không bán cho khách chuta quen, hôm nay không có thì hôm nào có*. Nhưng đó là do tôi suy nghĩ lắt léo thôi. Chỉ một tuần sau, ở Praha, cách Lâu đài của tổng thống Vaclav Havel không quá 5 km, giữa khu chợ Malesice (quận 10 Praha), ba anh em chúng tôi đã no nê một bữa thịt chó hấp, chả chừa, rửa mặn... Thịt chó đông lạnh bay thẳng từ Hà Nội sang bằng Vietnam Airlines. Cũng phải nói ngay để bạn đọc nào muốn nếm món quốc túy giữa châu Âu đừng quên coi lịch Tam Tông Miếu trước khi du hành : khách hàng ở đây đều là người buôn bán (chợ Malesice, cũng như chợ Bokave ở quận 4, đều là chợ bán sỉ) nên kiêng ăn thịt chó, thịt vịt 15 ngày đầu tháng âm lịch. Hàng quán ở đây chỉ phục vụ các món này từ ngày 16 đến ngày 29, 30 ta.

Romeo và Juliet thành phố Praha

Hai ngày ở Praha, chỉ đủ để tâm niệm : phải trở lại đây, ở đây ít nhất một tuần, mới ngắm được chừng nào cái đẹp của thành phố tuyệt vời này. Trở lại, sớm chừng nào hay chừng ấy, trước khi Praha bị chìm ngập trong biển xe ca du lịch như Paris hoặc Roma. Đứng trên cầu Carolus, ban ngày, buổi tối, sáng sớm... để ngắm thành phố ở hai bên bờ sông Vltava. Ngồi quán cà phê ở quảng trường lớn Praha, nơi mỗi hòn đá, viên gạch, mảnh ngói... đều ghi lại lịch sử. Tượng Jan Hus đứng đó, như còn nói chưa hết ý một bài giảng cải tổ Thiên chúa giáo. 27 hình chữ thập bằng đá trắng nhận trên mặt đường nhắc lại cái chết của 27 nghĩa sĩ nổi dậy chống vương triều Habsburg. Cũng tại nơi đây, Clement Gottwald tuyên bố thành lập Cộng hoà Nhân dân Tiệp khắc (1948 ; cũng phải nói, một năm trước đó, Winston Churchill đã tạo ra cụm từ bức màn sắt rồi). Nửa thế kỷ sau, cũng vẫn tại nơi đây, Havel thiết lập lại nền dân chủ. Có một quảng trường nào trên trái đất này đã sống tận cùng 600 năm lịch sử như Quảng trường Praha ?

Do một sự tình cờ tiền duyên, chúng tôi ở trọ nhà một cặp vợ chồng Việt-Tiệp. Anh V. năm nay vừa đúng bát tuần, người Tiệp ; chị N. lục tuần, người Việt. Họ gặp nhau ở Hà Nội cách đây 40 năm. Lúc đó anh 40, chị 20. Ông kĩ sư địa chất sang giúp Việt Nam thăm dò khoáng sản, yêu cô phiên dịch (tiếng Pháp), một Việt kiều từ Pháp hồi hương. Một cuộc tình Romeo và Juliet tân thời. Trắc trở gặp bội cuộc tình của đôi trai gái thành Verone : chênh lệch tuổi tác đã đành, kị nhất là cuộc hôn nhân “ tạp chủng ” không những bị xã hội lên án, chế độ cấm đoán, mà cả gia đình (chị N. hai bên nội ngoại đều là nhà quan) cũng không chấp nhận. Trong bối cảnh ấy, để có thể kết hôn và để chị N. có thể sang Tiệp đoàn tụ với chồng, anh chị đã lấy một quyết định ghê gớm : có mang. Và 15 tháng sau, 15 tháng thủ tục, đơn từ, túi nhục, nhần nhịn, chị N. đã tới Praha. Bốn mươi năm ngọt bùi vừa qua (bốn con, tôi không nhớ mấy cháu nội ngoại) dường như nồng nàn hơn khi đã phải

(1) *Cộng mình* : trong ngôn ngữ của người Việt làm ăn ở các nước Đông Âu, chỉ chung “ người Việt ”.

(2) *Xù* : từ tiếng Séc *Vietnamitxu* chỉ chung những người Việt Nam.

(3) *Cu* : *Kuron*, đơn vị tiền tệ của Séc.

Hoàng Ngọc Hiến

Chủ nghĩa cá nhân “văn hoá”

Đầu hè 2000, nhận lời mời của giáo sư François Jullien (chủ nhiệm Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Phương Đông, Trường đại học Denis Diderot, Paris), nhà phê bình văn học Hoàng Ngọc Hiến đã sang Pháp hai tháng. Ngày 20.6, ông đã thuyết trình tại Viện Marcel Granet về đề tài Individualisme culturel et Individualisme éthique dans la culture vietnamienne contemporaine (chủ nghĩa cá nhân văn hoá và chủ nghĩa cá nhân đạo lý trong văn hoá hiện đại Việt Nam). Dưới đây chúng tôi trích đăng một trang viết của tác giả, coi như tóm tắt những ý chính của bài thuyết trình.

Bàn về xây dựng nền văn hoá hiện đại, không thể không đề cập đến vấn đề “chủ nghĩa cá nhân” của văn hoá hiện đại. “Chủ nghĩa cá nhân” ở đây không có liên quan gì đến từ “chủ nghĩa cá nhân” lưu hành trong ngôn ngữ hàng ngày như là một phạm trù đạo đức học. Đó là ý thức cá nhân về cá tính và bản lĩnh riêng của mình, đặc biệt nó thể hiện ở “lòng tin” của cá nhân vào “giá trị của ý kiến riêng của mình”.

Lịch sử của sự xuất hiện của chủ nghĩa cá nhân trong văn hoá hiện đại theo một sơ đồ quen thuộc vẫn được trình bày như là một tiến trình tuyến tính “tích lũy những yếu tố cá nhân hoá” qua các thời đại và thông qua “cuộc cách mạng lãng mạn” dẫn tới “chủ nghĩa cá nhân của văn hoá hiện đại”. Trong lịch sử văn hoá nước ta, “sự tích lũy những yếu tố cá nhân hoá” qua các thời trung đại, cận đại bộc lộ rõ rệt nhất ở những sáng tác của những nhân cách văn hoá lỗi lạc: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du..., Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát..., Tú Xương, Tản Đà... “Cuộc cách mạng lãng mạn” đã diễn ra trong thời kì 1930-1945 với phong trào Thơ mới, với tiểu thuyết Tự lực Văn đoàn, cũng phải kể đến văn xuôi của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân... mà cá tính sáng tạo phong phú và rõ ràng khiến ta nghi ngờ mọi “nhãn hiệu” vẫn được gán cho họ. Chủ nghĩa cá nhân của văn hoá hiện đại cũng xuất hiện trong thời kì này, thấm thấu vào ý thức sáng tạo lớp nhà văn sau này được gọi là “tiền chiến”. Cũng trong thời kì này xuất hiện những tác giả đầu tiên của nền hội hoạ Việt Nam và ca nhạc Việt Nam hiện đại: Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân... Đặng Thế Phong, Văn Cao...

Có thể nói chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” (chúng tôi dùng từ này để phân biệt với chủ nghĩa cá nhân “đạo đức học”) là ngọn nguồn của sự phong phú những phong cách cá nhân, những tìm tòi mỹ học và tư tưởng - nghệ thuật trong văn học nghệ thuật thời kì này. Chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” là một bước tiến lên của ý thức văn hoá Việt Nam, là một trình độ mới mà văn hoá Việt Nam đạt được trên con đường hiện đại hoá, sau gần một thế kỉ, sau gần một thế kỉ cộng sinh với văn hoá Pháp, cũng có thể suy rộng ra, sau gần một thế kỉ tiếp xúc với văn hoá Tây Âu (chúng tôi không nói văn hoá Châu Âu vì thời kì lịch sử tiếp theo, văn hoá Việt Nam tiếp xúc với văn hoá Đông Âu, có một ảnh hưởng rất khác).

Những năm đầu cách mạng và kháng chiến, cùng với sự lớn mạnh như vũ bão những phong trào quần chúng “long trời lở đất”, cùng với sự lan truyền và tác động mãnh liệt của

những tư tưởng chủ nghĩa tập thể cách mạng, trong một hoàn cảnh như vậy, sự phủ nhận chủ nghĩa cá nhân “đạo đức học” kéo theo sự nghi ngờ, dè dặt đối với chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” là một điều hoàn toàn có thể hiểu được. Lẽ ra cần sớm có một sự tỉnh táo để nhìn nhận lại vai trò của chủ nghĩa cá nhân “văn hoá”, xem xét những khuyết tật mà nó nhiễm phải trong hoàn cảnh thuộc địa, đánh giá đúng trình độ tiến hoá có ý nghĩa lịch sử thế giới đạt được ở nó, đồng thời đưa nó vào một sự tổng hợp cao hơn, ngang tầm với khí thế Tháng Tám, với cao trào tư tưởng và đạo đức của toàn dân dâng lên với cách mạng và kháng chiến. Đáng tiếc là sự phát triển của văn hoá ở ta trong những năm 50, 60 đã không diễn ra như vậy. Quả là đã có những bước nhảy vọt, và những thành tựu “khổng lồ” trong những phong trào văn hoá “toàn dân”: bình dân học vụ, phổ cập giáo dục, y tế nhân dân, vận động đời sống mới nhưng thiếu hụt mất cái chiều (dimension) của chủ nghĩa cá nhân “văn hoá”, sự phát triển bình thường của con người cá nhân bị vướng vấp những sự gò bó trái tự nhiên, bản lĩnh và cá tính của cá nhân không được quan tâm đúng mức, “lòng tin” của cá thể ở “giá trị những ý kiến riêng của mình” không được thật sự tôn trọng. Bi kịch của phần lớn những văn nghệ sĩ và trí thức Nhân văn - Giai phẩm (tuyệt đại đa số trưởng thành trong thời Pháp thuộc, đã nếm mùi chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” phương Tây) là bi kịch của những cá nhân “quá tin” ở “giá trị những ý kiến riêng của mình” trong một hoàn cảnh xã hội chủ nghĩa tập thể “cực đoan” chưa kịp phân biệt chủ nghĩa cá nhân “đạo đức học” và chủ nghĩa cá nhân “văn hoá”. Từ những gì đã phải trả giá cho sự gạt bỏ chiều chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” trong xây dựng văn hoá thời kì nói trên, bài học đáng được nêu lên để chuẩn bị cho sự hoà nhập văn hoá trong thời kì sắp tới là: “chính bằng cách chấp nhận cá nhân trong nhà mình, trong nước mình, mà ta sẽ đi đến chỗ kính trọng lẫn bang và được kính trọng trở lại” (chúng tôi mượn lời của nhà văn Ả rập Tahar Ben Jalloun phát biểu về thế giới, xem *Người đưa tin UNESCO* 11/1990, tr.9). Những ý kiến riêng thường gây “phiền phức, rầy rà” cho những “quyết đoán” của tập thể (nhất là khi tập thể còn non yếu). Nhưng hậu quả của việc khống chế sự phát biểu những ý kiến riêng sẽ là thảm hoạ. “*Tai hoạ chủ yếu*, B. Paxternak viết, *cội nguồn của cái ác trong mai sau chính là sự mất lòng tin vào giá trị của ý kiến riêng. Những lời sáo rỗng sẽ dần chiếm lấy địa vị bá chủ*” (chuyển dẫn từ *Borix Paxternak. Con người Tác phẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 44).

Tác động tích cực to lớn của chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” là phát huy sức mạnh và tính chủ động của chủ thể, khơi nguồn cho những tìm tòi, sáng tạo. Mặt khác, chủ nghĩa cá nhân “văn hoá” cực đoan trượt sang chủ nghĩa cá nhân “đạo đức học” thể tất tách chủ thể sáng tạo lìa khỏi lý tính và những thiết chế bản chất của cộng đồng – không tránh khỏi đưa cá nhân tới sự đứng đưng với đời sống cộng đồng. Một khi nhân tình bị cắt đứt những liên hệ cộng đồng thì sự thiếu hụt những tình cảm cộng đồng dẫn tới sự mai một những tình cảm sơ đẳng của con người: tình yêu, tình bạn, tình thân trách nhiệm, lòng trắc ẩn, sự ân cần, thiết tha với những người xung quanh..., cá nhân lâm vào tình trạng cô đơn, một thảm trạng của nhiều xã hội phương Tây hiện đại. “*Nhưng ngày nay*, A. Toffler viết, *những thiết chế làm chỗ dựa cho cộng đồng đang sụp đổ trong mọi xã hội công nghệ (techno-society). Kết quả là sự lan tràn của dịch cô đơn*”. □

Ba ngôi mới của biện chứng

Độc sách ()*

Penser Librement

của Phan Huy Đường

Hàn Thuỷ

Ba ngôi này không còn là “khẳng định, phủ định, phủ định của phủ định” nữa, ít ra là ở phần đầu gần 40 trang. Trong đó tác giả nói rất nhiều lần về tư tưởng biện chứng (không những thế, còn khẳng định con người không thể thoát khỏi tư duy biện chứng). Thế nhưng người ta không tìm đâu thấy trong phần này những chữ có thể nói là “totem” như ở trên, hiếm lắm mới thấy chữ “mâu thuẫn”.

Đây không phải là một trò chơi văn học, tuy có làm cho người ta ngỡ ngàng. Đây là một cách tiếp cận thực sự triết học, nghĩa là thực sự giành cho mình quyền tự do khởi đầu từ chỗ khởi đầu mình thấy là bao quát nhất. Mạch ngầm trong thái độ tư tưởng ở đây : tư duy con người không thể thoát ra khỏi thân phận con người, nằm trong ba “thế giới” lồng vào nhau : thế giới vật chất, thế giới của sự sống, và thế giới của tư tưởng. Tư duy biện chứng trước hết là tự ý thức và chất vấn những quan hệ rất năng động giữa hành vi và tư duy của con người với ba ngôi : vật chất, sự sống, và tư tưởng con người, không những trong mỗi hành vi nhỏ nhất, mà còn trong cả lịch sử hình thành của chúng. Con người là con người ba kích thước (với một kích thước thời gian mặc nhiên ẩn tàng) : là vật chất, là sống, và là có tư duy, dù anh muốn hay anh không muốn biết điều đó. Quan trọng nhất trong tư duy biện chứng không phải là ba ngôi đó, mà là *quan hệ* của nó với ba ngôi đó.

Một tiếp cận độc đáo. Người đọc sách này thấy rất thuyết phục. Không phải chỉ vì bước đầu đó không bẻ vào đâu được, mà còn vì cái nhìn bao quát và năng động này có tiềm năng đề cập đến những vấn đề đang và sẽ đặt ra trong thời hiện đại : tính khách quan của các lý thuyết khoa học, quá trình hình thành sự sống từ vật chất, và hình thành tư duy từ sự sống...

Nhưng khi đặt chủ thể tư duy, cũng có nghĩa là chính bản thân mình, trong cái không gian ba chiều đó, tác giả đã mặc nhiên mang nhiều món nợ phải trả. Trước hết là : tại sao bây giờ mới có anh Phan Huy Đường viết cuốn sách này ? Tại sao anh dùng chữ “biện chứng” lạ thế ?... Vì tư tưởng và ngôn ngữ của anh cũng như của tôi đều hình thành trong lịch sử và mang nặng dấu ấn của quá khứ.

Thế là ta được mời gọi đi vào thế giới triết học của Phan Huy Đường, rất tự nhiên và luôn luôn nhất quán. Tự nhiên thì có vẻ dễ, nhưng tự nhiên và nhất quán thì không dễ, thêm vào đó một cái nhìn đôi khi rất bao quát thì thật không dễ chút nào. Nhưng ở đây chúng ta có thể cảm ơn tác giả đã cố gắng viết một cách dễ hiểu nhất. Điều đó thể hiện trước tiên ở những cảnh báo về ngôn ngữ, cũng một truyền thống triết học kinh điển. Cảnh báo của tác giả “tại sao ngôn ngữ biện chứng lại khó thế ?” có sức thuyết phục cao, và hiện đại (trong cái nghĩa chỉ con người

hiện đại mới thấy nó rõ ràng hơn) : đó là vì thái độ khoa học cổ điển đã đẩy lùi thái độ biện chứng sơ khai.

Thế là phải bắt đầu từ ông Descartes, người đầu tiên tách bạch rõ rệt thế giới vật chất và thế giới tư duy, đặt nền móng cho khoa học cổ điển, nhưng chủ yếu là bỏ quên sự sống nằm giữa. Trong phần hai của cuốn sách, tác giả điểm nhanh qua thế giới quan của Descartes và những người thừa kế ông : Kant, Hegel, Sartre... qua cái nhìn biện chứng nhất quán và bao quát như nói trên. Để đi tới trình bày (theo hướng kết hợp với Hiện Tượng Luận của Husserl, do Sartre, rồi Trần Đức Thảo, khai mở) thái độ triết học nền tảng của chính mình : đó là thuyết duy vật biện chứng của Marx và Engels, đến đây chúng ta mới thấy trở lại các quy luật của biện chứng đã được vỡ lòng về triết học Mác Lênin ở đầu đó.

Dĩ nhiên trước một tác phẩm ngắn chưa tới 200 trang như vậy người ngại đi vào triết học sẽ có thể thấy khó, và người đã quen đọc triết thì lại có thể thấy sơ sài. Nhưng theo tôi như thế là vừa đủ cho một bước khởi đầu, nó đặt ra rất nhiều vấn đề có thể và cần phát triển tiếp, nhưng nó cũng đã đưa lại nhiều hứng thú. Còn những nhận định về các triết gia khác, xin để bạn đọc chuyên sâu hơn đánh giá.

Một hứng thú với tôi là đọc các đoạn tác giả viết về Sartre. Thú thực tôi có cuốn *l'Être et le Néant* từ lâu, nhưng sau khi đọc thử vài trang đã vội vàng “kính nhi viễn chi” nó lên tầng cao của tủ sách. Nhưng đọc Phan Huy Đường rồi thì lại muốn đọc Sartre, muốn, nhưng thú thực vẫn chưa... Một thí dụ thấy phát triển thêm nữa thì sẽ đụng nhiều vấn đề : khi tác giả nói về “biện chứng của tự nhiên”, trên quan điểm phải hiểu như “biện chứng trong cái nhìn của con người về tự nhiên” để bác lại những phê phán của Sartre với Engels. Rất hay, và theo tôi nó lại đề ra một vấn đề còn hay hơn nữa : thế thì “lượng biến thành chất” có phải là một quy luật liên chủ quan (*intersubjectif*) không ? Khi nào thì ai cũng thấy lượng biến thành chất, như nước biến thành hơi nước, và khi nào thì không phải ai cũng thấy, như quyết định tổng tấn công mùa xuân 75 đưa tới chấm dứt chiến tranh. Quyết định đó có phải là sự vận dụng “biện chứng khoa học” không ?

Vài thí dụ thôi, vì đây không phải là chỗ thảo luận với tác giả trên rất nhiều vấn đề kinh điển rất lớn như vậy mà cuốn sách này gọi ra.

Có lẽ lời cuốn hơn cả là phần ba. Một người trí thức theo Mác và theo Sartre dần thân như tác giả dĩ nhiên không thể không có những nhận định của mình về các vấn đề thời sự. Ở đây ta gặp lại một Phan Huy Đường nồng nhiệt và sắc bén, không để ai thờ ơ, như trong những bài viết ngắn của “*Vẫy gọi nhau làm người*”, trên những chủ đề tổng quát hơn. Nhưng cái nồng nhiệt sắc bén đó sợ rằng đôi khi đi quá đà, dễ gây dị ứng, như chẳng hạn trong chương 9 khi tác giả bàn về kinh tế thị trường. Phủ định “cả gói” cái gọi là “kinh tế học tư bản” như vậy thì tôi, tuy rất dốt về kinh tế, thấy ngại quá.

Nếu bạn đã thích đọc Phan Huy Đường từ trước qua các bình luận chính trị, văn học nghệ thuật, thì với cuốn “*Tư duy tự do*” này có lẽ bạn sẽ hiểu thêm phần nào tại sao tác giả có văn phong nồng nhiệt và sắc bén. Phải chăng vì tác giả đã tự trang bị được cho mình một phương pháp tư tưởng lợi hại ?

(*)

ISBN : 2-85008-385-2 ; NXB Chronique Sociale,
Lyon 06.2000, 108 FF

CHỮ NÔM VÀ THỜI ĐẠI THÔNG TIN

Nguyễn Quang Hồng, Ngô Thanh Nhân, Đỗ Bá Phước, Ngô Trung Việt

Chữ Nôm đã giữ vai trò hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của văn hoá và bản sắc Việt Nam gần suốt thiên kỉ thứ nhì. Ngày nay, số người biết chữ Nôm trở thành hiếm hoi, hầu như chỉ hạn chế trong giới nghiên cứu và giới tăng lữ Phật giáo. Nguy cơ mai một của chữ Nôm là mối lo của bất cứ ai thiết tha với văn hoá dân tộc. May thay, công nghệ thông tin lại mở ra một triển vọng khả quan cho phép chúng ta lưu trữ có hệ thống toàn bộ di sản chữ Nôm, và tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có cho việc học chữ Nôm, và xử lí các văn bản Nôm (và Hán Nôm).

Chúng tôi vui mừng giới thiệu cùng bạn đọc một bài viết chung, nhan đề Chữ Nôm : Văn hoá cổ truyền và Thời đại thông tin của bốn tác giả : giáo sư Nguyễn Quang Hồng (Viện Hán Nôm, Hà Nội), Ngô Thanh Nhân (Trường đại học New York), Đỗ Bá Phước (Mentor Graphics Corp, California) và Ngô Trung Việt (Viện Công nghệ Thông tin, Hà Nội). Bài viết gồm 6 phần, được công bố toàn văn trên Diễn đàn điện tử (<http://perso.wanadoo.fr/diendan>). Vì khuôn khổ bản in trên giấy, chúng tôi xin phép không đăng ba phần đầu : 1. Khái quát về tiếng Việt và chữ Việt, 2. Chữ Việt, 3. Vai trò của chữ Nôm trong quá khứ. Trong số này, chúng tôi đăng toàn văn phần 4 và nửa đầu của phần 5. Số sau sẽ đăng tiếp phần 5 và phần 6. Vì ba phần này đề cập tới cách tiếp cận mới, ĐĐ mạn phép các tác giả, đặt tên bài là Chữ Nôm và Thời đại thông tin.

4. Hiện trạng chữ Nôm và cách tiếp cận mới

Chữ Nôm đã đi cùng với dân tộc Việt Nam trong nhiều thế kỉ, kể từ ngày giành được độc lập từ sự lệ thuộc phương Bắc. Sau khi đạt tới sự phát triển mạnh mẽ nhất vào thế kỉ 18 và 19, thì người ta chứng kiến sự đi xuống của chữ Nôm trong việc sử dụng. Bắt đầu từ việc chữ Nôm không được phép sử dụng trong các công việc hành chính như chữ Hán, rồi việc bành trướng mạnh mẽ của chữ Quốc ngữ đã đẩy vị trí chữ Nôm sang bên lề, trở thành thứ chữ của lịch sử. Tuy nhiên sức sống của chữ Nôm không phải đã tắt hẳn.

Chữ Nôm vẫn còn được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo ở trong các đình chùa, mặc dầu những người viết và đọc chúng có thể không hoàn toàn hiểu hết tất cả chữ Nôm. Các lá sớ cầu vãn được viết bằng chữ Nôm và giới tăng lữ, tu sĩ vẫn thường xuyên gửi người tới các Viện nghiên cứu, các trường đại học để học chữ Nôm. Có thể nói ngày nay, số người biết chữ Nôm nhiều hơn cả là trong Phật giáo. Như vậy trong thực tế, bên ngoài giới nghiên cứu và giới Phật học thì hầu như mọi người dân thường không còn biết tới chữ Nôm nữa. Chừng nào mà việc sử dụng chữ Nôm còn chưa có cơ hội phổ cập cho nhiều người dân dùng thì chừng đó nó còn có thể tiếp tục mai một đi.

Tuy nhiên sự ngưỡng mộ và lòng mong muốn sử dụng chữ Nôm ở từng con người Việt Nam không phải là đã tắt. Trong nhiều gia đình Việt Nam vẫn còn lưu truyền các cuốn gia phả của dòng họ do nhiều thế hệ trước để lại. Chúng được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm để ghi lại tên tuổi, thế thứ, công trạng của những người trong dòng họ. Đây là tài liệu lưu trữ quý giá của các gia đình, dòng họ. Mối quan tâm tới chữ Nôm thể hiện nhiều ở những người lớn tuổi, những người có thời gian tìm hiểu, suy ngẫm về cuộc đời, dòng họ, dân tộc. Và còn có những khát khao lớn của các thế hệ mới để có thể hiểu được phần lịch sử gần gũi của ông cha để lại. Với tình

trạng hiện tại, hầu như các thế hệ mới không thể nào có cách kế thừa và hiểu nổi chữ Nôm của lịch sử, cho dù chúng vẫn hiện hữu trong từng gia đình.

Tất cả các áng văn thơ, các tác phẩm kiệt xuất trong lịch sử thư tịch Việt Nam còn lưu giữ lại cũng là trong chữ Hán Nôm. Các tác phẩm này đều đã có niên đại hàng mấy trăm năm và một số tài liệu đang trong quá trình bị thời gian huỷ hoại, mặc dầu đã được bảo quản cẩn thận. Quá trình huỷ hoại này là không thể nào tránh khỏi nếu không có các biện pháp tái tạo, in mới và chuyển nội dung sang các phương tiện lưu trữ mới. Khả năng bị mất đi những vốn văn hoá cổ bao giờ cũng hiện hữu, dù có cố gắng bảo quản đến đâu, vấn đề huỷ hoại cũng vẫn chỉ là vấn đề thời gian. Một số tác phẩm nổi tiếng trong chữ Nôm đã được phiên chú ra chữ Quốc ngữ và in rộng rãi, nhưng còn rất nhiều tác phẩm vẫn còn chưa được phiên chú. Vẫn có nhu cầu xuất bản song song các tác phẩm bằng cả chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Riêng với kho tàng ấn phẩm chữ Nôm hiện được lưu lại, Nhà nước hàng năm vẫn chi ra nhiều tiền của cho công tác lưu giữ, bảo tồn chúng. Kho sách và thư tịch cổ đặt tại Viện Hán Nôm là một cố gắng của Nhà nước để tập trung tất cả các nguồn tư liệu vào một nơi bảo quản. Việc làm này là cần thiết nhưng mang tính phòng ngự và không triệt để. Mặt hạn chế của việc này là không mở rộng và khuyến khích nhiều người dùng chữ Nôm, một hình thức lưu giữ sống. Một trong những vấn đề rất lớn được đặt ra cho chữ Nôm là nếu không có biện pháp nào để khôi phục sức sống của nó trong lòng các gia đình, con người Việt Nam thì chữ Nôm sẽ thực sự trở thành một thứ chữ chết. Nhưng người Việt Nam vẫn tự hào về truyền thống chữ Nôm của mình và không muốn bị mất đi vốn di sản này. Việc lưu giữ các tác phẩm chữ Nôm tại một nơi tập trung không cho phép mở rộng số lượng người thâm nhập đến kho tàng văn hoá này. Tuy nhiên, nếu không có những hình thức mới để phổ cập chữ Nôm thì khó mà khôi phục được việc sử dụng nó trong nghiên cứu và trong đời sống xã hội.

Trên phương diện quốc gia, Nhà nước đã thành lập Viện Hán Nôm, nơi tập trung các chuyên gia về chữ Nôm để tiến hành các nghiên cứu và gìn giữ về chữ Nôm. Viện Hán Nôm chịu trách nhiệm quản lý một kho sách lớn gồm các văn tự cổ về chữ Hán và chữ Nôm, được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả bản sao dập các văn bia đá cổ trong cả nước. Viện có một đội ngũ nghiên cứu viên khoảng 60 người về các vấn đề Hán Nôm và xuất bản hàng tháng tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm*. Việc giảng dạy về chữ Nôm cũng được tiến hành ở các Đại học quốc gia Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên số người biết chữ Nôm quả thực là rất ít ỏi so với một dân số trên 75 triệu người hiện nay.

Vấn đề rất lớn được đặt ra đối với chữ Nôm của Việt Nam là làm sao bảo tồn và phát huy được vốn văn hoá - tinh thần mà nhiều thế hệ người Việt đã đúc kết, ghi lại trong các tác phẩm chữ Nôm. Việc bảo tồn có thể chỉ nhìn vào khía cạnh gìn giữ những gì của quá khứ còn để lại, càng lâu càng tốt. Theo hướng này nhiều kho tàng, hệ thống bảo quản có thể được thành lập và tập trung phần lớn các tác phẩm liên quan tới chữ Nôm, tới quá khứ để gìn giữ. Điều kiện gìn giữ có thể tốt hơn nhưng điều kiện phổ cập cho mọi người dùng lại khó khăn hơn và không tránh được sự suy hỏng với thời gian. Có thể phát triển những hình thức bảo quản khác như xây dựng các bản sao dưới dạng điện tử cho các tác phẩm cổ, như làm microfilm, quét scanner vào máy tính, làm CD-ROM... rồi lưu trữ tại một chỗ. Những cách này có thể tạo bản sao tốt cho việc lưu trữ nhưng vẫn chưa thật tiện cho sử dụng. Chẳng hạn để tìm kiếm các tài liệu cổ cần có các bảng chỉ báo, mục lục trong chữ Hán Nôm ; để tìm kiếm tài liệu, các trích dẫn văn bản cần rút ra được các trích đoạn nguyên gốc chữ Hán Nôm. Tất cả những điều này sẽ không giải quyết nổi nếu chỉ có các bản sao, dù dưới dạng điện tử.

Do đó để bảo tồn và phát huy được vốn văn hoá tinh thần phong phú trong các di sản ghi lại trong chữ Nôm, chúng ta có thể theo một cách tiếp cận khác, tích cực hơn và toàn diện hơn. Đây là việc làm sao cho chữ Nôm trở thành có sẵn cho mọi người Việt có thể dùng được, chữ Nôm đi vào việc sử dụng thường xuyên của nhiều người. Điều này từ xưa đến nay gặp khó khăn bởi lẽ việc học chữ Nôm không phải là dễ, và số người biết chữ Nôm ngày càng ít. Chữ Quốc ngữ hiển nhiên là phương tiện không gì thay thế nổi trong giao dịch hàng ngày. Chắc chắn chữ Nôm không thể nào còn ở vị trí thứ chữ chính của ngôn ngữ dân tộc như đã từng biết đến trong lịch sử. Tuy nhiên, khi mà cuộc sống vật chất đã không ngừng được cải thiện thì nhu cầu văn hoá cũng sẽ ngày càng cao hơn. Và một nhu cầu văn hoá dân tộc sẽ không thể thiếu được với mọi người Việt là tìm hiểu về quá khứ ngọn nguồn của mình, tìm hiểu về cha ông mình thông qua những di sản văn hoá cổ còn lại, mà cụ thể là văn hoá chữ Nôm.

Rất may là công nghệ thông tin, ra đời trong vài chục năm qua, đang trở thành công cụ đắc lực giúp cho việc lưu trữ và phổ biến tri thức trên toàn thế giới , đang nổi lên thành một công cụ đầy hứa hẹn cho việc khôi phục việc sử dụng chữ Nôm trong các gia đình và mọi người Việt Nam. Một cách tiếp cận đúng đắn tới chữ Nôm, tận dụng được những thành tựu mới của kỹ thuật hiện đại, sẽ vừa có tác dụng giúp cho việc lưu

trữ các di sản chữ Nôm tốt hơn, vừa có tác dụng khuyến khích việc dùng chữ Nôm phổ biến hơn, là một vấn đề cần có những suy nghĩ và triển khai thích đáng.

5. Công nghệ thông tin với chữ Nôm

5.1 Mục đích và mục tiêu

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cùng với việc hình thành các kho tri thức, thông tin điện tử trên mạng Internet là một hình mẫu lí tưởng để có thể thúc đẩy sự trở lại của chữ Nôm trong lòng người Việt Nam và trong các hoạt động xã hội. Với việc các xã hội tiến tới xã hội thông tin, với việc phổ cập máy tính trong xã hội, một điều kiện thuận lợi mới có thể mở ra cho chữ Nôm nếu các máy tính có khả năng chuyển tải chữ Nôm và nếu có những phần mềm thích hợp cho phép khai thác thông tin và tri thức trong chữ Nôm. Do đó có thể nói một cơ hội mới cho việc tái phổ biến chữ Nôm trong chừng mực nào đó đã hình thành. Vấn đề là, những người đi đầu phải tiến hành công tác dọn đường và chuẩn bị phương tiện thuận lợi cho mọi người sử dụng.

Mục đích cơ bản của việc tiến hành công tác tin học hoá chữ Nôm như vậy là nhằm vào khả năng *phục hồi phần nào việc sử dụng chữ Nôm như là một phương tiện thể hiện và chuyển tải văn hoá - thông tin từ quá khứ đến hiện tại và tương lai trong đời sống văn hoá xã hội Việt Nam*. Công việc này không thể tiến hành được nếu chỉ theo cách cổ điển, truyền thống, mà không nhờ tới khả năng hiện đại của công nghệ thông tin, trong đó cho phép thể hiện mọi loại hình chữ viết và cho phép việc dùng chung tri thức trên quy mô toàn cầu. Từ một kho thông tin tri thức được tích lũy và tổ chức lại trên mạng thông tin điện tử, người dân Việt Nam với một trình độ học vấn nhất định, có thể thâm nhập vào đó để sử dụng, dùng chung.

Mục đích trước mắt của công tác tin học hoá chữ Nôm là để có thể *chuyển các kho tàng tư liệu văn hoá - lịch sử của dân tộc Việt Nam trong dạng chữ Nôm, dù hiện được lưu trữ ở đâu trên thế giới, vào các kho thông tin điện tử, các website trong nước cũng như trên thế giới*. Chỉ có hình thức lưu trữ nhân bản dạng điện tử này thì mới đảm bảo cho sự gìn giữ lâu dài văn bản và văn hoá chữ Nôm.

Để thực hiện được mục đích lớn lao này, chúng ta có nhiều mục tiêu cần đạt tới dần từng bước.

- * Mục tiêu thứ nhất là phải tiến hành *mã hoá chữ Nôm* vào trong bộ mã quốc tế chung, từ đó tạo điều kiện để các nhà sản xuất khi làm ra công cụ xử lí thông tin thì cũng xử lí luôn được cho chữ Nôm.
- * Mục tiêu thứ hai là *xác định rõ các qui cách vào và ra thông tin chữ Nôm* để định hướng cho việc triển khai các sản phẩm phần mềm xử lí chữ Nôm. Tiếp sau khi đã có mã, cần phải tiến hành quá trình chuẩn hoá hình chữ Nôm và tạo dựng bộ phông chữ Nôm thể hiện trên các máy tính. Đồng thời phải xác định ra cách gõ đưa thông tin chữ Nôm vào máy tính phù hợp với thói quen sử dụng của người Việt.

- * Mục tiêu thứ ba sau khi thực hiện xong hai mục tiêu trên là *xây dựng cơ sở dữ liệu lưu giữ tất cả các văn bản, tác phẩm hiện có trong kho lưu trữ về chữ Nôm*. Đồng thời với điều này là việc *tổ chức và duy trì các trang Web giới thiệu về các kho lưu trữ này, tổ chức các thư viện điện tử (hay thư viện số)*. Có hai hình thức lưu trữ thông tin cần thực hiện. Hình thức thứ nhất là *lưu trữ hình ảnh* của từng trang, từng bộ văn bản cổ, để thấy được nguyên dạng của chúng. Hình thức thứ hai là *lưu trữ theo đơn vị ký tự chữ Nôm*, để thuận tiện cho công tác tìm kiếm, tham khảo, nghiên cứu và phát triển về sau.
- * Mục tiêu thứ tư, bên cạnh việc tiến hành các mục tiêu trên là *phải xây dựng và hình thành một đội ngũ chuyên viên mới về chữ Nôm và tin học* để duy trì hệ thống chữ Nôm dạng điện tử và thực hiện việc đưa vào máy tính tất cả các tư liệu, tài liệu có liên quan tới chữ Nôm.
- * Mục tiêu thứ năm (gắn liền với giáo dục, đào tạo và phổ cập máy tính) là *dẫn hình thành một xu hướng nhiều người dân có thể thâm nhập và sử dụng kho tư liệu chữ Nôm trên máy tính* khi tham khảo các tư liệu cổ và qua đó chữ Nôm trở thành gần gũi với cuộc sống hàng ngày của mọi người hơn.

5.2. Những cố gắng bước đầu: mã hoá chữ Nôm

Unicode và ISO (International Organization for Standardization) đang cùng nhau xây dựng bộ mã vạn năng cho mọi hệ chữ viết của các dân tộc, kể cả các hệ chữ viết hiện tại không dùng nhưng đã có trong lịch sử. Bộ mã ISO 10646 và Unicode (một phần trùng với ISO 10646) sẽ là cơ sở cho mọi máy tính, thiết bị xử lý thông tin. Nhiều công ti CNTT quốc tế lớn đã và đang xây dựng các phần mềm chạy với bộ mã Unicode và xu hướng toàn thế giới chuyển sang bộ mã này là tất yếu trong thời gian sắp tới.

ISO và Unicode chấp nhận cấp thêm mã cho các loại chữ viết vốn có ý nghĩa lớn và được dùng nhiều trong lịch sử cũng như các chữ viết của các dân tộc trước đây chưa được đăng kí. Do vậy đây là thời cơ thuận lợi để chúng ta có thể đưa chữ Nôm vào bảng mã chuẩn quốc tế, bên cạnh bộ mã chữ Việt phổ thông hiện có. Nếu hệ chữ viết nào không được mã hóa vào bộ mã này thì sẽ rất khó khăn cho việc dùng máy tính xử lí nó.

Bên ngoài nước, nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề và sự gấp rút của thời hạn tham gia xây dựng chuẩn quốc tế, nhóm chuyên gia Ngô Thanh Nhân, Đỗ Bá Phước, Nguyễn Hoàng, được uỷ nhiệm đại diện cho Việt Nam, đã tích cực nêu vấn đề đưa chữ Nôm vào bộ mã thế giới cho các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế. Trong kì họp lần thứ 5 của Nhóm nghiên cứu liên hợp Trung Nhật Hàn (China/Japan/Korea Joint Research Group – gọi tắt là CJK-JRG) tổ chức tại Honolulu, Hawaii, Mĩ năm 1992, Việt Nam lần đầu tiên đã có đại diện chính thức tham dự kì họp này và đã đưa ra yêu cầu : đưa chữ Nôm vào kho chữ chung của các chữ biểu ý. Thống nhất các chữ Nôm vốn trùng với chữ Hán và đề nghị bổ sung thêm 1772 chữ Nôm thuần Việt không trùng chữ Hán vào bảng mã này.

Nỗ lực này đã được sự tiếp nối tham gia của Ban kĩ thuật công nghệ thông tin TCVN/JTC1 của Việt Nam và tiếp sau đó là Viện Hán Nôm (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn). Chuyên gia trong nước và ngoài nước đã được đều đặn cử tới tham dự các cuộc họp của Nhóm báo cáo viên chữ biểu ý (Ideographic Rapporteur Group – IRG) để trực tiếp yêu cầu đưa chữ Nôm vào kho chữ chung và thực hiện các nhiệm vụ có tính kĩ thuật. Qua các cuộc họp nhóm công tác quốc tế, Việt nam đã yêu cầu và được chấp thuận có một cột V dành cho chữ Nôm, với khoảng gần 4500 chữ đã được thống nhất với các chữ biểu ý trong khu vực và được cấp mã trong mặt phẳng 1 của ISO 10646 và trong Unicode.

Các triển khai về chữ Nôm và tin học đã được tiến hành tập trung tại Viện Hán Nôm. Nguyễn Quang Hồng cùng các cộng tác viên, đã tập hợp được hơn 9000 chữ Nôm dựa trên các tự điển chữ Nôm hiện có và các tài liệu nguyên gốc nhằm cung cấp danh sách chữ cho việc mã hoá. Nhóm chuyên viên tin học thuộc Viện Hán Nôm đã tích cực tham gia việc vẽ phông cho các chữ Nôm. Các chuyên gia mã hoá chữ Nôm trong và ngoài nước đã hoàn thành hai dự thảo về tiêu chuẩn Việt nam cho chữ Nôm, đã được Tổng cục Tiêu chuẩn chất lượng xét duyệt và ban hành thành tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5773:1993 và TCVN 6056:1995.

Viện Hán Nôm, cùng với sự hỗ trợ của Tiểu ban chuẩn thuộc Chương trình quốc gia về CNTT, đã đứng ra chịu trách nhiệm chính trong việc huy động chuyên gia và tiềm lực trong nước để theo đuổi việc đưa chữ Nôm vào bảng mã quốc tế. Hơn 4200 chữ Nôm thuần Việt (kể cả 1772 chữ Nôm thuần Việt đã đề nghị từ đầu) đã được đăng kí đưa vào kho chữ biểu ý Đông Á và sẽ được dự kiến mã hoá trong mặt phẳng 2 của ISO 10646.

Như vậy về cơ bản các chữ Nôm thuần Việt đã được khai thác gần hết để đưa vào kho chữ biểu ý IRG. Không thể nói là đã có toàn bộ các chữ Nôm, nhưng với số lượng trên 25000 chữ Hán đã có trong Unicode, bổ sung thêm khoảng 4200 chữ thuần Nôm nữa, có thể dùng trong vùng và dùng riêng, thì có thể nói là tạm đủ để biểu diễn cho các chữ Nôm trên máy tính. Như vậy khâu mã hoá chữ Nôm có thể xem như bước đầu được giải quyết.

Đi kèm với quá trình mã hoá và triển khai các hệ thống xử lí chữ Nôm, thì điều cần phải nhấn mạnh là tiến trình chuẩn hoá chữ Nôm cũng thực tế được tiến hành. Các chuẩn quốc gia đã ban hành là nỗ lực chuẩn hoá bước đầu cho một số mã chữ Nôm. Nhưng chính các sản phẩm phần mềm một khi được sử dụng thì sẽ góp phần làm “chuẩn hoá” cho chính chữ Nôm, cả về hình chữ lẫn mã hoá, chữ viết và các qui tắc tương ứng với âm đọc. Như vậy có thể nói là chữ Nôm lần đầu tiên có được cơ hội hệ thống hoá và “chuẩn hoá” trong lịch sử tồn tại và phát triển của nó.

Vấn đề còn lại là triển khai các công cụ phần mềm cần thiết để người dùng có thể sử dụng được khả năng đa ngữ trên cùng một hệ thống máy tính.

(còn một kỳ)

Mừng Tô Hoài tám mươi tuổi

Độc

CHUYỆN CŨ HÀ NỘI

Đặng Tiến

Mùa này, năm ngoái, nhân giới thiệu tác phẩm *Chiều Chiều* của Tô Hoài, chúng tôi có viết bài tổng quan về hồi ký Tô Hoài, để mừng nhà văn lên tám mươi tuổi, ấy là tính theo tuổi ta.

Năm nay, nhân dịp Tô Hoài viết lại, tái bản có bổ sung *Chuyện cũ Hà Nội* ⁽¹⁾, chúng tôi lại mừng Tô Hoài thượng thọ tám mươi tuổi, là tính theo tuổi Tây : anh sinh ngày 16 Trung thu năm Canh Thân, tính ra là ngày 27/9/1920, tại làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Vào tuổi bát tuần, sau 170 đầu sách, ngòi bút Tô Hoài vẫn dạt dào xuân sắc. Vẫn một dòng suy cảm, một khối u hoài. Duy niềm u hoài bên *Xóm Giếng* ngày nay nhẹ phần mơ mộng, thêm phần tư lự. *Chuyện cũ Hà Nội* là niềm hoài cựu miên man về một thành phố, đồng thời là khối trầm tư day dứt một đời người về thân phận làm người.

Về *Chiều Chiều*, tôi đã từng viết : « Nói chung, kể cả những truyện hư cấu, truyện lịch sử... Tô Hoài viết cái gì thì cũng ra tự truyện ». *Chuyện cũ Hà Nội* thật ra là *Chuyện Cũ Tô Hoài*, những mảnh đời cụ thể, những mảnh tình cảm, suy tư non một trăm năm đầu bể. Tư liệu và tư duy. Nhân chứng và tâm chứng. Nghiệm cho cùng, tác phẩm Tô Hoài là chuyện về con người trong tình đời không bao giờ cũ.



Chuyện cũ Hà Nội in năm 2000, là một tập ký sự về Hà Nội. Bản in 1986 gồm 42 chuyện, bản in 1994 gồm 64 chuyện, bản in mới gồm 114 chuyện, có chuyện lấy lại từ *Hà Nội và Hà Nội* (1996), như *Vườn Hoa*, tên cũ là *Vườn và Hoa, cây hoa*. Nhưng đây vẫn chưa phải là toàn bộ những bài viết của Tô Hoài về Hà Nội, ví dụ không có bài xuất sắc *Đôi Nét Hồ Tây* trong *Hà Nội và Hà Nội*. Ấn bản 2000 không phải là “ có bổ sung ” mà còn có sửa chữa và có thể nói toàn bộ mang một nội dung mới : hai ấn bản trước mang tính cách hồi ký, có giá trị xã hội hoặc dân tộc học về địa phương Hà Nội, thì ấn bản sau này mang dụng công dân tộc học rõ ràng hơn, theo gương người xưa : « Các danh sĩ Lê Quý Đôn, Phạm Đình Hổ, thời các cụ chưa có các môn xã hội học, phong tục học, nhưng các cụ đã ý thức ghi chép cẩn thận về mũ áo và cái nón, bởi cái nón cũng tỏ ra phân biệt địa vị con người » (tr. 509). Tô Hoài đã mở rộng đề tài Hà Nội sang địa hạt văn hoá dân tộc trên cả hai chiều lịch sử và thời sự, như bài *Đất* nói về những dụng cụ làm bằng đất, công dụng hòn đất trong đời sống dân tộc hay bài *Tiếng Trống, Đình Làng, Nón Xưa* vượt ra khỏi chu vi Hà Nội. Những bài như *Dung và Quyển* nói lên thân phận con người chìm nổi trong lịch sử : hoạ sĩ Ngô Thúc Dung, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật cùng khoá với Nguyễn Đỗ Cung, sau 1954 bán vé tàu điện đường Bưởi, không còn nhận ra bạn bè « chán đến nỗi không còn muốn nhận ra nhau nữa » (tr.727).

Trong *Hà Nội và Hà Nội*, Tô Hoài viết : “ điều lạ lùng là tôi không thể bao giờ cắt nghĩa hết được sự nối tiếp chìm nổi của những cuộc đời con người trong thế kỷ vừa qua trên đất nước ta ” (tr. 153). *Chuyện cũ Hà Nội* là thân phận trầm luân của những kiếp người dập dềnh giữa ánh sáng và bóng tối. Ấn bản 2000 so với hai ấn bản trước vừa nâng cao gấp đôi số lượng, vừa nói rộng chất lượng chuyện và rọi sáng tâm hồn tác giả, vậy chữ bổ sung không chính xác. Tô Hoài, người và văn, qua sáu mươi năm vẫn vậy, mỗi ngày một sắc nét, dù giọng nói có trầm xuống.



Chuyện cũ Hà Nội ghi lại những biến đổi trong nếp sống của một thành phố, qua cuộc biến đầu của đất nước suốt thế kỷ XX và sự chuyển động văn hoá trên toàn thế giới, trên con đường Âu hoá, đô thị và công nghiệp hoá. Dòng chuyển hoá chung của xã hội loài người lại va phải những ghềnh thác trong lịch sử Việt Nam qua cuộc chiến đấu dai dẳng kéo dài hơn nửa thế kỷ — cuộc tranh chấp — phức tạp, qua nhiều giai đoạn, giữa nhiều thế lực, khi tiềm ẩn, khi thô bạo. Tô Hoài sinh hoạt, quan sát, suy ngẫm, hồi tưởng và ghi chép trong ý thức thâm trầm và sáng suốt về văn hoá và nhân đạo. Đã nhiều người viết về phố, thậm chí viết hay hơn Tô Hoài. Nhưng những bài viết của Tô Hoài, từ tiếng rao đêm “ *ngưu nhục phấn* ” của người Hoa, đến gánh *Phở chợ ngoại ô* những năm 1930, đến *Phở không người lái* thời chống Mỹ, cho đến *tô phở Vịt, phở Chó* ngày nay, món ăn đã phản ánh những biến thiên của đất nước. « *Văn phở, nhưng phở đã thay đổi nhiều, theo thời gian và thời thế* » (tr. 616). Đã bán cuốn cũng biến đầu : « *con sâu, cái kiến, và chiếc bánh cuốn cũng có bước đường đời của nó* » (tr. 596). Bên cạnh những nổi chìm của *Chả Cá* những gian truân của món *Thịt Chó*, bài *Cháo* là đặc sắc. Xưa kia, Vũ Bằng chỉ dừng lại ở bát cháo lòng, Tô Hoài viết cả một chương xã hội học về món cháo.

Nói chung, ngòi bút Tô Hoài ưu đãi nếp sống dân dã. *Chuyện cũ Hà Nội* chủ yếu là chuyện người nghèo, bắt đầu từ dân quê trời giạt về thành phố kiếm ăn, ở đợ, may thuê, gánh mướn, làm *Đào hát, Đào rượu*. Tô Hoài ghi lại nếp sống thành phố, từ *Cái Xe Đạp, Cái Tàu Điện*, đến *Chiếc xe cút kít* qua *Phố Hàng Đào, Phố Hàng Ngang*, từ cảnh chợ buôn người đến *Com đầu ghế*.

Những niềm vui của trẻ em nghèo, của Tô Hoài thời cổ đại : *bầy chim, chơi chim, trèo me, trèo sấu*, cho đến sinh thú của người lớn, những *Hội hè Đình đám*, đặc sắc là thú chơi *Điều Sáo*. Là người hiện đại, Tô Hoài lưu tâm đến đời sống kinh tế, mức thăng trầm các nghề thủ công và viết nhiều về *Chợ*, từ những chợ xép ven đô, đến những chợ trung tâm, chợ trâu bò. Anh đếm, cuối năm “ 1995, Hà Nội có 135 cái chợ quy mô, không kể chợ xanh chợ cóc ” (tr. 504). Anh đã ghi lại những phong tục lớn nhỏ, không nhất thiết là thuần phong mỹ tục. Những tập quán như *Giỗ Tết, Cưới hỏi, Đón Giao Thừa*, không riêng gì Hà Nội. Đặc biệt Hà Nội là những nhân vật hằng ngày, có tên tuổi trong đời sống vô danh ; *Bà Viết, Ông Phó Ngạc* khâu thuê, *Bác Khán* goá vợ, *Ông Ấm* làm môi giới, *Cô Ba Tý* lên đồng, *Ông Đồ Huych* bị Tây bắt... là những hình bóng linh động và cảm động của một thời. Những hình ảnh khẳng định *Chuyện Cũ Hà Nội*, ký sự xã hội, là một tác phẩm văn học trong ý nghĩa đầy đủ của chữ văn học.



Người ta vẫn quen nghĩ rằng : văn học là một tác phẩm sáng tạo, chủ quan, ít nhiều hư cấu. Không đơn giản như vậy. Một tư liệu về thổ ngơi, như *Chuyện Cũ Hà Nội* vẫn có thể là một tác phẩm văn học khi tác giả, ngoài lo âu viết đúng sự thật theo ý mình, còn cố công viết một câu văn, một bài viết một cuốn sách hay, trong cách chọn chữ, đặt câu, gạn lọc chi tiết, sắp xếp tình huống. Trong tinh thần đó *Chuyện Cũ Hà Nội* ấn bản 2000 « văn học » hơn hai lần in trước. Có lẽ Tô Hoài ý thức rõ ràng hơn về giá trị nghệ thuật. Mới hay : ở tuổi nào người ta cũng có thể « vỡ lẽ » và tiến bộ.

Bài *Điều Sáo*, mới bổ sung, là một ví dụ. Trước tiên, đây không phải là một đề tài riêng cho Hà Nội. Tác giả tả rất kỹ cung cách và vật liệu làm điều : “ *Thân điều làm bằng hộp đá cứng nhất... ngả vào mùa lạnh mới chắc thớ. Hộp đá và tre đục ngâm vào bùn trong ao cả mùa, cả năm. Vớt lên, để gọt qua loa rồi đem gác bếp cả bộ sườn, bộ khung (...)* Phiết giấy dán điều cũng tỉ mỉ vất vả... giấy bản có gân vỏ dó, khi seo tờ giấy lại pha gỗ mò, bền không rách được. Cái dây điều chỉ cần ba để dây thì vừa nhẹ... xong việc điều, đi thử sáo... Có ba thử sáo điều... hôm nào gió nhỏ lấp sáo còi, gió lũng thì chơi đấu, có gió trên mới đóng sáo chiêng. Sáo còi lạnh lốt, sáo đấu rền rền... Có gió, sáo chiêng mới lên tiếng... Tiếng sáo bồng trầm hoà khéo vào nhau như phường bát âm ngồi trên trời.” (tr. 405-408).

Tô Hoài viết văn kỹ càng, dụng chữ cũ càng như thế là để nghe tiếng mình nói, nghe lời mình nói, sống lại những âm hao xưa cũ và thơ đại. Đời sau sẽ quý nguồn tư liệu về điều sáo, qua nghệ thuật mô tả của tác giả nhưng động cơ của Tô Hoài khi viết đoạn văn này là để sống lại một thoáng hanh hao xưa vắng.

Tác giả tiện dịp cũng nhắc lại những khúc quanh trong đời mình, đồng thời cũng là của lịch sử : lớp truyền bá quốc ngữ 1940, ngày toàn quốc kháng chiến, tháng 12/1949, những ngày chống Pháp, chống Mỹ. Và thường gọi lại những hình ảnh quen thuộc trong tác phẩm của mình, những đàn chim, những vòm cây, những trận mưa rào, những vồng hoa cải. Người đọc Tô Hoài từ 60 năm qua, dạo bước trên con đường xưa, thỉnh thoảng giật mình vì một mùi hương cũ. Và chợt thương, chợt nhớ những *Mùa Hạ Tiếng Chim*.

“ *Thành phố này đã bắt ăn hết cả chim trời ... Tôi đã đếm trong các phố chỉ còn chim sẻ, đôi ba con chích bông, con vành khuyên trốn chỗ nào thỉnh thoảng bay qua và ban đêm chỉ còn có con ếch lộn (...)* chỉ thương những lá sung. Lá sung non ăn chút mà bùi, hái lá sung ăn gỏi, ăn mắm, học nem chạo. Sao mà thương, ấy bởi người ăn được thì sáu bộ gặm tốt, lá sung làm mồi ngon cho sáu róm, bây giờ mới đầu mùa hạ mà những cây sung đã bị sáu ăn trụi hết lá (...). Chẳng còn con chim nào về bắt sáu cho cây, mùa hè nắng chói chang, sáu bộ đã chén hết lá, cây sung ghe bị tróc đầu, trơ trụi, tiều tụy ” (tr. 532).

Ca dao có câu : *đôi lòng ăn nửa trái sim, uống lưng bát nước đi tìm người thương*. Bây giờ nghe Tô Hoài xót lòng thương những lá sung, không biết ông ấy có còn thương nhớ cái gì khác nữa không đây. Còn nhớ có lần, mới đây – 1995 – ông ấy viết « *nhớ thế, nhớ đến nỗi không biết nhớ cái gì* » (*Hà Nội và Hà Nội*, tr. 197). Nghe Tô Hoài thương những lá sung mà lòng những nao nao.

Tô Hoài chủ trương dùng từ phải chính xác. Gần đây, anh hay dùng từ ngữ và cách nói ngày xưa, dụng tâm phục hồi ngôn ngữ cổ. Ví dụ “ *Số bác Khán cao, phải lấy vợ thiên hạ* ” có nghĩa

là “ *tìm duyên ở làng khác* ” (tr. 180), “ *đi làm mướn kiếm cơm thiên hạ* ” (tr. 545), “ *người thiên hạ đến cày cấy* ” (tr. 568), cùng nghĩa khác làng. Ngày nay, chúng ta chỉ dùng động từ *cưới* trong nghĩa kết hôn, Tô Hoài khôi phục từ *cưới* trong nghĩa khai trương, khánh thành : *cưới chợ* (tr. 368, 501), *cưới tàu điện* (năm 1899, tr.724). Ngược lại trong bài *Cưới*, anh dùng chữ *lấy vợ, lấy nhau, tổ chức đăng ký kết hôn* nhưng không một lần dùng chữ “ *xây dựng* ” đang thời thượng. Anh còn dùng chữ *bảo học* thay vì “ *day học* ”, *đôi năm mươi* để nói người cao tuổi qua đời, thường dùng chữ *seo giấy, thợ seo* ít thông dụng. Làm điều cùng một trang, anh dùng ba động ngữ : *phiết giấy, phết* (quả) *cây, phất giấy* (tr. 406). Trong bài *Nón xưa* anh dùng nhiều lần từ *làm nón*, có khi *khâu nón, lợp nón* mà không thấy dùng chữ “ *chằm nón* ” là chính xác nhất. Anh bỏ công giải thích một số từ cổ ngày nay thông dụng nhưng đã mất nghĩa, như *cầu cống* : *cống* có khi nghĩa là *cầu*, như *Cống Đổ, cống Mọc* ; còn *cầu* có khi là nhà trạm, có cột và mái ngói, thường gọi là *Cầu Chợ*. *Cầu Giấy* là chợ bán giấy. *Cầu không nhất thiết phải qua sông* (tr. 506). Bài *Hội Hè Đình Đám* giải thích cận kề *hội* và *đám* khác nhau ra sao. Nói chung, Tô Hoài đã làm sống lại nhiều phong tục hội hè đình đám bằng phong cách văn học, đọc vui mà trau dồi thêm kiến thức.



Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng công tâm. Mỗi lần tái bản một tác phẩm, anh thường đọc lại, sửa chữa ; thường là mài dũa cho câu văn gọn gàng, chính xác, có khi thêm bớt đôi ba chi tiết. Nhưng không phải lúc nào cũng đạt.

Lấy *Chuyện Cũ Hà Nội* để so sánh : ấn bản 1986 gọi là A, bản 1994 gọi là B, bản 2000 là C cho tiện việc. *Chuyện Ghi Lại : Thời Hữu kể về cái chết của Trần Đăng* : bản A và B ghi 1949 là đúng, bản C sửa lại 1951 là sai. Ít nhất câu : *cũng trong trận ấy, Trần Đăng đã hy sinh* (tr. 288), không chính xác : Trần Đăng bị quân Tàu Tưởng xử bắn, vùng biên giới, ngày 26.12.1949. Thời Hữu bị máy bay Pháp bắn chết ngày 16.12.1950 tại Thái Nguyên. Cái năm 1951 nhất định là sai. Cũng bài này, bản A câu kết thật hay, rạt rào tình cảm :

“ *Còn Trần Đăng, ô chợt như đầu mùa hạ vừa rồi, ở chiến dịch sông Thao, chúng ta đã cùng đi lên mặt trận phố Ràng* ” (tr. 166). Tô Hoài trực tiếp nói chuyện với Trần Đăng y như là bạn mình còn sống. Chữ *ô* cảm động, chữ *chúng ta* thân thiết, chữ *đã* hoài niệm cái chết. Bản B, Tô Hoài bỏ chữ *ô* chữ *đã*, bản C đổi *chúng ta* thành *chúng tôi*. Mỗi lúc một lạnh lùng. Tình nghĩa bạn bè phai nhạt đi chăng ?

Về năm tháng, bản B : « *Năm ấy tôi khoảng mười ba, mười bốn tuổi, đương học lớp nhì* » (tr. 350), Bản C, *hạ xuống 12 tuổi* (tr. 372) là sai, vì một đoạn khác anh kể « *đến năm 1933 tôi đương học lớp Ba tiểu học, nhà giáo Trần trọng Kim, được bổ đốc học* » (tr.428). Mười ba tuổi lớp ba, 14 tuổi lớp nhì là hợp lý.

Sở dĩ lẫn lộn như vậy là vì Tô Hoài không có trí nhớ niên lịch. Thậm chí, ngày sinh cũng chẳng nhớ. Các tư liệu văn học, khi ghi tiểu sử Tô Hoài thì mỗi nơi mỗi khác. Xin miễn dẫn chứng. Cái nhớ cái quên đều có lý do. Anh kể tuổi thơ : « *không mở xem ngày tháng trong lịch, thấy bỗng dưng lá mít vàng ối từng chiếc trong chòm cây xanh thắm và quả gấc chín đỏ trên giàn, cũng không biết là đến tháng mấy, mùa nào* » (tr. 589). Trong một

thời gian dài, tôi đã thắc mắc : vì đâu mà một người có trí nhớ kỳ diệu như Tô Hoài lại hay quên ngày quên tháng. Bây giờ mới hiểu ra : trí nhớ là một nguồn sáng tạo, nhưng sự quên cũng là một phương tiện cấu tạo nghệ thuật. Điều lạ lùng này cần được nghiên cứu thêm. Một ví dụ khác, câu văn hay : « *Khi chim tu hú giống giả xa xa, biết tu hú đã về thì quả vải chín đỏ rộ và nắng gắt* » (tr. 526). Biết thế thôi, chứ không ghi mùa, ghi tháng, không như Nguyễn Bính, bạn anh, ghi rõ là « *cuối tháng Ba* ».

*Tất cả mùa xuân rộn rã đi ...
Chưa hè trời đã nắng chang chang
Tu hú vừa kêu, vải đã vàng
Hoa gạo tàn đi cho sắc đỏ
Nhập vào sắc đỏ của hoa xoan ...*

Lại một tiếng chim, thân thuộc, đồng tuế, huê tình, Hoàng Cầm :

*Anh đi xa em mới biết nói thầm
Đường dè chợ Trầm sang mùa tu hú ...*

Các nhà thơ này, dù đăng trí, vẫn nhớ tháng nhớ năm. Riêng Tô Hoài nhớ cảnh nhớ người mà quên năm quên tháng.

Việc chữa lại văn xưa, là một vấn nạn. Nhiều người đã tiếc cho Nguyễn Hồng : **Những Ngày Thơ Ấu** ấn bản về sau có sửa chữa không hay bằng bản in lần đầu. Về Tô Hoài, không có việc ấy. Nhưng đôi nơi làm tôi băn khoăn. Ví dụ bài *Đường Về Quê*, nhắc đến những *cô đầu cổng tỉnh, cô đầu phố huyện...* “ *Cô đầu nhà quê – người ta gọi thế* ”. Bản A tiếp theo : “ *Các cô, đêm hôm khách khứa, ban ngày lại cấy gặt* ” (tr. 160). Bản B : “ *Các cô, đêm tiếp khách khứa, ban ngày lại cấy gặt* ” (tr.230). Bản C : “ *Các cô đầu rượu, đêm tiếp khách khứa, ban ngày lại ra đồng cấy gặt* ” (tr. 281). Theo tôi, bản A trội nhất, cô đọng, tình tứ. Thêm vào đôi ba chữ, tình cảm loãng đi. Đây là cảm giác chủ quan, không dựa vào bằng cứ, nhưng tôi vẫn đưa ra để người đọc văn, viết văn cùng suy ngẫm, mà không sợ Tô Hoài giận. Thường thường thì câu văn sửa lại âm vang hơn. Cùng bài ấy, mở đầu, bản A và B « *Đường về quê nội (tôi) không xa mấy* », bản C bỏ đi chữ *tôi*, bớt chính xác nhưng mang âm giai câu thơ bảy chữ cổ điển. Và đoạn cuối, tác giả sửa chữ *đương* bản A thành chữ *đang* đồng nghĩa, nhưng khác âm vang : « *Tôi đang đi trong chạng vạng chiều cầu Náy* » (tr. 285). Câu văn thường thôi, nhưng điển hình cho phong cách Tô Hoài, từ ngôn ngữ, âm điệu đến những tình chìm ý nổi. Câu văn thường thôi, nhưng để đạt tới chỗ thường đó, nhà văn thuộc loại tác gia tài hoa và uyên bác nhất của nền văn xuôi quốc ngữ đã phải bỏ ra sáu mươi năm ngày ngày dày công khổ luyện.

Tóm lại **Chuyện Cũ Hà Nội**, ký sự địa phương, là một tư liệu văn hoá dân tộc, một chứng từ thời đại và là tác phẩm văn học có giá trị cao về ba mặt nghệ thuật, sử liệu và nhân đạo.

Nói chuyện Tô Hoài không bao giờ hết. Nói lảm thì cũng là Chuyện Cũ. Chán chuyện rồi, tôi đi nhờ đây.

Chẳng biết có gặp ai chăng, *trong chạng vạng chiều cầu Náy...*

Đặng Tiến

25/8/2000

(1) **Chuyện cũ Hà Nội**, Nhà xuất bản Hà Nội, 2000. 777 trang, khổ 13x19 cm.

TẾT RẼM TRUNG THU

Tô Hoài

Tháng tám mỗi năm, nếu chẳng kể tết Nguyên Đán, thì tết Trung thu vui nhất. Phá cỗ và trông trăng có một đêm rằm, nhưng việc sắm sửa - dù nhà có nhà không có, chỉ đủ tiền mua quả bưởi bày cỗ, ai cũng đếm từng ngày, từ hôm đầu tháng. Không chỉ tết của con trẻ, mà người lớn cũng nao nức. Mà lạ thay, trong một năm, trời đất đến quãng ấy vừa đẹp vừa dễ chịu.

Đã hết những trận mưa rào trút nước, chớp giật những cơn sét hòng lăn ra xanh lè. Chập tối trông ra khe cửa, thấy lập lòe không biết là đom đóm hay ma trôi. Biết bao nhiêu cái sợ.

Mùa thu trong xanh, làn mây trắng trôi bồng bênh. Ngoài đồng xa, gió giải đồng thổi vào, đem theo hơi mát và mùi lúa đương chín. Chân tay chúng tôi cứ nhẹ tênh, hoa lên từ trong cổng chạy ra.

Ở chợ, đã bày bán những chiếc trống nhỏ, cầm chiếc dũa gõ, mặt trống kêu tong tong. Tiếng trống vang động các phố, các ngõ, trống giục tết Trung thu hãy tới, mau lên.

Các đồ chơi rằm, nhiều thứ đèn thấp nển, thấp đầu lạch, thấp đầu hạt bưởi. Đèn ông sư, mũ sư quay tròn, ngọn nến lung linh ở giữa. Cái đèn trống có cán cầm, hai mặt trắng tròn vành vạnh. Đèn củ ấu giấy tàu bạch treo ngoài hiên. Đèn kéo quân đặt trên bậc cửa cao. Đứng xa cũng nhìn được đĩa dầu bắc thấp sáng, quân đèn cù in bóng chập chờn chạy bốn mặt, nào con voi, nào người gồng gánh, nào học trò cắp sách.

Các hàng đầu ô không bán đồ chơi bằng thiếc đất tiền. Cái tàu thủy thả xuống nước, cái ô tô có dây kéo chạy được, người lớn phải ra mua ngoài phố Hàng Thiếc.

Nhộn nhip từ phiên chợ mười bốn, mẹ đi sắm quả bày cỗ. Sớm nhất, đem về những quả bưởi đào, rồi quả hồng, quả dứa. Có khi được bỏ quả bưởi ăn trước, lấy nhân hạt bưởi đem phơi nắng ngoài thành bể rồi xâu lại làm nến thấp đèn con thỏ, con thím thừ. Gần đến rằm, mẹ mới mua phong bánh dẻo. Bàn bày cỗ thì ông đã kê cho ở ngoài hè. Đầu bàn, ngai cao cao một ông tiến sĩ mặt trắng bột, áo thụng giấy vàng, đầu đội mũ cánh chuồn, mũi đôi hia có trang kim nhấp nháy. Đây là mơ ước của mẹ tôi, mong cho tôi học giỏi, sau này tôi được nên ông tiến sĩ.

Tết rằm, chơi tiến sĩ thanh tao và mơ mộng còn có ở những người lớn tuổi và thú chơi tiến sĩ cũng lác đác đến tận bây giờ. Mỗi năm, đi chợ Trung thu, dạo phố Hàng Mã, cụ Vạn Lịch bạn tôi lại mua cho tôi một ông tiến sĩ. Cả phố Hàng Mã chỉ còn mỗi một hàng ở góc tường treo hai ba ông tiến sĩ cỡ vừa. Cũng có đôi ba người mua, nhà hàng chỉ làm ngũ thể, bởi cả người bán người mua cùng hiếm mà giá thì đắt. Từ năm cụ Vạn Lịch qui tiên, tôi cũng bỏ thói quen dạo Hàng Mã sắm ông tiến sĩ chơi rằm. Chẳng biết phố chợ tết rằm này có còn

bán ông tiến sĩ ?

Không nhớ từ hôm nào, chập tối, trên đầu chợ đã tùm tùm đám hát trống quân. Trai gái đứng xúm xít, trẻ con không chen được vào, chỉ nghe tiếng cất lên í a, ừ ừ và chốc chốc điểm nhịp thì thùng thanh tre gõ sợi dây thép, hai đầu buộc vào thùng sắt tây.

Hôm rằm thì hầu như buổi chiều cái tết tụ lại từ đầu ngõ vào trong sân. Ông trăng tròn xoe vừa lên đằng sau bụi tre, hầy còn ban ngày nên trắng bệch như tờ giấy bản. Tiếng trống bốn bên hàng xóm khua lên, đùng đùng cả đến ông trăng và ông trăng mỉm cười. Khi trời đã tối hẳn, ánh trăng trong leo lẻo, bấy giờ trông rõ ông trăng cười như sắp bước xuống chơi “dung dăng dung dề” với chúng tôi giữa tiếng trống múa sư tử, những cái đầu sư tử cón con hún hoản không có đuôi, chỗ nào cũng thấy lấp ló.

U tôi bung dưới bếp lên một rổ ốc luộc còn nghi ngút khói. Có nhà làm bún ốc, chuối xanh bung ốc nhồi, ăn với bánh đúc xắt từng miếng. Một bánh đúc to bằng mặt trăng trên kia. Bánh đúc quấy với lá gừng, xanh mát mắt. U tôi đã mua mớ ốc vụn từ phiên chợ trước, đem bỏ vào chậu nước vo gạo. Ốc ngâm nước vo, nhả hết bùn nhớt, ốc mỡ màng hơn. Ốc vụn, ốc bươu luộc rồi lấy gai bưởi nhể ra, chấm nước mắm dấm ớt giã vào một miếng gừng cay vừa ăn vừa húp giấm, lại suýt soa. Tháng bảy, tháng tám ăn ốc hồ Tây trông trăng lại nhớ mùa này, ốc các đầm hồ đương béo. Chúng tôi châu đầu nhể ốc. Những con ốc vụn, ốc bươu xanh trơn - đương cỡ ốc đây, khói luộc đượm mùi lá chanh bốc hơi thơm ngát.

Một nhà nào phá cỗ, tiếng cười ánh ời lan sang láng giềng. Không nhà nào phá cỗ một mình. Những múi bưởi, những miếng hồng và bánh dẻo, bánh nướng nhà này đem nhà khác cùng ăn.

Trong khi tiếng trống sư tử, tiếng reo hò đã rộn rã xa xa. Chẳng mấy lúc, rổ ốc đã thành một đồng vỏ và trên bàn cỗ chỉ còn quả bưởi chưa bóc và ông tiến sĩ vẫn ngồi nguyên chỗ ấy. Đã hết nển, những xâu hạt bưởi cũng không còn. Nhưng ánh trăng thì rời rợi.

Không biết ai đứng lên, nói to :

- Bây giờ ra Hàng Đào xem múa sư tử thì đương vui đây.

Cũng thuận chân và phải lúc thôi, hầu như đêm rằm nào, khi phá cỗ xong, cả người lớn và trẻ con đều ra Hàng Đào, có khi chơi ngoài ấy quá nửa đêm mới về.

Chúng tôi đi trong ánh trăng trước sân ra đường cái rồi chạy thì xem ai nhanh hơn. Bên đường lúc nào cũng inh ỏi tiếng trống hội múa sư tử, những đám trẻ ngẩn ngơ vỗ tay hát trong ánh trăng. Đến lúc lại trông thấy mặt nước hồ Tây sáng lên, biết đã ra tới phố Quan Thánh.

Tiếng trống sư tử vẫn rải rác theo chân chạy của chúng tôi. Nhiều chỗ nghe tiếng trống, rồi mới thấy người giơ lên cái đầu sư tử rung rung. Càng đông, qua chợ Đồng Xuân thì hầu như thấy cả thành phố đổ ra đường xung quanh không chỉ có trống con nhảy nhót, mà là trống cái, tiếng trống cái đánh lẫn tiếng thanh la, chũm chọe...

Đoàn người múa sư tử, nhịp chân hoa lên đi về phía phố Hàng Ngang, Hàng Đào. Hội sư tử kéo về đây đông nhất. Ngoài đường ồn ã, nhưng các cửa hàng cửa hiệu hai bên đã

đóng cửa. Vừa là nghỉ bán hàng tết rằm, vừa cũng hải người nhón nháo các cửa ô vào xem rước sư tử, múa sư tử, sư tử giạt giải. Biết đâu, cả kẻ trộm kẻ cắp lẫn lộn, lại nữa bởi đội sư tử là những tay anh chị từ dưới bãi, những tay chơi có hạng của các đội Ba Đen, đội Phó Lừ sừng sỏ nức tiếng bãi sông Hồng.

Vào thời ấy, dưới bãi chưa có phố, không có nhà lợp ngói, tường gạch, mà chỉ lơ thơ chiếc lều tạm bợ, không mấy khi thấy người, cả buổi trưa, những con bói cá đứng gặt gù canh chừng mặt nước, chốc lại lao xuống, bay biến đi. Đứng trên đê nhìn ra bãi sông, chỉ thấy dòng nước đỏ rực hai bên bờ bãi xanh mờ những bụi lau chen bãi dâu, bãi ngô. Rồi mỗi mùa lũ, nước sông lên ngập các bãi Nghĩa Dũng, Phúc Xá vào tận lưng đê bên Nứa, tất cả mọi thứ, cái lều, con lợn, gồng gánh trôi băng, chỉ còn sống sót người ôm bọc quần áo thoát lên đê.

Người làm cu li, làm phu, người thất cơ lỡ vận bỏ làng lên tỉnh kiếm ăn chui rúc nương nấu ở bãi. Lại những bọn đánh nhau thuê, khóc mướn, những tay chân các sòng bạc Hai Cua, Ba Sinh, những du côn đứng bên tranh khách cho các hăng ô tô Thổ Trắng, Ngựa Vằn và những thầy dạy võ, khăn gói quả mướp trên vai nay đây mai đó, những người ấy đến trú ngụ trong bãi đầm bữa, nửa tháng rồi lại đi. Và đêm rằm tháng tám, từng bọn nhập cuộc đám sư tử lên múa giạt giải lấy thưởng của các cửa hiệu buôn bán to ở phố Hàng Ngang, phố Hàng Đào.

Các đội sư tử cũng sửa soạn tết rằm. Những chiếc khung đầu sư tử bằng tre cật buộc mây gác bếp được lỏi xuống gột cọ bỏ hóng. Vương vải điều, vương lụa thiên thanh đem giặt phơi nắng cho lại màu. Rồi đội cái khung đầu sư tử lên Hàng Mã thuê bồi giấy, đắp má, cắm râu, gõ mặt, quét sơn đỏ sơn đen, lấp đôi mắt lồi lung lay và làm cái cón gỗ đầu buộc quả ngọc ngũ sắc. Chẳng mấy hôm mà đầu sư tử và chiếc cón đính hòn ngọc, tám vải điều đuôi sư tử - đồ chơi cũng là đồ nghề kiếm ăn của các tay anh chị - đã được đem về để trên nóc lều, bụi lau. Mọi thứ vẫn xanh vẫn đỏ rực rỡ cả mái nhà.

Từ chập tối, những đội sư tử đã lần lượt đi. Trẻ con các bãi theo lên làm vui tết các phố, còn ở nhà thì chỉ nhìn thấy trăng rằm. Phải đợi xem các đội sư tử giạt được giải khuya về, bấy giờ mới được có tết phá cỗ, đôi khi tụ tập trên bãi cát trẻ con ăn bánh, người lớn uống rượu trông trăng.

Người giơ hai tay vác đầu sư tử, ống quần quần xà cạp điều, đi giày ba ta nâu, mắt đeo kính rộp - mặc dầu trời tối, có đeo kính thế mới ra người tài tử, bước đi làm rung bộ râu sư tử nghênh ngáo. Người cầm cón hòn ngọc đi trước, người cầm vạt đuôi đi sau cũng múa lên, múa lên. Những người cầm gậy đi hai bên ăn mặc hết nhau, áo lụa đen, thắt lưng và xà cạp điều, đầu chít vương lụa lá mạ, những đôi mắt cũng kính râm. Hai người khiêng chiếc trống cái, đòn tre kẹp tang trống. Người đánh trống và người đập chũm chọe đã nổi trống, nổi phèng phèng từ lúc lên đê. Tiếng trống, tiếng chũm chọe... từng xoè... từng xoè... vang vào, các phố Bờ Sông đều biết hiệu đội sư tử rằm năm nay đã lên.

Mấy phố ven đê đã nhộn nhịp.

Đội sư tử đã bắt đầu chơi. Không phải chỉ đến múa ở phố Hàng Đào mà các đội múa từ lúc bước sang bên kia vỉa hè. Trong ánh điện đèn quanh cột Đồng Hồ, người đổ ra xem. Mỗi sư tử, người đội đầu người cầm đuôi, người múa hòn ngọc như

môi. Những đội nhỏ xuống phố Hàng Buồm, khi người cầm ngọc hoa chiếc côn lên, ấy là hiệu cho sư tử múa mừng. Nhà hàng được sư tử dừng lại, mở toang cửa, bắc ghế ngồi xem. Người múa ngọc uốn mình đi một đường côn, đầu sư tử rượt theo liệng một vòng kéo theo người hai tay nắm đuôi, phát phát. Thế là đã nói được người rộng ra cho cánh khiêng trống, đánh trống vào. Sư tử vờn cao đầu chào gia chủ trong tiếng trống múa, tiếng chũm choé đình tai... từng từng xoè... từng xoè... xoè... chiếc côn ngọc lại vì vút quăng.

Sư tử đuổi đón ngọc, hòn ngọc và đầu sư tử quần nhau vừa mười vòng thì được một đợt. Hơn chục người trong đội hoa quyền xuống tấn, múa bái tổ ngược vào cửa hàng. Chủ hiệu bước ra phong bao tiền thưởng gói trong giấy hồng điều. Đầu sư tử hếch râu, bao tiền rơi tọt vào trong mõm, rồi... từng xoè... xoè, chiếc côn ngọc lại giờ lên, múa tiếp.

Nhưng chủ nhà đã cười cười, chấp tay vái :

- Thôi... thôi... Vui rồi, được lộc rồi... Để dành vui sang năm.

Chẳng biết ai được lộc, đội sư tử hay chủ nhà. Cái đầu sư tử hạ xuống, đội lần lượt sang nhà khác, kéo theo đám đông đường phố. Nhưng không phải đến cửa nhà nào cũng được múa để có tiền thưởng.

Nhiều nhà đã đóng cửa từ chập tối. Tiếng trống chỉ đi qua.

Các phố có hàng chục đội sư tử đương đi diễu, đương múa, những người năm nào cũng xem múa sư tử đã biết đến chỗ nào náo động có những đội sừng sỏ chơi, người ta đã đợi trước ở cửa hàng tơ lụa cạnh nhà bánh trung thu Thanh Hiên trước cửa treo chiếc đèn con thiềm thừ xanh mượt to nhất phố. Nhà Cúc Hương, các tay thợ bột, thợ khuôn mũ trắng áo trắng lớp đứng đóng bánh, được chiếc nào có khách đợi lấy ngay. Nhà hàng này bán đến tận chiều rằm mới tháo nước rửa cửa, nhiều nhà khác chỉ ngày mười bốn đã cạn khách.

Tối rằm, mấy nhà ở khóm ấy treo giải múa sư tử thật to khác đời, bởi làm ăn phát tài bấy lâu. Một cây pháo bông buông từ lan can gác xuống thêm hè. Đội sư tử đến, bắt đầu châm lửa đốt cây bông, bông phun ra hoa cà hoa cải, con chuột chạy, màu tím màu vàng viết nên ba chữ *phúc, lộc, thọ*, hết cây bông thì đến múa sư tử.

Trên chỗ buộc đầu cây pháo bông treo bọc giấy bóng đỏ tiền thưởng. Tiền thưởng cũng không ai biết đích xác được bao nhiêu, bởi chủ nhà không niêm yết số tiền mà cũng chẳng ai được cầm đến bọc tiền. Tiếng đồn giải hàng trăm bạc trở lên. Chỉ đem hai mươi đồng bạc về quê đã tậu được một sào ruộng thượng đẳng. Mỗi nhà có hai giải, giải đầu thưởng đội múa tài nhất, đội nhì cũng được ăn giải không phải về không.

Giải nhất giải nhì đội nào giật được phải ra sức cả lúc, công kêêng đưa vác đầu sư tử lên đón giải. Có nghĩa là hai tay giỏi võ của hai đội ngồi đánh nhau trên vai mấy tầng người vừa chồng lên. Có người ngã gãy tay, ọc máu, đội xếp đến làm biên bản bắt về bốp, nhà chủ treo giải cũng bị liên lụy. Thế là năm sau thôi lệ tranh giải, mà múa xong nhà chủ phát giải nhất nhì cho hai đội đưa đầu sư tử lên đón phần đã định và điều đình với nhau. Những đội tép nhàng nhàng chỉ lấy giải quanh quanh các nhà : treo tiền thưởng cò con.

Vào đến giải mấy nhà chỗ hiệu Thanh Hiên, vài năm nay

chỉ còn có hai đội Phó Lữ và Năm Đen. Đội nào lỡ quá kéo vào đã bị chặn đầu phố. Người cầm gậy gác vừa rút con dao mổ lợn ra và ghé đầu rí tai hỏi lấy tí tiết. rồi nói : “Cút ngay !” Thế là chịu thua, chỉ xin đàn anh cho đứng đánh trống, múa vòng ngoài góp vui. Nhà chủ đã đem coi trâu và chai rượu ra mời. Chưa đội nào ngo ngoe dám vượt mặt hai đội thủ chỏm Phó Lữ, Ba Đen.

Đến rằm năm ngoái, hai đội đầu trò vừa dứt hồi trống thu ngọc bái tổ rồi đến mục cùng vươn lên lan can gác đón giải. Người nhảy lên vai nhau, chồng như bậc thang để người thứ năm đội đầu sư tử thoăn thoắt trèo lên hộp. Đã phân chia đội nào giật giải ấy. Nhưng cũng mấy lần ngã mới lên được.

Người xem reo hò, hồi hộp ngược mắt. Người hai đội đương leo. Người đội Ba Đen đứng lên vai, đầu sư tử nghiêng ra đón giải ngoài lan can. Vừa lúc ấy đội Phó Lữ đã giật giải bên kia rồi lại nhaoi người đưa đầu sư tử sang huých ngang giật bọc giải nhất. Đội Ba Đen còn đương chới với. Đội Ba Đen bị cướp thành linh, đám người loạng choạng mất đà, ngã rúi xuống. Tiếng reo à à như vỡ chợ. Giải đã định, đã được xuống danh từ lúc vừa múa xong. Không ai rõ tại sao lại có chuyện cướp giải. Nhà chủ đã vào ngồi trong hiên nhìn ra xem, cũng không biết thế nào.

Cái ức ấy đội Ba Đen đã để đến năm nay rửa hận. Đội Ba Đen lên phố Hàng Đào từ chập tối. Mỗi người giắt lưng một con dao găm. Đến lúc lên giật giải mà cánh Phó Lữ còn chơi đồn ngấm thì cả đội đã sẵn sàng một phen. Mà năm nay chúng nó có tử tế chẳng nữa, những con dao này cũng phải dây máu, vì còn phải hỏi tội đòi cái tiền thưởng giải nhất năm ngoái.

Người xem rước sư tử các phố đã dồn đến. Nhiều nơi đã kháo nhau đêm nay ở giải Hàng Đào có trận đòn thù khiếp lắm đây. Người tới càng đông. Chiếc trống cái của đội Ba Đen hai người khiêng đã đặt xuống vỉa hè, gõ gióng một, tiếng gọi, tiếng giục, nhịp với thanh la. Từng... từng... xoè... người cầm ngọc chốc lại ngửa tay, huơ ngọc lên. Người cầm đầu sư tử giờ tay đẩy hàm râu, lưỡi sư tử lác lác đưa ra đưa vào như thềm đón hòn ngọc để bên kia.

Vùng trăng đã lên cao đằng Bờ Hồ, như chiếc bóng điện to treo giữa trời. Chủ hiệu ra bảo đội Ba Đen tìm đội nào vào múa đôi. Nhưng không đội đàn em nào dám lộ mặt. Sợ đương chừng, đội Phó Lữ tới thì sao. Thế là sư tử Ba Đen phải múa một mình. Đội Ba Đen bắt đầu múa, người xem có phần vắng hơn mọi năm. Nhưng đội múa không có ganh đua, cũng nhạt. Đến lúc chồng người lên, đầu sư tử lên đón cả hai giải nhất, giải nhì ngoài lan can. Tiếng reo cũng thưa thớt.

Chúng tôi lại chạy từ ngoài phố về đến nhà, trăng sáng như ban ngày suốt đường.

Ít lâu sau, nghe được chuyện tại sao Phó Lữ không đến giải. Giữa năm, Phó Lữ được các chủ dó thuê lên ngược đẩy bè cây dó từ Yên Bái về bến Chèm. Xuôi đến quãng ngã ba Hạc, phải con lũ lật bè, Phó Lữ bị chết trôi mất xác. Thế là tan hội.

Rằm tháng tám năm sau, cả đội Ba Đen ở dưới bãi cũng không thấy lên phố Hàng Đào giật giải múa sư tử. Không biết đi đâu. Người lam lũ ở dưới bãi, cái vui cũng là đi làm vui cho người, còn đời mình thì lang bạt.

Tô Hoài

Tìm về cội nguồn của hội hoạ

Văn Ngọc



Bích hoạ ở động Chauvet, Ardèche (niên đại 32 000 năm)

Nhiều câu hỏi vẫn thường day dứt tôi về cái chức năng đích thực của hội hoạ, về cái khiếu thẩm mỹ có thể có tính chất bản năng của con người, về sự sáng tạo, về những bước tiến, bước lùi của nghệ thuật, dẫn tôi tìm về những cội nguồn xa xôi, về những bức bích hoạ trong các hang động, những hình vẽ trên xương thú, trên những hòn cuội, của người tiền sử, về những nền văn minh cổ xưa của nhân loại : Mésopotamie, Ai Cập, Hi Lạp, La Mã, Ấn Độ, Trung Quốc, v.v...

Rõ ràng, con người nguyên thủy đã biết vẽ từ rất sớm, và đã có một khiếu thẩm mỹ đạt đến một trình độ, mà với những hiểu biết và con mắt thẩm mỹ của người ngày nay, chúng ta đều phải khâm phục. Song, cái năng khiếu thẩm mỹ ấy đã xuất hiện vào lúc nào, và nó có tuân theo một qui luật phát triển nào không ? Những hoạ phẩm trong các hang động kia được thực hiện với mục đích gì ? Cho đến nay, những nghi vấn đó vẫn chưa được giải đáp, dù chỉ bằng những giả thuyết.

Cách đây 6 năm (1994), người ta đã phát hiện ra một thạch động ở gần Pont-d'Arc, thuộc vùng Ardèche, Pháp, được đặt tên là động Chauvet, tên của nhà nghiên cứu về hang động đã khám phá ra nó. Trong động này, có những bức bích hoạ xưa tới 32 000 năm, gồm tất cả 441 hình thú vật chưa từng thấy bao giờ ở các hang động khác trước đây : mamouth, tê giác,

gấu, sư tử, bò tót, ngựa. Đây là một sự kiện hoàn toàn mới mẻ : ở động Lascaux (Dordogne, Pháp – niên đại 17 000 năm, phát hiện năm 1940), các hình thú vật đều là những thú vật mà con người vẫn thường săn bắt : tuần lộc (rennes), bò rừng (aurochs), v.v... Ở đây, ngược lại, phần lớn đều là thú dữ.

Dựa trên những dấu tích cụ thể, các nhà khoa học nghiên cứu động Chauvet từ 6 năm nay, cho biết : cách đây 32 000 năm, người tiền sử chưa bao giờ cư trú ở trong động này, mà chỉ tới đây để vẽ thôi. Cũng có thể nơi đây đã chỉ được dùng làm chỗ thờ cúng (sanctuaire). Khi vẽ chắc hẳn người xưa đã phải đốt lửa lên để soi sáng, vì trong động nhiều chỗ rất tối ?

Ở động Lascaux (Dordogne), các hình vẽ đều không theo phép viễn cận (perspective), cũng không thấy sử dụng kỹ thuật đánh bóng (estompe) để thể hiện hình khối, trong khi ở động Chauvet – theo nhận xét của Dominique Baffier, một nhà chuyên nghiên cứu các đồ hoạ trong hang động – tất cả những kỹ thuật đó đều có mặt : hình khối các đầu ngựa được thể hiện bằng những đường viền diễn khối, chỗ dày, chỗ mỏng, chỗ được đánh bóng đậm nhạt, chỗ chỉ có nét vẽ không thôi.

Về ý nghĩa và mục đích của những bức hoạ trong các hang động ở Lascaux, các nhà tiền sử học đã đưa ra hai giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất, của linh mục Henri Breuil, người đã khám phá ra động này, cho rằng những bức hoạ đó được thực hiện nhằm phục vụ một thứ lễ nghi cầu đảo trước lúc lên đường đi săn thú. Những thú vật được vẽ trên vách đá, chính là những thú vật mà người ta cầu mong săn bắt được.

Giả thuyết thứ hai, của nhà dân tộc học và tiền sử học André Leroi-Gourhan, cho rằng những hình vẽ này đáp ứng một nhu cầu tâm linh khác. Theo ông, sự chọn lọc các đối tượng vẽ (thú vật, người, tín hiệu) và cách bố trí chúng ở trong thạch động, thể hiện rõ ràng ít nhất một ý, đó là sự tượng trưng giống đực và giống cái : con ngựa tượng trưng giống đực, con bò tót giống cái, v.v...

Phát hiện mới ở động Chauvet khiến người ta phải xem lại các giả thuyết, từ giả thuyết về sự phát triển của nghệ thuật tiền sử theo tuyến tính (progression linéaire), cho đến giả thuyết về mục đích của những bức hoạ thú vật trong các hang động. Người ta đặt câu hỏi tại sao kỹ thuật biểu hiện ở động Chauvet (cách đây 32 000 năm) lại *cao* hơn ở động Lascaux (cách đây chỉ có 17 000 năm) ? Lý thuyết của André Leroi-Gourhan, cho rằng nghệ thuật hội hoạ thời tiền sử phát triển theo một đường thẳng có thể không còn đứng vững nữa. Phát hiện mới ở động Chauvet cho thấy rằng : 15 000 năm trước khi những bức bích hoạ ở động Lascaux ra đời, người nguyên thủy ở đây đã nắm vững kỹ thuật đồ hoạ, có lẽ còn hơn cả ở Lascaux (đây cũng là nhận xét chủ quan của một vài nhà chuyên môn). Theo bà Carole Fritz, đồng nghiệp của André Leroi-Gourhan, thì như vậy, sự phát triển của nghệ thuật đã theo qui luật *nhảy vọt*, nghĩa là không phải lúc nào cũng đi lên bằng con đường thẳng, mà lúc lên lúc xuống, tùy theo nhiều điều kiện, nhiều tham số.

Riêng tôi, cho rằng, nếu chỉ dựa vào một vài khía cạnh kỹ thuật, mà đánh giá chất lượng nghệ thuật của một tác phẩm hội hoạ, thì quả thật là chưa đủ : các bức bích hoạ ở động Lascaux cũng rất đẹp, rất nghệ thuật (tùy theo dựa trên quan điểm nghệ thuật nào mà thẩm định), mặc dầu các tác giả

không sử dụng kỹ thuật đánh bóng, đường viền điển khối, v.v... Hơn nữa, số hang động phát hiện được trên khắp thế giới, trong đó có hình đồ họa thời tiền sử, cho đến nay mới chỉ đếm trên đầu ngón tay. Vậy thì, kết luận về sự tiến triển của nghệ thuật thời tiền sử theo một đường thẳng, hay một đường cong, liệu có vội vàng quá không ? [Ngày 3-06-2000 vừa qua, trên đài Arte có chiếu một phim tài liệu về động Chauvet. Cho đến nay khách vắng lai vẫn chưa được phép vào xem bên trong thạch động, mà chỉ được đứng ở ngoài cửa. Có nhiều khả năng là động này sẽ không mở cho dân chúng tham quan, giống như động Lascaux từ nhiều năm nay, vì người ta sợ các bức bích họa ngày càng bị hư hỏng thêm. Từ vài năm nay, một phiên bản giống như thật của động Lascaux (Lascaux II) đã được thực hiện ở ngay kế bên, để đón khách tham quan].

Dấu sao, nếu một thời người ta vẫn thường nói : “ Hội họa ra đời cách đây 17 000 năm, ở động Lascaux ”, thì nay phải sửa lại là “ Hội họa ra đời cách đây 32 000 năm, ở động Chauvet ” ! Nhưng biết đâu lại không còn nhiều hang động khác nữa xưa hơn ở trong lòng đất ?

Một trong những điều bổ ích mà việc phát hiện ra động Chauvet cho ta thấy một cách cụ thể là, trong khoảng thời gian dài dằng dặc 15 000 năm cách xa nhau giữa những bức bích họa ở động Chauvet và động Lascaux, các cộng đồng nguyên thủy ở vùng đất này vẫn chưa thay đổi được phương thức sản xuất, con người vẫn còn phải săn thú và hái lượm để sống qua ngày. Điều này chắc hẳn đã là cái nguyên nhân chính khiến cho giữa những bức bích họa ở hai động Chauvet và Lascaux không có một sự thay đổi lớn nào, cả về nội dung lẫn hình thức. Phải chờ đến mười ngàn năm sau Lascaux, nghệ thuật hội họa mới được giải thoát ra khỏi tình trạng bế tắc này, khi con người nguyên thủy rời bỏ hang động, rời bỏ phương thức sống bằng săn bắn và hái lượm, để chuyển hẳn sang phương thức trồng trọt và chăn nuôi, đồng thời bắt đầu định cư, sống qui tụ và có tổ chức thành làng mạc...

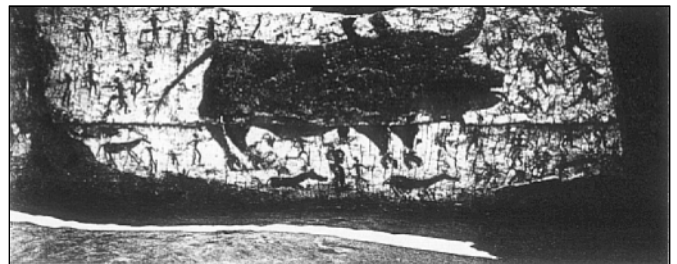
Nếu chỉ là đi tìm những dấu tích xưa nhất của nghệ thuật, nói chung, bắt đầu từ thời kỳ lịch sử, thì không thể nào không nghĩ đến những tượng và đồ gốm của nền văn hoá Jômon (dân tộc đầu tiên sống trên lãnh thổ Nhật Bản), mà người ta mới khám phá ra cách đây không bao lâu. Những đồ gốm này có niên đại xưa đến 9000 tr. CN, vượt xa những đồ gốm ở Mésopotamie, mà từ trước tới nay người ta cứ tưởng là cổ nhất thế giới ! Không thấy nói đến nền hội họa của dân tộc này, nhưng cứ nhìn những bức tượng bằng đất nung của họ, phong phú về hình khối, và đây những nét khắc họa mềm mại, đầy chất liệu và màu sắc, thì người ta có thể chắc chắn rằng, với một trình độ thẩm mỹ cao như thế, nếu dân tộc này còn để lại những tác phẩm hội họa, chắc hẳn chúng cũng phải có một chất lượng rất cao. Nhưng các tác phẩm hội họa – trừ những bức bích họa được che chở trong hang động, hoặc trong những ngôi đền thờ ra – thường hay bị hư nát với thời gian, nhất là với khí hậu ẩm, ngược lại với đồ gốm.

Dân tộc Jômon, một dân tộc sống bằng nghề săn bắn, câu cá, và hái lượm, đã tồn tại trên đất nước Nhật Bản từ 10 500 tr. CN cho đến thế kỷ 3 tr. CN, tới đây họ bị dân tộc Yayoi, từ lục địa tràn qua, mang sang theo nghề trồng lúa, chiếm lấy đất đai, và loại dần họ đi. Dân tộc Nhật Bản ngày nay chắc hẳn

phải là hậu duệ của những dân tộc cổ đại này. Nhiều nghệ sĩ hiện đại Nhật Bản có tên tuổi đang gây nên một phong trào trở về nguồn, đề cao nền văn hoá Jômon, coi đó như là một trong những nguồn gốc đích thực của nền văn hoá bản địa.

Không lấy gì làm lạ, nếu những dấu tích xưa nhất về hội họa – kể từ khi bắt đầu lịch sử – mà người ta biết được cho tới nay, lại nằm ở vùng Mésopotamie – một trong những cái nôi của nhiều nền văn minh – một trong những nơi mà người nguyên thủy, từ bỏ săn bắn và hái lượm để chuyển sang làm nông nghiệp, và lập nên những làng mạc trù phú đầu tiên.

Çatal-Hüyük, thuộc Anatolie, giáp Syrie và Mésopotamie, là một trong những làng mạc đó. Ở đây, trong một ngôi nhà, trước là nơi thờ cúng (*sanctuaire*), người ta còn giữ được một bức bích họa xưa đến 6000 năm tr. CN. Đó cũng là một bức họa vẽ thú vật, song cách vẽ, cách bố cục, khác hẳn với những bức bích họa trong hang động của người nguyên thủy. Ở đây, đối tượng của bức họa là một con thú rất lớn, loại bò mộng (*taureau*), chiếm nguyên cả gần một phần ba diện tích mặt phẳng. Xung quanh, trên các khoảng trống còn lại, tác giả vẽ những con thú khác, loại hươu nai, nhỏ li ti, và những người đi săn cũng nhỏ như vậy, làm cho ta nghĩ đến những hình họa (*graphismes*) thể hiện nhịp điệu (*rythmes*) bằng mực tàu, của Henri Michaux, và của một vài họa sĩ hiện đại khác. Toàn bộ bức họa tạo nên một ấn tượng mạnh, dữ dội, hoang dại, nửa hiện thực, nửa siêu thực.



Bích họa ở Çatal-Hüyük, Anatolie, 6000 tr. CN

Cách bố cục, và cách vẽ như vậy chắc hẳn đã có một ảnh hưởng nào đó đến các nền hội họa sau này. Ở một vài nền tranh thờ và tranh dân gian cổ, có một qui ước : đối tượng quan trọng nhất được thể hiện ở ngay trung tâm bức họa và với một tỷ lệ to hơn hẳn những đối tượng khác (tranh thờ, tranh dân gian Trung Quốc và Việt Nam, chẳng hạn).

Bức bích họa trên phù hợp với giả thuyết cho rằng : ở vào giai đoạn cuối cùng của thời kỳ săn bắn và hái lượm (7000-6000 tr. CN), cùng một lúc với sự phát triển của cung tên, người nguyên thủy ở một số nơi đã lấy con bò đực làm đối tượng thờ cúng.

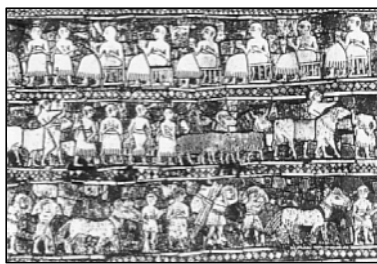
Những tiến bộ của nền văn minh nông nghiệp, kéo theo sự phát triển của đồ gốm, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, v.v... và sự hình thành của những đô thị, nơi tập trung mọi sinh hoạt và của cải của xã hội : Mari, Suse, Uruk, Ur, Lagash (Mésopotamie), Cnossos, Phaestos (Crète), Memphis, Thèbes (Égypte), v.v...

Điều đáng chú ý trước tiên, là sự hiện diện của những hình họa trang trí rất mỹ thuật trên các đồ gốm ở Mésopotamie, chủ yếu là ở các trung tâm như : Suse (Elam), Our (Sumer),

Arpachya (Assyrie), Sialk (cao nguyên Iran). Những đồ gốm này có niên đại từ trên 4000 đến 3500 tr. CN.

Về hội họa, trong những tác phẩm còn bảo tồn được cho đến ngày nay, trước hết, phải kể đến bức họa mang tên “*L’Etandard d’Ur*” ở Suse (2600 tr. CN). Đề tài của bức họa này là cuộc rước lễ vật đến nơi làm lễ ăn mừng chiến thắng.

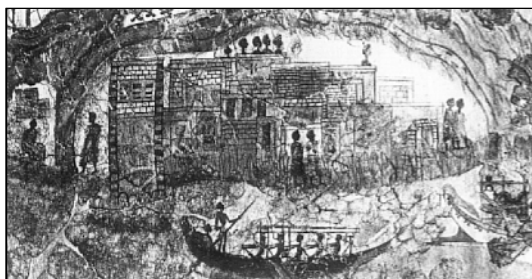
Đoàn người đem lễ vật được chia thành từng tốp khác nhau, mỗi tốp được thể hiện trên một băng ngang, băng nọ chồng lên băng kia. Hình thức biểu hiện này, được coi như một qui ước nghệ thuật –



L’Etandard d’Ur, 2600 tr. CN

trước khi người ta khám phá ra phép viễn cận và những thủ thuật khác cho phép kể lại nhiều truyện tích khác nhau trên cùng một bức họa – sẽ được áp dụng một cách khá phổ biến trong các tác phẩm hội họa Ai Cập và Hy Lạp, và sẽ còn tồn tại mãi đến ít nhất hơn mười thế kỷ sau : ở Persépolis, kinh thành của nước Perse (Iran cổ, 424 tr. CN), người ta còn thấy những bức chạm nổi sử dụng qui ước này.

Ở cung điện Mari (Mésopotamie, 1800 tr. CN), và Cnossos (Crète, 1500 tr. CN), cũng có nhiều bức bích họa đáng chú ý, mà chủ đề là các sinh hoạt thường ngày. Ở đảo Santorin, Hy Lạp, có một bức họa mang tên “*La Maison de l’Ouest*” (1500 tr. CN), là một trong những bức họa cổ, báo hiệu phong cách hội họa Hy Lạp và La Mã cổ điển. Bức họa này, vừa có giá trị nghệ thuật, lại vừa minh họa một cách rõ ràng một qui ước



“*La Maison de l’Ouest*”, đảo Santorin, 1500 tr. CN

nghệ thuật, đó là cách thể hiện gần xa không theo phép viễn cận, mà chỉ vẽ chồng cảnh nọ lên cảnh kia, đằng trước ở dưới, đằng sau ở trên, v.v...

Ở cung điện Sennachérib (Assyrie, 705-681 tr. CN), nhiều bức họa và chạm nổi cũng đã được thực hiện theo phong cách đó, với đề tài săn bắn, hay đánh cá. Sau này, người ta sẽ thấy rằng qui ước này sẽ được áp dụng một cách phổ biến trong một số nền tranh cổ ở Á Đông (tranh cổ, tranh thờ và tranh dân gian Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam ; những bức tiểu họa Ba tư – miniatures persanes, v.v...).

1500 tr. CN, cũng là đầu thời nhà Thương ở Trung Quốc. Vào thời kỳ này, hội họa ở Trung Quốc đã có chưa, và cụ thể ra sao, thì người ta không biết, vì không có chứng tích. Song, ngược lại, người ta đã lưu giữ được nhiều đồ đồng thau và đồ gốm, đặc biệt là những văn tự đồ họa đầu tiên trên mai rùa, gọi là *Giáp cốt văn* (thời nhà Thương), những chữ *Tiểu triện* (thời nhà Tần) và những chữ *thảo* (đầu thời nhà Hán). Dấu tích xưa

nhất mà cho đến nay người ta biết được của hội họa Trung Quốc là một vài bức họa tìm được trong các ngôi mộ Hán (thế kỷ 2 tr. CN). Mãi đến khi con đường tơ lụa được khai thông, và đạo Phật xâm nhập vào các nước vùng Trung Á và Trung Quốc, mới có được những bức bích họa ở Đôn Hoàng (thế kỷ 5). Phải chờ đến bắt đầu từ thời nhà Đường (thế kỷ 7) trở đi, nghệ thuật hội họa mới có điều kiện để phát triển một cách liên tục và lưu truyền lại được cho đến các đời sau.

Phật giáo và Ấn Độ giáo đã để lại cho hậu thế, trong các hang động ở Ajanta (Ấn Độ, thế kỷ 5-6), nhiều bức bích họa có giá trị. Do giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, từ Địa Trung Hải, qua Tiểu Á, Trung Á, đến Ấn Độ, Trung Quốc, nghệ thuật hội họa Phật giáo ở Ajanta, cũng như ở Đôn Hoàng đều mang đậm ảnh hưởng của nghệ thuật truyền đến từ phương Tây, trong đó dễ nhận biết nhất là nghệ thuật cổ Hy Lạp.

Ở vùng Tiểu Á, cũng như ở những nước phía Nam châu Âu, ven bờ Địa Trung Hải, bắt đầu từ 1500 tr. CN trở đi, nhiều cuộc chiến tranh liên tiếp giữa các thế lực, đã gây nên nhiều biến cố quan trọng, thậm chí đã tiêu diệt nhiều nền văn minh nổi tiếng của các dân tộc Crétois, Assyriens, Etrusques, Carthaginois, v.v... Các nền văn minh này tuy không còn nữa, nhưng đã để lại nhiều di sản nghệ thuật quý báu.

Thế kỷ 5 tr. CN, là thời kỳ nghệ thuật cổ điển Hy Lạp hình thành và phát triển với những tiêu chuẩn và qui ước rõ ràng, chính xác, về *cái đẹp*, khởi đầu là nghệ thuật điêu khắc, với Polyclète. Về hội họa, phải chờ đến thế kỷ 4 tr. CN, với Apelle, người đã vẽ những bức chân dung chính thức của Alexandre le Grand, mới có được những tác phẩm, được tính chất hiện thực, đánh dấu một bước tiến mới của nền hội họa cổ điển Hy Lạp. Nền nghệ thuật này đã ảnh hưởng sâu đậm lên nhiều nền nghệ thuật ở châu Âu, đặc biệt là nghệ thuật La Mã, mặc dầu Hy Lạp đã bị La Mã đô hộ trong nhiều thế kỷ (bắt đầu từ thế kỷ 1 tr. Công Nguyên). Bước vào thế kỷ 2 tr. CN, người ta thấy xuất hiện một nền hội họa La Mã đầy nét hiện thực và đầy sức sống, thể hiện những cảnh đời thường của người dân La Mã ở mọi tầng lớp xã hội. Trận động đất ở Pompéi năm 79, một tai họa khủng khiếp đã chôn sống cả hàng ngàn người, nhưng cũng may thay, đã vùi lấp và nhờ đó đã bảo tồn được dưới lớp nham thạch nhiều hiện vật và tác phẩm nghệ thuật quý báu, nói lên nền văn minh và đời sống hàng ngày của người La Mã ở thế kỷ 1 đầu Công Nguyên.

Những tác phẩm hội họa tìm thấy được ở đây, cũng như những tác phẩm hội họa tìm thấy được ở Ai Cập dưới thời kỳ bị La Mã đô hộ, cho thấy một nền nghệ thuật hiện thực, giàu tính nhân bản và đã đạt đến một trình độ kỹ thuật cao. Nền nghệ thuật này sẽ có một ảnh hưởng trực tiếp lên nền nghệ thuật Ki-tô giáo, ra đời bắt đầu từ thế kỷ 4 trở đi, khi hoàng đế La Mã Constantin (306-337) qui theo đạo này, và đặt kinh đô mới ở Constantinople (Byzance cũ, Istanbul ngày nay).

Từ đó trở đi, nghệ thuật Ki-tô giáo đã phát triển không gián đoạn, trải qua nhiều thời kỳ, nhiều xu hướng, với nhiều ý tưởng và phong cách nghệ thuật khác nhau (Byzantin, tiền Roman, Roman, Gothique, tiền Phục Hưng, Phục Hưng, Cổ điển, v.v...), và trên một địa bàn rộng lớn : từ Đông Âu sang Tây Âu ; từ những nước vùng Tiểu Á, Arménie, đến Syrie, Palestine ; từ Ai Cập, đến Ethiopie.

Đó là một nền nghệ thuật phong phú, cả về nội dung lẫn hình thức, với những đề tài cho phép người hoạ sĩ tưởng tượng và diễn dịch một cách khá linh hoạt, mặc dầu vẫn phải tôn trọng một số qui ước : từ những sự kiện lịch sử liên quan đến Ki-tô giáo, cho đến những truyền thuyết, những truyện tích trong Kinh thánh. Song, bao trùm lên tất cả các đề tài, là đức Tin, một khái niệm vừa cụ thể, vừa mông lung, trừu tượng, không dễ gì diễn đạt được bằng hình tượng hội hoạ. Chính *cái không nhìn thấy được* này mới là cái mà các hoạ sĩ Ki-tô giáo, ở mỗi thời kỳ nghệ thuật, đều đã cố gắng thể hiện, từ Giotto, Fra Angelico, cho đến Rouault.

Sự phát triển của nền hội hoạ Ki-tô giáo, qua các thời kỳ nghệ thuật khác nhau, rõ ràng không thể nào theo một đường thẳng duy nhất ! Có thể nói rằng mỗi thời kỳ của nó là một đường cong riêng biệt, lúc lên, lúc xuống ! Khó có thể nào so sánh giá trị nghệ thuật của một thời kỳ, hay của một phong cách nghệ thuật này, với một thời kỳ khác, một phong cách khác. Bởi vì, ở mỗi giai đoạn lịch sử, hội hoạ đều mang những nét đặc thù, đáp ứng với những điều kiện văn hoá, xã hội đã sản sinh ra nó, và những nhu cầu cụ thể đã được đặt ra cho nó ở giai đoạn đó.

Cũng như, mỗi thời kỳ, mỗi phong cách nghệ thuật đều có những tiêu chuẩn, những qui ước riêng, hoàn toàn chủ quan, và – điều này cũng là một thực tế, nếu không muốn nói là một thông lệ đã trở thành như một qui luật trong nghệ thuật, dù cho đó là nghệ thuật tôn giáo, hay phi tôn giáo – mỗi nghệ sĩ, mỗi trường phái, khi phủ định những gì người khác đã làm, mà họ cho là không hay, không đẹp, là lỗi thời, v.v... đều luôn luôn tin rằng mình có thể đem lại được một cái gì mới mẻ hơn. Thái độ này thường xuất phát từ một ý muốn chân thành là đóng góp cho một sự tiến bộ nào đó, hoặc ít nhất, cho một sự đổi mới nào đó của nghệ thuật.

Khái niệm *tiến bộ* và *tiến trình* trong nghệ thuật, phải chăng chỉ nên hiểu một cách tương đối, và nhất là nên khu gọn lại trong một thời kỳ, một phong cách nghệ thuật nhất định ?

Đương nhiên, trong nghệ thuật, người ta hoàn toàn có quyền thích hay không thích một thời kỳ, một phong cách nào đó, so với một thời kỳ, một phong cách khác.

Dẫu sao, 17 thế kỷ hội hoạ Ki-tô giáo cũng là một chặng đường khá dài, nói lên sức sống mãnh liệt của nền nghệ thuật này, một cuộc phiêu lưu, đầy tìm tòi, sáng tạo, đã để lại cho nhân loại một di sản nghệ thuật đồ sộ, từ những bức hoạ Ki-tô giáo đầu tiên của người Coptes (Ai Cập), từ những đỉnh cao của các nền hội hoạ Byzantin, Roman, Gothique, Phục Hưng v.v... cho đến những tác phẩm hiện đại của Rouault, Chagall...

Văn Ngọc

BỔ CHÍNH

Diễn Đàn số 98 (tháng 7.00) đăng bài *Nhật sống của toán học* tưởng niệm Tạ Quang Bửu. Frédéric Phạm, tác giả bài báo, là nhà toán học (ngành hình học vi phân), giáo sư Trường đại học Nice (Pháp).

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Vô cùng xưa cũ

truyện ngắn

Bảo Ninh

Ngày ấy, hình như cha luôn có điều cần nói với Tâm, nhưng không nói. Là Tâm đoán thế, chẳng chắc lắm. Cha Tâm vốn kiệm lời. Trong căn phòng chật chội, hai chục thước vuông, không cửa sổ, thừa muối và thiếu khí trời, ngày đêm dồn ních cả gia đình lại với nhau, thỉnh thoảng Tâm mới nghe thấy lời của cha, nhưng cũng chỉ là những lời mà ai cũng phải nói mỗi ngày. Mọi sự trong nhà, ông như chẳng can dự. Từ khi về hưu, dường như quanh năm suốt tháng ông chẳng đi đâu, chỉ ngồi. Minh ông một chỗ bên bàn nơi góc phòng, với ấm trà, chẳng nói năng gì, âm thầm tự buông trôi. Đêm, ông trở dậy, bật đèn bàn lên, lặng ngồi, nhiều hôm tận sáng.

– *Này, lại cha bảo này...* – ông nói – *Cha muốn...*

Nhưng mà bao giờ ông cũng chỉ mào đầu được có vậy. Từ hôm Tâm có giấy gọi nhập ngũ đã mấy lần cha anh lại chả “*cha bảo này*” như thế. Tâm chờ. Mãi không thấy cha cho biết cha muốn gì, Tâm chẳng gắng.

Ngày mồng bốn Tết, ngay trước hôm Tâm lên đường, buổi chiều, cha bảo anh đi dạo cùng ông. Thời tiết ẩm thấp dù không mưa. Đúng hơn là mưa bay nên không trông thấy, nhưng mặt đường thì ướt và trơn. Hai cha con sóng đôi, chẳng nói chẳng rằng, im lìm rời khỏi khu phố nghèo, vá chằng vá đụp của mình để đi vào vùng trung tâm chật chội, khúc khuỷu, sạm màu rêu xế bên bờ Hồ. Tâm có cảm giác như là cha vừa đi vừa lặng đi. Cái áo bạc-đờ-xuy cũ mềm của cha thũng lổ chỗ. Tâm đỡ khuỷu tay cha, đưa ông sang đường.

Hai cha con vào một quán cà phê “*chui*” nằm ẩn trên tầng áp mái một ngôi nhà cũ nát ở kế rạp Chuông Vàng. Cửa quán là chè đậu đen, nhưng vòng ra sân sau, lên cầu thang thì là cà phê phin. Một khoang gác ọp ẹp, lẩn khuất. Dăm bộ bàn ghế tồi tàn, thấp tí. Khách khứa lặng lẽ như những cái bóng, nhòa mờ, không ai nhìn rõ ai. Cà phê Định Mệnh, ai đó đã gọi cái quán vô danh này như thế, lâu ngày thành tên.

– *Xưa, Hà Nội là một thành phố giàu nữ tính, nồng nàn, nhạy cảm. Bây giờ...* – Như thường vẫn thế, cha Tâm bỏ lửng lời mình.

Bàn của hai cha con kê kê một ô cửa sổ hẹp không có khung gỗ, giống như là một lỗ thủng. Trông ra thấy sàn sàn nhấp nhô cả một vùng ướt át những mái nhà phố cũ và những sân thượng, sân sau, những căn gác lửng. Một Hà Nội cũng xưa, tróc lở, nom là lạ, được nhìn thấy từ phía sau lưng.

– *Quán cà phê này có từ xưa lắm rồi. Xưa sang trọng hơn nhưng cà phê cũng như bây giờ thôi* – cha Tâm nói – *Chắc là con không biết. Quán này vốn của ông bà ngoại con... Hôm 19 tháng Chạp, ông bà đã tản cư, mẹ con vẫn còn ở lại. Cha tới đây, ngồi ở chính chỗ này này. Đèn vụt tắt, súng nổ... Thế là*

cha và mẹ cùng ở lại trong Liên khu 1. Số phận đã định đoạt cho cha mẹ như thế, và cho cả các con nữa... Mẹ đã bao giờ kể với các con chưa : cha và mẹ vốn là bên lương bên giáo. Cho nên, nếu không có kháng chiến thì đã không có con và các em con. Kháng chiến thành công, bỗng con về thì cả hai gia đình nội ngoại đều đã di cư vào Nam...

Từ khi biết nghĩ, biết nhớ, Tâm nhớ là chưa lần nào được cha gần gũi. Đối với hai đứa em gái của Tâm, cha luôn lặng lẽ bộc lộ sự thương yêu chiều chuộng. Nhưng tình cảm của ông với quý tử đầu lòng thì như có một bức tường chắn. Càng lớn lên Tâm càng nặng mặc cảm rằng mình đã làm cha thất vọng. Dường như cha đã mong mỏi, cha đã đòi hỏi ở Tâm một điều gì đó mà anh không thể hiểu, có hiểu cũng không cáng nổi. Từ cái năm Tâm không vượt qua được lớp tám, phải lưu ban, luôn luôn là mẹ chứ không bao giờ là cha đi họp phụ huynh hay ký sổ liên lạc cho Tâm. Còn nhớ có lần cha quyết định dành thì giờ dạy tiếng Pháp cho Tâm mỗi tối. Nhưng chỉ được một tối, ông ngừng ngay. Ông lộ một vẻ ngao ngán không giấu giếm. Cha coi mình là đồ bỏ, Tâm thường nghĩ thế.

– *Năm 54, đã mừng cho tương lai của các con. Ngỡ rằng bao nhiêu nỗi khổ của đất nước, thời cha mẹ đã gánh, các con sẽ lớn lên, vui sống trong hoà bình. Nào ngờ nạn nước chưa dứt. Lại đến lượt thời các con...*

Sau ngày mai, trận mạc chờ Tâm. Chiều nay, anh rúc vào xó này nhám nháp những giọt đắng ngắt và nghe nghiền ngẫm ngậm ngùi những chuyện gì đâu. Anh ngồi, lặng thinh, nhìn cái gạt tàn đã được dúi đầy tràn những mẩu thuốc lá, nhìn tách cà phê đã cạn, nhìn những cái bóng ở các bàn bên, nhìn ra trời chiều. Hà Nội xuân sang, ngậm mình trong mưa.

Cha Tâm gọi thêm hai ly cà phê. Bao Tam Đảo đã hết, ông lấy trong túi ra một bao khác. Tâm diêm nhiên bóc bao thuốc, rút một điếu. Cha xòe diêm châm lửa cho anh. Xưa giờ đừng nói bia rượu, chỉ một ngụm cà phê thôi Tâm cũng không được phép, huống hồ thuốc lá. Nghiêm khắc, nhưng cha Tâm hiếm khi nặng lời, càng không khi nào phạt đòn con cái. Chỉ một lần, ông cho Tâm một bạt tai. Ấy là khi ông bắt gặp Tâm và mấy thằng bạn ngồi phì phèo thuốc lá ở quán nước đầu phố. Ông hầu như không hề biết rằng con trai ông đã 16 tuổi, 17 tuổi, và thậm chí đã 18.

Ông từ chối ký đơn tình nguyện nhập ngũ của Tâm. “*Học hành cho xong đi. Muốn trở thành một quân nhân thì trước tiên phải có học thức*”, ông nói vậy, không muốn nhìn lá đơn. Ông không biết và không hề muốn biết rằng ở phòng tuyển quân của Khu đội người ta đã gần như nhắm mắt con trai ông. Hết lần đơn này tới lần đơn khác của Tâm đều bị gạt. Cay đắng, tủi phận, song Tâm vẫn nhẫn nại. Lượng người xung phong vào bộ đội không phải là ít, lắm bữa đông nườm nượp, có cả phụ nữ, hầu hết đều được toại nguyện. Chỉ trừ Tâm. Con trai một, lại đang học dở cấp ba. Đơn tình nguyện không có chữ ký của phụ huynh. Thêm nữa. Một cán bộ ở Ban tuyển quân do phải tiếp Tâm quá nhiều lần đã đành thực tình nói thẳng : “*Thực tiễn chiến trường chưa cần phải huy động tới học trò con một*”. Ông động viên : “*Bù lại cậu có tinh thần cao. Thế là tốt. Cứ yên tâm. Chẳng chóng thì chầy. Ngay lập tức thì khó, nhưng gì chứ đi đánh Mỹ thì chẳng lo hết lượt*”.

Vào lứa tuổi của Tâm, nỗi sầu muộn có thể giúp người ta phát triển dài người ra như là được bón thúc. Chân, tay, tóc tai,

cổ và cầm, các đốt xương. Mình mảy mọc thêm nhiều thứ, thừa thãi, bơ phờ. Và vừa bải hoải. Về đêm thì ngủ mê, nói mơ và rên rĩ, một mình vật vã trên gác xếp... Mẹ Tâm mua lá ở hàng thuốc nam, sắc lên, ép anh uống, ngày một bát. Mẹ bảo :

– *Chịu khó uống. Cho dịu mộng mị, con ạ. Cho khuấy đi...*

Như vậy là chẳng những không ký đơn cho Tâm, cha anh còn giấu biệt không để mẹ biết việc anh xin nhập ngũ. Khiến cho mẹ nghĩ rằng vì Loan. Mẹ đã gán cho Tâm nỗi đau tình ái. Mẹ nghĩ rằng anh tương tự cô gái dưới gầm cầu thang.

Gia đình Loan mới chuyển tới phố này được ba năm. Chỉ có mỗi hai cha con, neo đơn, nghèo túng, chỗ ở là một cái hốc thụt sâu vào trong gầm cầu thang, nơi ngày trước chứa than và củi. Cha của Loan, cho tới tận trước hôm ngã bệnh qua đời, vẫn ngày ngày nhẩn nại tha một cái va ly rách nhét đầy những cuốn sách cũ mềm và vô bổ ra bày bán nay chỗ này mai chỗ khác ở những góc vỉa hè. Tuy nhiên, không cần biết rõ quá khứ của ông, thoát gặp cũng có thể cảm thấy ngay rằng thực ra ông chẳng phải là một người bán sách rong nào cả, và rằng trước kia hai cha con ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Trong sự nghèo khổ của cha con nhà họ rõ ràng có ẩn một cái gì đó không rõ là cái gì, không bình dân, không như người.

Cùng lớp, nhưng Tâm và Loan chẳng phải chỗ bạn bè. Loan không được tập thể ưa. Mà tập thể thế nào, thì Tâm thế nấy. Chẳng vì một lý do rõ ràng, Loan luôn bị mọi người để ý. Bản thân Loan chắc cũng khổ tâm và đã cố giữ sao cho khỏi lạc khỏi nếp chung, mà không được. Nhìn Loan người ta thấy rằng ở cô có cái gì đó là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dễ trắng trẻo, mềm mịn. Cách nói và dáng đi đều thiếu vẻ mộc mạc. Tâm nhớ là ngay từ bữa đầu vào lớp, Loan đã vấp phải lời xì xào của những bạn cùng bàn rằng đi học mà rầy nước hoa đầy người như quân tư sản. Cứ bước đi một bước là Loan liền để lại đằng sau mình cả một vệt dài hương thơm. Nhưng cô một mực thể trước lớp là chưa hề bao giờ xoa xức lên mình dù chỉ là một ty ty thôi bất kỳ một thứ xa xỉ phẩm nào. “ *Mà thực tình là tôi không cảm thấy gì cả,* – Loan nói, rần rần nước mắt – *Có cảm thấy cũng không biết làm thế nào. Tự như vậy chứ tôi không cố tình...* ”.

Với Loan, Tâm hết sức gìn giữ một dáng vẻ hững hờ và xa cách. Đến nỗi trong suốt bao nhiêu lâu cùng nhà, cùng lớp thế mà hai đứa chưa từng một lần vào chơi nhà nhau. Chạm nhau trong sân, trong bếp, nơi máy nước, nơi cầu thang, thường là Tâm giả tảng chẳng thấy, lơ đi, hoặc không thì cũng chỉ qua quýt nửa vời vài ba lời gì đó trống không. Dừng dưng, lãnh đạm một cách tối tàn.

Hôm đưa đám cha của Loan, cả lớp Tâm góp tiền mua được một vòng hoa. Một cuộc tang ma lèo tèo. Thân quyến người chết mỗi một mình Loan. Người đến viếng thưa thớt. Tâm cũng chỉ nói được lí nhí vài lời gì đó nhạt thếch, đại khái là để chia buồn. Mai táng cha xong, Loan bỏ học. Cũng rồi luôn căn phòng dưới gầm cầu thang. Người ta bảo rằng cô nhập lực lượng thanh niên xung phong. Vào đâu đó trong khu Bốn, hay là bên Lào. Cô đi chẳng gửi lại một lời nào với bạn bè.

Nhưng từ ngày Loan đi, bỗng dưng tình bạn chưa bao giờ có với Loan lại khiến Tâm chao đảo. Bỗng dưng anh trở thành đa cảm, và vô cớ mà tâm trí anh chùng hẫng xuống trong uỷ mị. Thậm chí có đêm Tâm nằm mộng thấy Loan. Một lần hương

mơ hồ như là hương thơm từ giấc mơ cứ mãi vương vấn trên căn gác xếp.

Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính mẹ anh đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. “ *Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hờ mình* ”. Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khẽ tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở gác xếp ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm nghe thấy.

Cha mẹ cùng ký. Và cả đêm, Tâm nghe tiếng mẹ khóc khe khe. Tiếng cha rầu rầu an ủi mẹ. Thỉnh thoảng lại bật ho.

Sáng hôm sau cha cùng Tâm tới Khu đội. Dọc đường, ông bảo : “ *Cha mẹ muốn con học lên, vào đại học, với lại thấy sức vóc con yếu ớt, tâm tính cũng còn non dại, nên dùng dằng không ký đơn cho con. Giờ cha thấy lòng con đã quyết... Vậy cũng là phải thôi con ạ. Làm trai sinh ra gặp thời loạn lạc không thể đứng đưng với vận nước. Nước mất thì nhà tan, ấy là châm ngôn truyền đời... Có điều, con ạ, cha không hoàn toàn an tâm. Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết ý ra đi là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng với đời con chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư...* ”.

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ chuông. Ông chủ quán Định Mệnh bật công tắc đèn. Ngọn đèn đỏ đồng đỏ, trông rõ sợi tóc trong bóng. Ngoài trời, màn mưa mờ mỏng như lớp sương vàng nhạt sa phủ trên thành phố, làm nhòa ánh sáng những vệt đèn đường.

– *Ta về thôi con nhỉ* – cha Tâm nói và vẫn ngồi yên – *Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...*

Cái buổi chiều tối ấy, cái quán cà phê ấy và nói chung, tất cả những ngày xưa cũ ấy sống mãi suốt đời Tâm, nhưng chắc chắn là anh sẽ không bao giờ muốn nhớ lại làm gì nếu như không vì muốn có một lần trở về với tình cha con xưa cũ và nhiều đau đớn của một thời.

Bảo Ninh

(Lao Động số 55, 17-3-2000)

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 30.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)